

VĂN HÓA PHẬT GIÁO
NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY



Sách này chỉ kính biếu, không bán!

Quý bạn đọc có thể thỉnh sách tại TU
VIỆN CHƠN NHƯ. Ấn bản điện tử được đăng tải
tại trang web:

<https://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC



NHỮNG LỜI GỐC
PHẬT DẠY
TẬP I

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO



Sau khi chứng đạo dưới cội Bồ đề, đức Phật Thích Ca Mâu Ni triển khai bốn chân lý của loài người, để trở thành một môn học đạo đức nhân bản - nhân quả, giúp cho con người biến cảnh thế gian thành cảnh Thiên Đàng, Cực Lạc.

Lời nói đầu

“Những Lời Gốc Phật Dạy”

là tên bộ sách nhiều tập, gồm những lời Phật dạy ngắn gọn được rút ra từ những bài kệ và những bài kinh trong tạng kinh Nikaya, nói lên rõ ý nghĩa và mục đích giải thoát của Đạo Phật, nhất là những pháp hành thực tế, cụ thể. Từ cách thức tu tập đến cách thức sống hàng ngày đối với tất cả mọi hoàn cảnh, mọi đối tượng đều

đem lại cho mình, cho người một tâm hồn thanh thản, an vui và võ sự, lúc nào tâm hồn cũng bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, luôn luôn không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

Nhận thấy những lời dạy này rất quý báu có giá trị và lợi ích rất lớn cho những ai có ý chí quyết tâm tu hành tìm đường thoát khổ, những lời dạy đạo đức này thiết thực mang đến hạnh phúc an vui cho mọi người, nên chúng tôi xin trích ra và chú giải theo đúng kinh nghiệm tu hành của mình đã có kết quả, để giúp cho những người hữu duyên với Chánh Phật Pháp Nguyên Thủy.

Đứng trước hai ngã đường tu tập: Nguyên Thủy và Đại Thừa, nếu một người chưa có kinh nghiệm tu hành thì sẽ

ngắn gọn trước hai lộ trình này, sẽ không biết chọn con đường nào và có thể bị lừa đảo qua những danh từ rất kêu và rất bài bác Phật giáo: “Đại Thừa và Tiểu Thừa”, “Tối Thượng Thừa Thiên và Phạm Phu Thiên”.

Chúng ta còn là những phạm phu, tâm ham muốn còn nhiều, nghe những danh từ Đại Thừa, Tối Thượng Thừa, ai mà không ham. Chúng ta làm sao không chọn lộ trình Đại Thừa, Tối Thượng Thừa mà bỏ Tiểu Thừa, Phạm Phu Thiên, phải không hỏi các bạn? Theo kinh nghiệm tu hành các pháp môn của Đại Thừa, chúng tôi đã phải trả một giá quá đắt mà chẳng được gì, chỉ toàn là ăn bánh vẽ. Cuối cùng, chúng tôi chọn lấy con đường thích hợp với nguyện

ọng tha thiết tìm tu giải thoát cho mình. Đó là con đường Nguyễn Thủy, và khi tu tập thì có kết quả thực tế ngay liền, nên bây giờ chúng tôi xin trao lại cho các bạn, vì chúng tôi hiểu các bạn cũng là những người muốn thoát ra khỏi cuộc đời đầy khổ đau phiền não này.

Thưa các bạn! Những lời dạy ngắn gọn này là những hành động đạo đức tuyệt vời của Đạo Phật để hành giả biết sửa đổi những lỗi lầm thiếu đạo đức của mình và để luôn luôn khắc phục tâm mình sống phải có những hành động đạo đức nhân bản - nhân quả, không làm khổ mình, khổ người. Đó cũng là xây dựng lại cuộc sống chung nhau, đối với những người thân thương trong gia đình cũng như ngoài xã hội, quyết tâm luôn

luôn đem đến cho nhau những sự an vui, thanh thản và vô sự.

Chúng tôi trích ra những lời dạy này xin các bạn hãy đọc kỹ, đọc nhiều lần, vì những lời dạy cơ động này, nếu chỉ đọc lướt qua một lần thì chúng tôi e rằng các bạn sẽ không hiểu hết ý nghĩa vì đây là hành động đạo đức của loài người, không phân biệt người có tôn giáo hay không tôn giáo. Và nhất là các bạn nên xem lại phần chú giải của chúng tôi, vì phần chú giải có những kinh nghiệm sống và tu hành cụ thể, thực tế, có kết quả thật sự theo những lời dạy này. Vì thế, chúng tôi mạnh dạn ghi lại để giúp các bạn thực hành áp dụng vào đời sống của mình sẽ có kết quả ngay liền mà không hề sợ lạc lối vào con đường chịu đựng, ức chế tâm.

Tập sách này với mục đích giúp cho các bạn nhận rõ thiên định của Phật giáo Nguyên Thủy và thiên định của Phật giáo Đại Thừa, Tối Thượng Thừa. Về cách thực tu tập và kết quả thì những loại thiên này không giống nhau chút nào cả. Đó là một điều hết sức quan trọng cho cuộc đời tu hành của các bạn. Nếu tu theo các pháp thiên của Đại Thừa thì các bạn sẽ rơi vào thiên ức chế tâm, nhập vào các loại định tướng. Tu như vậy sẽ uổng phí một đời tu hành chẳng ích lợi gì cho các bạn và cho những người khác, bởi vì tâm các bạn vẫn còn tham, sân, si, mạn, nghi.

Khi các bạn chấp nhận tu hành theo thiên định của Đại Thừa và thiên Đồng Độ, nếu có được kết quả cũng chỉ là đạt

được định tướng, tướng tuệ. Định tướng là loại thiên định không lý dục lý ác pháp nên các bạn không đoạn diệt được tâm tham, sân, si. Do đó, các bạn không đủ đạo lực làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Vì thế, các bạn nên nghiệm xét lại các bậc Tôn Túc Hòa Thượng, Thượng Tọa v.v.. thường bệnh đau đi bác sĩ, nằm bệnh viện... Trong định tướng thường hay phát triển Tướng tuệ. Tướng tuệ là những trí tuệ hay tranh cãi lý luận hơn thua hay làm thơ văn siêu tướng về Phật Tánh tuyệt vời. Do chỗ chúng thiên tướng này mà các Thầy Đại Thừa và Thiên Tông thường hay xem giáo lý Nguyên Thủy là Tiểu Thừa, là ngoại đạo, cho rằng loại thiên Nguyên Thủy đó

*dạy người tu tập ly dục ly ác pháp là loại
thiền phạm phu.*

*Tập sách này sẽ giúp cho các bạn biết
cách thức tu thiền xả tâm với những bài
pháp ngắn gọn của đức Phật, nhưng rất rõ
ràng và dễ hiểu, có như vậy các bạn tu tập
mới không lạc vào thiền ức chế tâm của kinh
sách phát triển Đại Thừa và Thiền Tông
hoặc của Bà La Môn Giáo hay của ngoại
đạo.*

*Tập sách này ra đời chỉ có ước vọng
làm sáng tỏ lại đường lối tu hành của Đạo
Phật và giúp cho những ai có nhiệt tâm tu
tập sẽ thấy kết quả ngay liền, nếu không có
kết quả tức là các bạn đã tu sai cần phải
thua hỏi lại thiện hữu tri thức.*

Cuối cùng, chúng tôi xin các bạn nên lưu ý những lời dạy ngắn gọn của đức Phật là những lời vàng ngọc, hãy trân trọng và tôn kính thì con đường tu tập của các bạn mới đạt được chân giải thoát.

*Kính ghi,
Trưởng lão Thích Thông Lạc
Ngày 30-1-2000*

TRƯỞNG LÃO

LỜI PHÁT DẠY

*“Nếu rõ pháp như thật
Vô hại đối quần sanh
Bỏ các hạnh uế ác
Đây gọi là Trưởng lão”*

--o0o--

*“Ta gọi người Trưởng lão
Chưa hẳn đã xuất gia
Tu gốc nghiệp lành này
Phân biệt ở chánh hạnh”*

--o0o--

*“Nếu có người tuổi nhỏ
Các căn không thiếu sót
Phân biệt chánh pháp lành
Đây gọi là Trưởng lão”*

CHÚ GIẢI:

7 TU HÀNH KHÔNG KHÓ, KHÓ LÀ NGƯỜI KHÔNG LY DỤC LY ÁC PHÁP

Đọc bài kệ trên đây chúng ta thấy tu hành theo Phật giáo không khó, khó là tại chúng ta không chịu ly tâm tham, tâm sân, tâm si. Nếu chịu khó và quyết tâm lìa tâm tham, sân, si thì ngay đó được gọi là Trưởng lão. Trưởng lão trong Đạo Phật được xem là một bậc tu chứng đã giải thoát hoàn toàn như bậc A La Hán. Trưởng lão không phân biệt tu sĩ hay cư sĩ, không phân biệt tuổi tác nhỏ hay lớn, dù là người tu sĩ lớn tuổi hay trẻ tuổi, người cư sĩ cũng vậy, một khi đã tu chứng thì đều được gọi là Trưởng lão. Ngược lại, dù một vị Tỳ kheo tám mươi tuổi mà tu không chứng thì không được gọi là Trưởng lão, chứ không phải tu lâu năm rồi thành sư cụ theo kiểu Đại Thừa.

Đọc bài kệ này, chúng ta thấy rất rõ, muốn tu chứng đạo giải thoát của Phật giáo thì phải thấu rõ pháp môn của đức Phật dạy tu như thế nào.

Câu kệ đầu: ***“Nếu rõ pháp như thật”*** nhấn mạnh vào ba chữ ***“rõ như thật”***. Vậy rõ

như thật là rõ cái gì? Rõ như thật có hai nghĩa, các bạn cần phải hiểu:

1- Biết rõ như thật pháp của Phật dạy, không bị lầm lạc pháp của ngoại đạo.

2- Hiểu rõ nghĩa lý thiện pháp và ác pháp đúng như lời đức Phật đã dạy.

Muốn hiểu rõ nghĩa lời Phật dạy trong câu kệ thứ hai: **“Vô hại đối quần sanh”** thì cần phải hiểu cái gì vô hại. Đó chính là pháp thiện, pháp không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

Vậy, mục đích của Đạo Phật dạy chúng ta tu hành là dạy sống trong thiện pháp không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, tức là “ly dục ly ác pháp”.

Để xác định, một lần nữa đức Phật dạy: **“Bỏ các hạnh uế ác”**. Câu này Phật dạy quá rõ ràng không còn nghi ngờ gì nữa, chỉ rõ pháp thiện như thật để ngăn và diệt ác pháp, luôn luôn sống trong thiện pháp không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì ngay đó là một bậc tu chứng của Đạo Phật. Có đúng như vậy không các bạn? Pháp tu như vậy có khó không? Nếu các bạn đã sống tâm ly

dục ly ác pháp thì các bạn là bậc giải thoát, là người tu đã chứng đạo. Như vậy, ngôi thiên, niệm Phật, tụng kinh, bái sám, v.v.. có giải thoát không? Có chứng đạo không? Xin các bạn trả lời đi!

Các bạn cứ xem từ xưa cho đến ngày nay Đại Thừa và Thiên Tông dạy người ngôi thiên, niệm Phật, tụng kinh, lạy hồng danh chư Phật và sám hối mà có ai ly dục ly ác pháp không? Có ai là người xứng đáng được gọi là bậc Trưởng lão chưa? Hay thấy một vị tu sĩ ở chùa lâu năm, lầu thông kinh sách, tán tụng hay thì gọi là Trưởng lão. Trưởng lão này cũng giống như Sư Cụ ở chùa lâu năm mà thôi.

Câu thứ tư trong bài kệ nhấn mạnh một cách xác quyết: **“*Đây gọi là Trưởng lão*”**. Nếu một người tu theo Đạo Phật không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh thì đó là bậc Trưởng lão, tức là người đã tu chứng quả giải thoát. Thật ra, muốn không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, là phải có một quá trình tu tập chứ không phải nói suông mà có được dễ dàng.

Đọc bốn câu kệ này các bạn thấy pháp của đức Phật đâu có dạy ngôi thiên ức chế tâm cho hết vọng tưởng để kiến tánh thành Phật;

hay niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương; hay niệm chú để có thần thông pháp thuật biến hóa tàng hình; hay để có Tha Tâm Thông biết chuyện quá khứ vị lai của mọi người; hay tụng kinh, sám hối, lạy hồng danh chư Phật để cho tiêu tai, giải nạn, v.v.. Ở đây, đức Phật chỉ có dạy chúng ta sống ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp, tức là không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì chúng đạo, chứ không phải cần thấy tánh mới thành Phật như Thiền Tông đã dạy: **“Kiến tánh thành Phật”**. Khi tu hành nhận được **“tánh thấy, tánh nghe, tánh biết”** mà tâm tham, sân, si vẫn còn thì giải thoát ở chỗ nào? Nên có người mới hỏi Thiền sư tại sao vậy? Thiền sư trả lời: *“Tại vì tạp khí còn”*. Do câu trả lời này mà người ta bảo rằng lưỡi của Thiền sư là lưỡi lừa. Đúng vậy, Thiền Đông Độ và kinh sách Đại Thừa quả thật đã lừa đảo chúng ta.

Bài kệ này trong kinh Nguyên Thủy thuộc hệ A Hàm trong Hán tạng mà còn giữ gìn được nguyên gốc lời dạy chân chánh của đức Phật thì quả thật chúng sanh còn nhiều duyên lành với Chánh pháp của Phật. Bài kinh này dạy tu hành rất cụ thể và xác thực từ lúc bắt

đầu tu cho đến khi giải thoát hoàn toàn một cách rõ ràng cụ thể: ***“Pháp Ta không có thời gian đến để mà thấy...”***. Pháp Phật tu tập không mơ hồ, không trừu tượng như pháp môn của kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ.

Như chúng ta đã biết kinh Nguyên Thủy A Hàm thuộc Hán Tạng là do các Tổ Bà La Môn kết tập nên đã bị các Tổ thêm, bớt rất nhiều, khiến cho Tạng kinh này không còn mang tính chất Nguyên Thủy rạch ròi của nó. Hòa Thượng Thích Minh Châu khi lập Luận án Tiến sĩ Phật học, Ngài đã đem hai bộ kinh Trung A Hàm thuộc Hán Tạng và Trung Bộ kinh thuộc Tạng kinh Pali ra so sánh thì thấy có rất nhiều điểm sai khác to lớn khiến cho người sau đọc kinh A Hàm không biết lời dạy nào đúng là lời của Phật và lời dạy nào không đúng. Vì thế, trên bước đường tu học của chúng ta ngày nay nếu không có thiện hữu tri thức có kinh nghiệm hướng dẫn thì chắc chắn sẽ dễ dàng tu sai lạc vào pháp môn của ngoại đạo.

Theo bốn câu kệ này, nếu chúng ta nhiệt tâm tinh cần tu tập hằng ngày sống trong thiện pháp không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì chúng ta sẽ chứng

đạo. Chúng đạo một cách dễ dàng, chứ không phải như mọi người đã nghĩ: Khó quá!!!

Kính thưa quý vị! Tu như bài kệ trên đây dạy thì không khó. Phải không quý vị?

Tu, chúng ta chỉ cần biết sống cho đúng thiện pháp, không làm khổ mình, khổ người, khổ chúng sanh. Tu như vậy là hạnh phúc là an vui, thanh thản và vô sự cho mình, cho mọi người và cho muôn loài chúng sanh. Đó chính là sự giải thoát chân thật của Đạo Phật, chứ đâu phải tu tập là phải chịu cực khổ vào chùa làm công quả, rồi hằng ngày niệm Phật, tụng kinh, bái sám, cầu nguyện cho tiêu tai, giải tan nghiệp chướng; cho bệnh tật tiêu trừ; cho được vắng sanh về Cực Lạc Tây Phương; hoặc ngồi thiền để kiến tánh thành Phật; hay lạy hồng danh chư Phật để được gia hộ giải thoát. Luật nhân quả không chấp nhận những điều này, nên dù cho suốt tháng ngày niệm Phật, tụng kinh, cầu nguyện cũng không bao giờ bệnh tật tiêu trừ, tai qua nạn khỏi; dù có lạy hồng danh chư Phật đến mòn đầu gối cũng không giải thoát. Giải thoát đâu chẳng thấy mà chỉ thấy phí công vô ích. Còn ngồi thiền thì đau chân như ai bẻ, tê chân như ai dẫm, nóng chân như ai đốt lửa, đạo đâu chẳng thấy, chỉ thấy mình

ngu si tự làm khổ mình. Ngồi thiền cố gắng tập trung tư tưởng không cho niệm thiện, niệm ác xen vào, đến nổi đầu nặng như đội đá, mặt căng như da trống. Tuy khổ đau như vậy, nhưng vẫn tu tập không dám bỏ một phút, một giây nào, cho đến khi bị nhức óc, đau đầu như ai lấy dây xiết quanh đầu, đau nhức như bưng, thế mà Phật tánh có giúp cho mình hết khổ đau được không? Có hết tham, sân, si, mạn, nghi không? Rõ ràng bỏ cửa, bỏ công, phí sức tu tập mà không tìm giải thoát được, chỉ toàn sống trong xúc tưởng hỷ lạc ảo giác, do ngu si không hiểu biết thiền định nên cho đó là thiền định. Thật là tội nghiệp cho những người mù muốn biết màu sắc. Ôi! Đáng thương xót vậy.

Tóm lại, bốn câu kệ trên cho thấy sự tu hành của Đạo Phật không khó, tu đến đâu là có giải thoát đến đó ngay liền; có khó chăng là chỉ những người không muốn tìm sự giải thoát nên không chịu bỏ những ác pháp, không chịu từ bỏ xa lìa tâm ham muốn dục lạc thế gian.

Thường những người ưa thích ngồi thiền kéo dài nhiều thời gian không vọng niệm, để kiến tánh thành Phật, hoặc ham mê thần thông nên tu khổ hạnh, chịu đau khổ, không muốn rời sự đau khổ, lấy sự đau khổ làm sự

giải thoát để đạt được mục đích thần thông. Đối với Đạo Phật, những sự tu tập đó là đi ngược lại đường lối giải thoát của Phật. Do những sự ham mê như trên đã nói, nên họ thấy tu tập là tu khó.

Đối với những người có quyết tâm vượt thoát ra khỏi bản chất loài cầm thú của mình thì Đạo Phật tu hành không khó, tu hành rất dễ dàng; chỉ khó đối với những người không chịu lià xa, không muốn từ bỏ bản chất cầm thú của mình nên đành phải chịu khổ đau muôn đời, muôn kiếp.

NGƯỜI TU CHỨNG KHÔNG PHÂN BIỆT NGƯỜI XUẤT GIA HAY TẠI GIA

Người đời thường có quan niệm cho rằng người xuất gia mới tu chứng Thánh quả A La Hán, mới thành Phật, còn người tại gia thì không bao giờ tu chứng được. Đối với Đạo Phật những quan niệm này sai lầm. Đạo Phật không phân biệt người xuất gia hay tại gia mà chỉ dành cho những người có quyết tâm tìm tu giải thoát, để thoát ra khỏi biển khổ sanh tử luân hồi. Nhưng điều quan trọng trong sự tu tập này là phải thấu rõ giáo pháp của đức Phật là ***“Thiện pháp”***, là ***“Đức hạnh cao quý”*** của

loài người và của Thánh nhân, nên muốn tu tập là phải luôn luôn khắc phục tâm, chế ngự tâm, dẫn tâm và làm chủ tâm mình, để biết sống trọn vẹn trong những hành động đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Muốn được vậy thì người tu tập phải nhiệt tâm tinh cần sống một đời sống đạo đức toàn thiện. Người sống được một đời sống như vậy là người chứng đạo, chứ không phải chứng đạo ở chiếc áo cà sa và chiếc đầu cạo trọc. Người tu sĩ Phật giáo tu tập giới luật không nghiêm túc, thường phạm giới, phá giới tức là không ly dục ly ác pháp thì được xem là một cư sĩ trọc đầu. Cho nên, đức Phật đã xác định điều này qua hai câu kệ dưới đây rất rõ ràng:

“Ta gọi người Trưởng lão.

Chưa hẳn đã xuất gia”

Đây là lời đức Phật dạy, chắc quý vị cư sĩ không còn nghi ngờ gì nữa, cũng không e ngại và cũng không mặc cảm với chiếc áo cư sĩ của mình sẽ không tu chứng. Hãy luôn luôn tin chắc rằng mình sẽ tu chứng quả giải thoát không thua tu sĩ. Bởi tu chứng theo Đạo Phật không có gì khó khăn, chỉ có biết sống đúng đời sống đạo đức nhân bản - nhân quả, không

làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh như trên đã nói, thì dù là người xuất gia hay tại gia cũng đều chứng đạo như nhau cả. Nếu không ngăn ác, diệt ác pháp thì người xuất gia cũng như người tại gia không thể nào sống đúng đạo đức nhân bản - nhân quả này được. Không sống đúng đạo đức nhân bản - nhân quả này thì chẳng bao giờ chứng đạo, dù có tu pháp môn nào cũng chẳng có giải thoát. Xin quý vị lưu ý lời dạy này.

Một vị tu sĩ của Đạo Phật tu chứng đạo rất dễ nhận xét: Đó là người nào ly dục ly ác pháp, sống đúng giới luật, tức là sống đúng đạo đức nhân bản - nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Chính những người ấy đã chứng đạo, hay nói cách khác là người ấy sống thường tư duy suy xét lại tâm mình có lỗi thì ngăn chừa, cho nên không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Người sống không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào là người chứng đạo. Có phải vậy không quý vị?

Chứng đạo đâu có nghĩa là kiến tánh thành Phật; chứng đạo đâu có nghĩa là phải có thần thông, phép thuật tàng hình, kêu mây gọi gió, biết chuyện quá khứ vị lai của mọi người, v.v..; chứng đạo đâu phải ngồi thiền năm bảy

ngày, một tháng, hai tháng, một năm, hai năm, v.v.. Chúng đạo chỉ là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, quý vị ạ!

Từ xưa đến nay người ta cứ nghĩ rằng người tu chúng đạo là người phải siêu việt, phải có đầy đủ thần thông, phép thuật, phải có hào quang, ánh sáng chói lọi khắp bầu trời, v.v.. chứ người ta đâu nghĩ rằng người tu chúng đạo chỉ là người sống trọn vẹn đầy đủ đạo đức làm người không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh. Đó là Đạo Phật, đạo giải thoát sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Đây mới thật sự là giải thoát, mới thực sự là đạo từ bi, mới thật sự là đạo trí tuệ, mới thực sự là đạo bất động tâm. Còn những loại pháp môn khác chuyên tụng kinh, niệm Phật, sám hối, ngồi thiền, niệm chú, bắt ấn, cầu an, cầu siêu, thần thông phép thuật, biết chuyện quá khứ vị lai, xem sao, đoán vận mạng, xem ngày giờ tốt xấu cất nhà dựng vợ gả chồng, v.v.. toàn là những pháp môn lừa đảo, lường gạt người, mua danh bán lợi, buôn Phật bán pháp. Cho nên, đức Phật gọi đó là những trò ảo thuật lừa bịp, gian xảo của những Ma Vương Ba Tuần, của Quỷ La Sát, v.v..

Để mọi người thấy rõ giáo pháp của đức Phật hơn, bằng hai câu kệ dưới đây Ngài đã xác định cho mọi người biết rõ để khỏi lầm lạc tà pháp của ngoại đạo:

“Tu gốc nghiệp lành này

Phân biệt ở chánh hạnh”.

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì đó không phải là gốc thiện sao?

Câu kệ thứ hai chỉ cho chúng ta thấy rõ hơn, nếu muốn biết người tu chứng đạo thì hãy nhìn vào đạo đức của họ: ***“Phân biệt ở chánh hạnh”***. Phân biệt ở chánh hạnh, quý vị thấy có khó không? Chánh hạnh là gì? Chánh hạnh là những hành động đoan chánh ngay thẳng, thấy sai nói sai, thấy đúng nói đúng, thấy của Phật nói của Phật, thấy của Đại Thừa nói của Đại Thừa, chứ không nịnh bợ, a dua hay thấy sai mà không dám nói sai, thấy của Đại Thừa lại nói là của Phật. Đối với Phật giáo đó là tà hạnh hèn nhát không phải chánh hạnh.

Từ xưa đến nay chúng ta thường bị các pháp môn ngoại đạo lừa đảo nào là có thể giới siêu hình; nào là ông Thánh này bà Chúa kia ban phước giáng họa; nào là Thiên đàng, Cực

lạc, Niết bàn; nào là Địa ngục, Diêm vương, Quỷ sứ, Ngưu đầu, Mã diện, Ngọc Hoàng Thượng Đế, Thánh, Thần, Tiên, Phật, tà ma, quỷ quái đủ loại, v.v..; nào là ngôi thiên nhập định; nào là để lại nhục thân; nào là tái sinh luân hồi biết chuyện tiền kiếp của mình; nào là đại ngã tiểu ngã; nào là bản thể vạn hữu; nào là có đấng Tạo hoá, Phật tánh, thần thức, linh hồn, v.v.. đều là những trò ảo thuật lừa đảo mọi người mà thôi.

Những trò ảo thuật này chẳng có gì thiết thực cụ thể, toàn là ảo tưởng, mơ hồ, ảo giác,... và chẳng có gì lợi ích cho loài người, mà còn làm hại cho con người “tiền mất tật mang”.

Tóm lại, những gì Đạo Phật đã dạy cho chúng ta tu tập và sống thiện pháp đều nằm trong cuộc sống rất thực tế, cụ thể, thường đem lại lợi ích thiết thực cho con người. Là con người, chúng ta chỉ cần biết sống có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, thì ngay đó là hạnh phúc, là giải thoát rồi, còn có gì đâu mà đòi hỏi phải có thần thông, pháp thuật; phải ngôi thiên năm bảy ngày; phải được vãng sanh vào cõi Cực lạc, Thiên đàng, Niết Bàn, v.v.. Tu hành theo Phật

giáo thì giải thoát ngay liền không cần chờ đợi không gian và thời gian nào cả.

MỌI NGƯỜI GIÀ TRẺ ĐỀU TU CHỨNG

Đạo Phật là đạo bình đẳng: người già cũng như người tuổi trẻ, người nào cũng có thể tu chứng đạo giải thoát và cũng được đức Phật xem như nhau. Đạo Phật là đạo vô giai cấp, người tu sĩ cũng như người cư sĩ, nếu ai tu chứng cũng đều được gọi là Trưởng lão giống như nhau. Khi tu chứng người nào cũng giống như người nào, người nào cũng vô lậu. Trong Đạo Phật không có người tu chứng cao, người tu chứng thấp, vì thế Đạo Phật là đạo bình đẳng.

Tuổi trẻ mà biết phân biệt được thiện pháp và ác pháp, biết sống ngăn ngừa và diệt ác pháp, luôn luôn sống với mọi người với mọi loài chúng sanh trong thiện pháp, tức là không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, thì người ấy được gọi là Trưởng lão. Hai câu kệ dưới đây đức Phật đã xác định rõ điều này:

“Phân biệt chánh pháp lành

Đây gọi là Trưởng lão”.

Lời đức Phật dạy rõ ràng như vậy, cứ sao quý vị tu tập khó quá! Quý vị có biết tại sao không? Chỉ vì quý vị còn tiếc dục và ác pháp nên chưa muốn từ bỏ, chưa muốn xa lìa. Có phải vậy không?

Hai câu kệ trên đây đã xác quyết con đường giải thoát của Đạo Phật không ngoài thiện pháp. Cho nên, không cần phải tụng kinh, niệm Phật, luyện bùa, đọc thần chú, ngồi thiền nhập định mới là giải thoát. Có những người cho rằng: Những hạng người căn cơ còn thấp kém thì phải tụng kinh niệm Phật, ngồi thiền, v.v.. Niệm Phật, ngồi thiền tưởng, cúng bái, tế lễ, cầu siêu, cầu an, v.v.. là những pháp môn mê tín. Cho nên lời dạy này là lời ngụy biện che đậy những tà pháp. Như chúng tôi đã hiểu không lầm, căn bản của Đạo Phật là giới luật, là đạo đức làm người, làm Thánh. Vì thế, hành giả phải biết khắc phục tâm mình; phải biết sửa lỗi lầm khi mình phạm phải; phải biết xấu hổ khi làm một điều ác, khiến cho mình khổ, người khổ, chúng sanh khổ.

Người nào còn chấp Thiên, chấp Định, chấp Tịnh, chấp Mật là đã tu sai Đạo Phật. Một bằng chứng cụ thể chứng minh cho chúng ta thấy rằng: Từ xưa đến nay, trong bốn tông

phái này không có một vị tu sĩ hay một vị cư sĩ nào sống toàn thiện không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Vì thế, cho đến ngày nay chưa thấy có một vị Sư, Thầy hay một vị cư sĩ nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi; thường chết trong bệnh đau và chết trong tưởng định.

Cho nên, kinh Pháp Cú đã xác định rõ ràng: muốn tâm thanh tịnh để nhập các loại định làm chủ sự sống chết, chấm dứt luân hồi thì chỉ có ngăn ác diệt ác pháp và luôn sống trong thiện pháp:

“Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành.

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo”.

Dịch

“Các pháp ác chớ làm

Các pháp thiện nên làm

Tự tâm ý thanh tịnh

Đây lời chư Phật dạy”.

Tóm lại, ba bài kệ trên đây đã xác định khi tu theo Đạo Phật là phải thực hiện pháp nào đúng của Đạo Phật. Nếu không xác định

được pháp môn tu hành chân chính của Đạo Phật thì dù chúng ta có tu ngàn đời, muôn kiếp cũng chẳng tìm thấy được sự giải thoát, chỉ uổng phí một đời tu hành, chẳng ích lợi gì cho mình và cho người khác. Trên đời này, chỉ có Phật giáo mới có pháp duy nhất dạy người tu tập thoát ra bốn sự khổ đau sanh, già, bệnh, chết.

Đạo Phật lấy đạo đức nhân bản – nhân quả, không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh làm tiêu chuẩn sống để tu tập và rèn luyện thân tâm mình cho có những hành động đạo đức, khiến mình và mọi người đều được thanh thản, an vui và hạnh phúc. Đây mới chính là mục đích giải thoát của Phật giáo.



HỔ THEN

LỜI PHẬT DẠY

“Có hai nhân duyên mà người tu sĩ đệ tử của đức Phật phải hết sức quý trọng. Đó là biết hổ và biết then. Nếu con người không biết hai việc này thì cha, mẹ, anh, em, dòng họ thân tộc, tôn ti cao thấp không thể phân biệt. Như các loài gà, chó, heo, dê, lừa, ngựa chúng đều cùng một loại nhưng không có tôn ti, trật tự, vì chúng không biết hai pháp này”.

“Do có hai pháp đạo đức này ở đời nên ắt biết có tôn ti sai khác, nhưng những người lìa hai pháp này thì cũng giống như bầy gà, chó, heo, dê, lừa, ngựa, v.v.. kia vậy, thật không thể lẽ bái họ được”.

(Tăng Nhất A Hàm trang 117)

CHÚ GIẢI:

Đạo Phật lấy thiện pháp làm pháp môn tu tập để đẩy lùi các ác pháp, nên Đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản – nhân quả làm Người, làm Thánh được đức Phật chú ý hàng đầu. Vì thế, toàn bộ kinh sách Phật giáo đều lấy giới luật làm gốc để dạy người tu tập từ cơ bản đến Tam Minh. Bởi vì con người cũng chỉ là một loài động vật, nhưng loài động vật cao cấp. Dù cao cấp đến đâu bản chất loài động vật vẫn còn. Muốn trở thành một con người thật là con người, thì phải sống có đạo đức trọn vẹn, sống một đời sống biết thương người, thương vật như thương chính mình. Đạo đức làm người chưa đủ để giúp cho chúng ta thoát kiếp làm người đầy khổ đau. Vì vậy, chúng ta phải tiến bước trên đường đầy đủ trọn vẹn đạo đức cao hơn nữa để trở thành những bậc Thánh vô lậu, làm chủ bốn sự đau khổ: sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Đó là ước vọng của những người có cái nhìn thấy thế gian này khổ như thật, và biết pháp Phật là giới luật đạo đức cao quý tuyệt vời, giúp con người mãn nguyện.

Cho nên, những vị Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni hoặc những vị cư sĩ xem thường giới

luật, luôn luôn sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, để chạy theo dục lạc thế gian, thì dù có tu trăm ngàn kiếp cũng chỉ thành loài sâu bọ trong Phật giáo mà thôi. Những người tu sĩ hoặc cư sĩ sống phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, thường đắm chìm trong dục lạc thế gian thì không bao giờ tìm thấy sự hỷ lạc, giải thoát trong Đạo Phật, bởi vì đức Phật đã xác định: **“Do ly dục sanh hỷ lạc”**. Còn các thầy Đại Thừa và Thiên Tông hiện giờ xem thường giới luật thì dù cho các vị có ngồi thiền một ngàn năm cũng chỉ lạc vào ma thiền, chứ không bao giờ chứng được sự giải thoát chân thật.

Giới là một pháp môn vô lậu mà cũng là một pháp môn dạy về đạo đức tuyệt vời. Giới làm Người, giới làm Thánh một cách rõ ràng và cụ thể; giới cũng là một pháp môn để chuẩn bị cho hành giả nhập các loại chánh định. Nếu không tu giới luật thì không bao giờ nhập chánh định được. Không nhập chánh định được mà nói nhập định là nói vọng ngữ lừa đảo người khác, bởi chánh định là loại thiền định không dành cho những người phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới. Đúng như vậy quý vị ạ!

Người muốn giữ gìn giới luật mà không biết xấu hổ thì không bao giờ giữ gìn giới luật được, cũng giống như người muốn tu thiện pháp mà không biết xấu hổ thì không bao giờ tu tập thiện pháp được. Đó là một điều xác quyết chắc chắn như vậy, không ai có thể thay đổi được điều này. Nếu ai dám cả gan thay đổi pháp môn của đức Phật là sẽ tu tập lạc vào pháp tà đạo.

Người muốn giữ gìn đức hạnh làm Người, làm Thánh mà không biết xấu hổ thì chẳng bao giờ giữ gìn đức hạnh được, cũng như thế, người muốn tu hành giải thoát mà không biết xấu hổ thì không bao giờ có giải thoát được. Chỉ có pháp ngoại đạo mới không biết xấu hổ.

Bởi vậy, tầm quý (xấu hổ) là đức hạnh mà người không tôn giáo cũng như người có tôn giáo đều phải quý trọng hơn vàng bạc, châu báu, ngọc ngà vì nó giúp cho con người có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh; nó giúp cho con người giải thoát khỏi tâm phiền não, khổ đau, giận hờn, thương ghét; nó giúp cho con người có một cuộc sống an vui, thanh thản và vô sự; nó giúp

chuyển cảnh giới thế gian thành Thiên đàng, Cực lạc.

Nếu người nào không biết tầm quý thì người đó chẳng khác loài cầm thú, chẳng còn biết luân thường đạo lý gì cả.

Nếu người nào sống trong ác pháp thường làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, mà không biết xấu hổ (tàm quý), thì đó cũng là loài ác thú chứ không còn là con người và còn tệ hơn thế nữa, họ là loài ác quỷ.

Nếu một vị Tỳ Kheo Tăng hay một vị Tỳ Kheo Ni hay một vị Cư sĩ phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới mà không biết xấu hổ (tàm quý) thì họ là loài bọ chết trong lông thú vật, đức Phật thường nhắc nhở chúng Tỳ Kheo trong câu nói này: **“Trùng trong lông sư tử”**. Những tu sĩ và cư sĩ này không phải đệ tử của đức Phật. Họ là những người tán tận lương tâm và tệ hơn nữa họ là loài Ma vương cùng với ma chúng đang cố tình diệt Phật giáo.

Tóm lại, tàm quý là đức biết xấu hổ, nó là một pháp môn rất cần thiết cho người đời cũng như người trong đạo. Người có quyết tâm tìm đường cứu mình thoát ra sanh, già, bệnh, chết và luân hồi thì tàm quý là pháp môn hàng đầu.

Nếu làm người mà không biết xấu hổ, như đã nói, thì có khác nào là thú vật, luân thường đạo lý trong thế gian này sẽ đảo lộn, cang thường đạo đức (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín) không còn nữa. Người ta sẽ chà đạp lên nhau vì sự sống miếng ăn, manh áo và vật chất; tình người sẽ bị mất đi; trên hành tinh này chiến tranh không bao giờ chấm dứt. Loài người chỉ còn là một loài thú vật thông minh cấu xé, giết hại lẫn nhau mà thôi.

Tóm lại, đoạn kinh trên dạy cho chúng ta tu tập đức xấu hổ. Đức xấu hổ là một hành động cao quý tốt đẹp của loài người, nếu không có đức xấu hổ con người chỉ là con thú vật. Nhờ đức xấu hổ mà con người không làm điều ác, tăng trưởng làm những điều thiện khiến cho sự sống trên hành tinh này được an vui và hạnh phúc.



KHÓ! KHÓ! KHÓ!!!

LỜI PHẬT DẠY

“Như Lai ra đời rất khó gặp, thân người khó được, sanh trưởng vào trung tâm của đất nước cũng khó được, gặp thiện tri thức cũng khó, gặp được chánh pháp cũng khó, nghe được pháp cũng khó”.

(Tăng Nhất A Hàm tập 3 trang 218)

CHÚ GIẢI:

Đời người sanh ra có sáu cái khó mà mọi người chẳng ai lưu ý, vì thế cuộc đời phải chịu biết bao nhiêu điều thống khổ. Khi tu hành chứng đạo, đức Phật nhìn thấy chúng sanh bạc phước, vô duyên nên cảnh báo cho biết có sáu điều khó để mọi người cảnh giác như đoạn kinh trên đây đã xác định:

❖ Khó thứ nhất: *“Như Lai ra đời rất khó gặp”*. Vậy Như Lai nghĩa là gì? Như Lai là một danh hiệu của đức Phật.

Sanh ra được đồng thời với đức Phật là một điều khó, cũng như chúng ta hiện giờ làm sao sanh ra đồng thời với đức Phật được. Phải không hỡi các bạn?

Chúng ta sinh ra đời đã cách xa đức Phật 2548 năm, đến ngày nay nhìn lại tu sĩ hay cư sĩ của Phật giáo ngoài hình thức đầu tròn áo vuông của một tu sĩ, hay một cư sĩ mà thôi còn bên trong chỉ là Ma Ba Tuần đội lột để kinh doanh mê tín, trừu tượng, ảo giác thế giới siêu hình. Vì thế, người tu theo Phật giáo rất đông, nhưng chẳng có ai giải thoát thực sự. Nếu tất cả mọi người được sanh ra đồng thời với đức Phật là một điều may mắn nhất trên đời, nhờ đó chúng ta nương tựa vững chắc vào Ngài tu hành, thì đến nay mọi người sẽ tu hành chứng đắc quả A La Hán không biết bao nhiêu kể cho hết.

Bởi vậy gặp Phật là khó, ngày xưa khi đức Phật sinh ra, nhà vua nhờ vị Tiên nhân Asita đến xem tướng số cho đức Phật thì ông quỳ xuống đánh lễ Phật sơ sinh và khóc to. Nhà vua thấy thế mới hỏi:

- *Sao ông lại khóc?*

Tiên nhân Asita trả lời:

- Ngày sau này thái tử lớn lên đi tu thành Phật, lúc bây giờ tôi đã chết rồi còn đâu hỏi đạo tu hành, nên tôi khóc vì buồn tủi.

Sinh ra không đồng thời với bậc Giác ngộ là một điều bất hạnh to tát của đời người, bởi vì **“Như Lai ra đời rất khó gặp”**.

Gặp được Phật ra đời là khó. Sinh ra đồng thời với Phật không phải dễ. Nhưng biết bao nhiêu người sinh ra đồng thời với Phật mà chưa hề biết đến Phật. Người biết đến Phật trong thời đó chỉ là thiểu số trong dân tộc Ấn Độ. Nhưng có những kẻ gặp được Phật lại phỉ báng Phật, lăng nhục Phật, muốn giết Phật, v.v.. Thật là “vô duyên đối diện bất tương phùng”.

❖ Khó thứ hai: **“Được thân người là khó, khó như con rùa mù tìm bọng cây giữa biển Đông”**.

Lời dạy này chúng ta hãy tư duy. Khi mất thân này rồi, trăm muôn ngàn kiếp không biết có đủ duyên để sanh lại làm người nữa hay không? Chắc khó lắm. Nhưng thân người chỉ sống có một thời gian quá ngắn ngủi, thế mà người đời đã tiêu phí năm tháng của thân này một cách nhảm nhí, chẳng có ích lợi gì cả, chỉ

loanh quanh để phục vụ cho những điều bất tịnh: ăn, ngủ, dâm dục, đi cầu chứ chẳng có nghĩa lý gì tốt đẹp. Có phải vậy không các bạn?

Người cư sĩ cũng như người tu sĩ, họ đều biết cuộc đời là khổ, thế nhưng họ không dám buông bỏ. Không dám buông bỏ, nhưng rồi cũng phải buông bỏ để đi vào cõi chết với hai bàn tay trắng. Con người chết đi thân ngũ uẩn tan hoại hết, không còn tồn tại một vật gì, nhưng vì cuộc sống hằng ngày luôn tạo thiện hay tạo ác. Do hành động tạo thiện ác đó đã trở thành nghiệp lực tham, sân, si. Nghiệp lực tham, sân, si tiếp tục tương ứng với tâm tham, sân, si của mọi người và mọi loài vật mà tái sanh luân hồi.

Bởi không buông bỏ tâm tham, sân, si tức là chấp nhận nó để tiếp tục sống trong sự đau khổ như tất cả các loài chúng sanh khác. Còn nếu theo lộ trình tu hành của Đạo Phật mà biết buông bỏ sạch thì họ không còn khổ đau nữa và cũng chấm dứt luân hồi.

Tu sĩ và Cư sĩ thời nay chẳng có vị nào buông bỏ cả. Họ tích lũy thêm vật chất, sống rất tiện nghi như một người giàu có và họ cũng còn ham vui như người thế tục. Đi tu như họ

chỉ uống công mà thôi. Họ không tiếc thời gian của thân họ sắp tàn tới nơi rồi, tuổi đời không còn mấy năm nữa, nên Phật dạy: **“được thân người là khó”** thế mà mấy ai biết !!!

Khi chết rồi không chắc gì chúng ta sẽ sinh làm thân người liền, mà phải sanh làm loài vật như cá, tôm, vịt, gà, heo, dê, trâu bò, chó, ngựa, v.v.. chỉ vì chúng ta đã giết chúng để ăn thịt. Nợ xương máu phải trả chứ không thể nào trốn chạy thoát khỏi. Ăn một mạng chúng sanh phải trả mười mạng. Các bạn có biết không?

Như vậy, được thân người là khó chứ đâu phải dễ. Một đời của bạn biết bao nhiêu tôm, cá, gà, vịt, heo, dê đã chôn vùi trong thân bạn. Một con vật bị bạn ăn thịt thì bạn phải tái sanh làm mười con vật. Và như vậy, từ khi bạn mới biết ăn thì cha mẹ đã cho bạn ăn thịt cá, đến suốt cuộc đời bạn bảy tám mươi tuổi thì số lượng thịt cá bạn ăn không thể tính hết được. Theo luật nhân quả phải nhân lên gấp mười lần thì biết chừng nào bạn trả cho hết thân mạng chúng sanh! Cho nên, được thân người là khó lắm bạn ạ!

Được thân người mà làm người thật người thì còn khó hơn. Phải không hỡi các bạn?

Bởi vì như các bạn đã biết: con người thật người thì phải sống đúng năm tiêu chuẩn này:

- 1- Hiếu sinh
- 2- Buông xả và cần lao
- 3- Chung thủy
- 4- Thành thật
- 5- Sáng suốt, minh mẫn

Hiện giờ như chúng ta đã biết: con người chỉ là hình người mà tâm địa là loài động vật. Có phải vậy không các bạn? Cho nên, con người sinh ra nhiều nhưng không phải người thật các bạn ạ. Vì thế, chúng ta xác định những con người mà chúng ta gặp hằng ngày là từ loài thú vật đã trải qua nhiều kiếp làm loài thú vật để trả nợ nhân quả, vì thế họ đã huân nhiều sự ác độc, hung dữ. Đến khi họ được sinh ra làm người thì bản chất loài thú vật vẫn còn nguyên. Cho nên, con người hiện giờ rất hung dữ, tham lam và độc ác. Mọi người vì miếng cơm manh áo mà chà đạp lên cuộc sống của nhau chẳng chút thương tâm. Xét cho cùng, một con người chết đi đến khi được sinh ra làm người trở lại thì phải trải qua làm thân chúng sanh vô lượng vô biên kiếp. Do

vậy, đức Phật bảo rằng: quá khó. Nếu xét ra các bạn có thấy đúng như vậy không?

Từ những con người đã có gieo duyên với chánh pháp của Phật bằng cách **“Thọ Bát Quan Trai”** nên may mắn nhờ duyên này gặp lại được chánh pháp. Từ đó, chúng ta tu sửa lần lần bỏ những ác hạnh bản chất của loài động vật, sống đúng năm thiện hạnh không còn sai trái vi phạm những lỗi lầm. Nhờ sự tu tập theo thiện pháp ngăn và diệt ác pháp, chúng ta đã trở thành con người thật người. Từ con người thật người, khi chết đi chúng ta tiếp tục sinh làm người ngay liền, vì chúng ta không có vay nợ máu xương của loài động vật khác nữa. Do đó nhân quả không có. Cho nên, một con người thật người sinh ra là không ăn thịt chúng sanh, không tham lam, trộm cắp, cướp của, không vọng ngữ, không tà dâm, không ưa thích uống rượu. Những đứa trẻ sinh ra mà mang bản chất như vậy là con người thật người. Những con người ấy được nuôi dưỡng theo đúng chánh pháp của Phật thì những người này sẽ dễ dàng trở thành những bậc Thánh A La Hán sau này.

Ở đây, chúng tôi xin lưu ý các bạn, muốn sinh ra được làm người thì không phải khó, bởi

vì đức Phật đã cho chúng ta biết năm tiêu chuẩn để được làm người. Chỉ cần các bạn sống đúng năm tiêu chuẩn ở trên thì lúc nào bỏ thân này các bạn sẽ có thân người mới ngay liền, không có khó khăn, vì năm tiêu chuẩn ở trên là năm tiêu chuẩn làm người chân thật không còn mang bản chất loài cầm thú. Cho nên, hiện giờ các bạn thấy người sinh ra rất nhiều, nhưng người thật người rất ít các bạn ạ!

Các bạn cũng nên nhớ: Được thân người còn mang bản chất loài thú vật đã khó khăn vô cùng, phải trải qua vô lượng kiếp làm chúng sanh, như trên đã nói, hưởng hồ là được thân người thật người còn khó hơn. Phải không hỡi các bạn?

Bởi vậy, muốn được thân người thật người thì các bạn ngay bây giờ hãy bắt đầu tập sống cho đúng năm điều thiện ở trên đã nói. Nhờ sống đúng năm điều thiện này thì không bao giờ các bạn còn làm thân chúng sanh nữa. Các bạn có nhớ không?

❖ Khó thứ ba: ***“Được sanh vào trung tâm của đất nước là khó”***.

Những con người sinh ra ở những nơi biên cương thống khổ vì nơi đó thường hay có giặc

giã, trộm cướp, v.v.; những nơi ấy đất cày lên sỏi đá, chai cằn cỗi; những nơi ấy khó được học tập kiến thức sâu rộng; những nơi ấy làm ra thực phẩm rất vất vả và khó khăn. Cho nên **“Được sanh vào trung tâm của đất nước là khó”**. Chỉ nơi trung tâm của đất nước mới có sự yên ổn, mới có cơm ăn áo mặc đầy đủ, mới có đủ duyên trau dồi kiến thức và nơi đó mới có những bậc Thánh xuất hiện dạy người sống có đạo đức, để tu tập trở thành những bậc Thánh Hiền.

❖ Khó thứ tư: **“Được gặp thiện hữu tri thức là khó”**.

Trong thời đại nào cũng vậy, ác hữu tri thức thì nơi đâu cũng có, còn thiện hữu tri thức thì dù có thấp đước đi suốt ngày đêm từ năm này đến năm khác cũng rất khó gặp.

Bởi vì, trong thời đại tu hành theo Phật giáo hiện tại của chúng ta, ác hữu tri thức thì không thiếu gì. Họ chỉ học hỏi kiến giải trong kinh sách, chứ chưa có vị nào tu chứng đắc. Lấy sự học ra làm thầy hoặc tu hành chỉ có hình thức, tu chưa đến đâu mà vội đem ra dạy thiên hạ tu hành, thì các bạn nghĩ sao? Có phải những hạng thầy này chỉ là những hạng giỏi lừa gạt người bằng khoa ngôn ngữ học lỏm

của người khác? Cho nên, người tu theo Phật giáo thì đông như kiến, nhưng thành tựu đạo giải thoát thì chẳng có ai. Vì thế, đức Phật dạy: **“Được gặp thiện hữu tri thức là khó”**.

Thưa các bạn! Thiện hữu tri thức đâu phải dễ tìm. Họ là những bậc tu chứng: thứ nhất là chứng Giới luật; thứ hai là chứng Thiên định; thứ ba là chứng tuệ Tam Minh. Những bậc tu chứng như vậy mới được gọi là thiện hữu tri thức, mới là những bậc Thầy của chúng ta. Khi chúng ta muốn tìm một bậc thiện hữu tri thức nào, thì phải xem xét cho kỹ ba cấp chứng đạo này. Nếu trong ba cấp này xét thấy họ không chứng được cấp nào hết thì họ là những ác tri thức, chúng ta không nên thân cận.

Bậc thiện hữu tri thức là người không những học thức thông suốt giáo pháp mà còn tu hành chứng đạo, sống một đời sống đạo đức trọn vẹn, giới luật không hề vi phạm, thường làm gương đức hạnh cho mọi người soi. Những bậc này trong đời người rất khó tìm kiếm. Cho nên, đức Phật bảo gặp thiện hữu tri thức khó là như vậy.

❖ Khó thứ năm: **“Gặp Chánh pháp là khó”**.

Gặp chánh pháp là khó, vì hiện giờ quý vị muốn tìm chánh pháp để tu tập được giải thoát thì đâu phải là một việc dễ, bởi vì Phật giáo hiện đang có tám mươi bốn ngàn pháp môn của Đại Thừa. Chính tám mươi bốn ngàn pháp môn này đã đánh lạc hướng quý vị. Quý vị có biết không?

Trong khi ấy Đạo Phật duy chỉ có một pháp môn chân chánh. Đó là Bát Chánh đạo. Bát Chánh Đạo đang bị chìm mất nên hỏi đến tín đồ Phật giáo thì họ đều ngỡ ngàng không biết tu tập Bát Chánh Đạo như thế nào, và họ cũng không hiểu nữa. Do đó, muốn tu theo Phật giáo họ chẳng biết tìm đâu ra pháp chân chánh, vì chùa nào hiện giờ cũng dạy ngồi thiền, tụng kinh, niệm Phật, cầu cúng, lễ bái, sám hối, v.v..

Vì thế, đức Phật dạy: **“Gặp Chánh pháp là khó”**. Đúng vậy. Hiện giờ muốn tu hành theo Phật giáo mà không có một vị tu chứng quả A La Hán hướng dẫn thì rất khó cho chúng ta biết pháp nào tu tập đến nơi đến chốn giải thoát hoàn toàn. Cho nên, **“Gặp Chánh pháp là khó”**, lời dạy ấy không bao giờ sai. Phải không quý vị?

❖ Khó thứ sáu: **“Nghe được Chánh pháp là khó”**.

Nghe được Chánh pháp là khó. Tại sao vậy? Vì quý vị đã chịu ảnh hưởng giáo pháp của Đại Thừa và Thiên Tông quá sâu đậm, nên kiến chấp (kiến kiết sử) về tà giáo này quá kiên cố. Nó đã trở thành một thói quen tu hành ức chế thân tâm của quý vị rất khó bỏ, nhất là ngồi thiền giữ tâm hoặc niệm Phật nhất tâm, hoặc sổ tức, tùy tức không cho niệm khởi. Khi tu tập ức chế tâm như vậy đã trở thành một thói quen với 18 loại hỷ tướng xuất hiện, mà các vị Sư Thầy trong Đại Thừa và Thiên Tông cho đó là nhập định. Từ đó, thói quen này đã trở thành một nếp nhăn trong đầu óc của quý vị Sư Thầy này.

Bị kiến chấp quá kiên cố, nên khi nghe pháp môn tu thiền xả tâm thì quý vị đâu hiểu rõ xả như thế nào, cho nên khi tu tập quý vị đều rơi vào pháp ức chế tâm mà không biết. Khi tu pháp thiền ức chế tâm, quý vị đã quen tập trung tâm cho hết vọng tưởng; khi không vọng tưởng cho là mình tu tập tốt, còn có vọng tưởng cho là mình tu tập thất niệm, tu không chất lượng, tu không tiến bộ. Cũng như do từ kiến chấp pháp môn của Đại Thừa và Thiên

Tông cho rằng không niệm khởi là tu đúng. Với kiến chấp và thói quen như vậy quý vị muốn gạt bỏ nó để tu hành trở lại pháp môn xả tâm chân chánh của Đạo Phật thì rất khó, khó muôn vàn. Phải không quý vị?

- Thứ nhất, là vì thói quen tập trung gom tâm vào một đối tượng như ngựa quen đường cũ.

- Thứ hai, tư tưởng chưa thông suốt chân lý Phật giáo, còn bán tin bán nghi Đại Thừa và Nguyên Thủy, chưa biết phân biệt pháp nào đúng, pháp nào sai.

Kính thưa các bạn! Nếu các bạn quyết tâm tu hành để cầu sự giải thoát thì các bạn hãy lắng nghe cho kỹ những lời chúng tôi dạy, khi nào hiểu tường tận, biết rõ pháp môn Đại Thừa là pháp tướng của ngoại đạo Bà La Môn thì chừng đó các bạn mới nên tu tập thiền định xả tâm ly dục ly ác pháp, mới thấy được kết quả tốt. Còn chưa thông suốt, còn bán tin bán nghi thì các bạn khoan vội tu tập mà hãy nên chịu khó nghiên cứu kỹ lại tạng kinh Nguyên Thủy do HT Minh Châu dịch từ Tạng kinh Pali.



CÓ HAI LỘ TRÌNH

LỜI PHẬT DẠY

“Có hai đường đi, một là đường ác; hai là đường thiện. Người làm ác từ đường ác đến chỗ khổ, người làm lành dạo chơi đường lành đến chỗ vui”.

(Tăng Nhất A Hàm tập 3 trang 498)

CHÚ GIẢI:

Dạo Phật chỉ dạy rất rõ ràng về cuộc sống của con người. Cuộc sống của con người chia làm hai con đường:

- 1- Con đường sống lối ác
- 2- Con đường sống lối thiện.

Người tu theo Phật giáo chọn lấy con đường sống thiện để đi, vì thế họ luôn luôn sống thanh thoi, an lạc và hạnh phúc. Con đường thiện là con đường sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Đó là con đường đạo đức nhân bản – nhân quả, con đường cao quý nhất của đời người. Những

người nào chọn Phật giáo làm chỗ nương tựa vững chắc để sống một đời sống có đạo đức, có đầy đủ nhân cách làm người, có đầy đủ trực hạnh, thẳng hạnh, diệu hạnh của bậc Thánh nhân, v.v.. Đó là đạo lộ duy nhất của Phật giáo. Thế mà Phật giáo ngày nay có 84 ngàn đạo lộ. Như vậy quý vị có tin được không?

Những người nào chọn lấy con đường ác thì đó là con đường phạm phu đi, con đường tội lỗi, con đường sống vô đạo đức, con đường đầy rẫy tham, sân, si, mạn, nghi, con đường luôn luôn làm khổ mình, làm khổ người và làm khổ tất cả chúng sanh, con đường ích kỷ cá nhân, con đường đầy rẫy những sự khổ đau. Vì thế, đời sống của họ khổ đau vô cùng, vô tận, họ luôn luôn sống trong những ngày mai đen tối, trong những khu rừng âm u, ẩm đạm, buồn tẻ không một chút ánh sáng thoát khổ.

Thưa các bạn! Đọc đoạn kinh trên đây các bạn quan sát lại đường lối tu tập của Đạo Phật thì các bạn sẽ nhận ra được nền đạo đức nhân bản – nhân quả một cách cụ thể, rõ ràng như đã nói ở trên. Vì thế, pháp môn hướng dẫn tu tập của Phật giáo rất đơn giản, chỉ cần biết nhận ra: **“Thiện pháp và Ác pháp”**. Và khi nhận ra thiện pháp và ác pháp thì các bạn

phải ngăn và diệt ác pháp, không được để trong tâm dù chỉ là một giây, một sát na cũng phải diệt trừ, từ bỏ ngay liền. Có như vậy mới thấy Phật giáo giải thoát thiết thực, cụ thể trong cuộc sống hằng ngày của đời người, đến để mà thấy, để mà hưởng thượng...

Thiện và ác tức là nhân quả. Do nhân quả mà con người có vui, có khổ. Hiểu được điều này nên đức Phật dạy cho chúng ta chọn lấy con đường thiện, dù tu sĩ hay cư sĩ, là tín đồ hay không phải là tín đồ của Phật giáo. Vì lợi ích cho mình cho người, cho gia đình, cho xã hội, cho đất nước quê hương, các bạn đều phải tập luyện và sống trong nền đạo đức này. Nó sẽ giúp các bạn không còn khổ đau. Các bạn có biết không?

Do lợi ích thiết thực cho loài người như vậy, nên đức Phật dạy cho mọi người sống phải siêng năng, cần mẫn hằng ngày tu tập **“ngăn ác, diệt ác pháp, sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp”**. Đó là bốn điều siêng năng chuyên cần quan trọng trong Phật giáo mà người tín đồ nào cũng phải biết, cũng phải tập tu; chứ không phải siêng năng cúng bái, cầu nguyện tụng niệm, ngồi thiền, v.v..

Phương pháp tu tập này có tên gọi là “**Tứ Chánh Căn**”. Nếu ai không nghe lời dạy này, không thực hiện ngăn ác, diệt ác pháp, thì người ấy đang chọn con đường ác để đi, suốt cuộc đời mình luôn luôn gánh chịu nhiều tai ương, hoạn nạn, khổ đau, v.v.. Đi trên con đường ác ấy không thể có người nào tránh khỏi đau khổ được. Và cứ thế tiếp tục tương ứng luân hồi từ kiếp này, đến kiếp khác, thọ khổ vô lượng vô biên kiếp. Đạo Phật gọi đó là tái sinh luân hồi khổ đau triền miên bất tận.

Những ai nghe và tin theo lời dạy này, thường sống ngăn ác và diệt ác pháp, luôn sống sanh thiện, tăng trưởng thiện pháp thì người ấy đã chọn đi trên con đường thiện. Và vì thế, đời sống của họ sẽ được thanh thoi, an vui và hạnh phúc, sau khi chết sẽ tương ứng với sự giải thoát của chư Phật nên chấm dứt tái sinh luân hồi.

Thưa các bạn! Nếu các bạn chọn con đường thiện này là các bạn đã xây dựng cho mình một cuộc sống ngay tại thế gian này là cõi Cực lạc hay Thiên đàng. Đó chính là bạn đã tự thấp đức lên mà đi và cũng chính bạn đã lấy mình làm hòn đảo nương tựa vững chắc

cho mình. Những việc làm này các bạn có tin không?

Bảo đảm với các bạn, con đường tu tập này, nếu các bạn tu tập ít thì có lợi ích ít, còn bạn cố gắng tu tập nhiều thì có lợi ích nhiều. Pháp tu hành này cũng giống như công việc làm hằng ngày của các bạn; pháp tu hành này giống như bạn sống phải ăn, ăn để sống; pháp tu hành này có tu tập thì tâm bạn thanh thản, an lạc và vô sự, còn không tu tập thì các bạn sẽ phải chịu nhiều khổ đau, phiền muộn, v.v..

Chọn lấy con đường thiện để sống thì các bạn đâu cần gì phải cầu an cầu siêu, đâu cần gì phải tụng kinh, lạy hồng danh chư Phật sám hối chi cho mệt, đâu cần gì phải ngồi thiền ức chế tâm cho hết vọng tưởng để chịu đau chân, căng đầu, mệt óc, cuối cùng sanh ra loạn tưởng, bệnh thần kinh điên loạn, mất trí nhớ.

Chính đức Phật đã xác định: **“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”** là **“Định Tư Cụ”**, tức là phương pháp tu thiền định. Vậy mà thời nay, người ta tu theo thiền định Phật giáo lại không tu theo pháp này. Không tu theo pháp này mà bảo rằng tu theo Phật giáo thì các bạn nghĩ sao? Có đúng không? Những pháp hành như vậy

chúng ta có tin không? Tu theo pháp của Phật mà không giống lời dạy của Phật chút nào cả, thì thật là buồn cười cho những ai còn đam mê Đại Thừa và Thiên Tông, sống trong ảo tưởng, mộng mơ như đang trong một giấc mộng dài của Đại Thừa.



ĐỪNG NÊN DẠY ĐẠO KHI MÌNH TU CHƯA XONG

LỜI PHẬT DẠY

“Như có người tự mình chìm đắm mà muốn cứu người thì trọn không có lý, mình tu chưa giải thoát mà dạy người tu giải thoát, việc ấy không thể làm được”.

“Như có người tự mình không chìm đắm mới có thể cứu người, lý ấy có thể được, nay cũng lại như thế, tự mình tu được giải thoát khiến cho người khác tu được giải thoát, lý ấy có thể được”.

(Tăng Nhất A Hàm tập 3 trang 239)

CHÚ GIẢI:

Hiện giờ người dạy đạo tu hành theo Phật giáo, phần đông là học giả chưa có tu hành ngày nào cả và cũng có một số người tu hành chưa tới nơi tới chốn cũng ra giảng đạo dạy người tu hành. Họ nương theo lời dạy

trong kinh sách Đại Thừa, tự vỗ ngực xưng mình “*Hành Bồ Tát đạo, tu Bồ Tát hạnh*”, vừa tu vừa độ người. Do kinh sách Đại Thừa dạy như vậy, nên Tăng, Ni và ngay cả những người cư sĩ cũng ra giảng đạo dạy người tu hành, trong khi tâm mình như bãi sinh lây hôi thối nực mùi danh lợi, giới luật bẻ vụn tan nát. Trong lúc dạy người tu sợ người ta cười chê nên bảo: “*Y kinh bất y nhân*”. Ngược lại, trong kinh Nguyên Thủy của Đạo Phật thì không chấp nhận làm những việc này; dạy đạo theo kiểu này là đưa người vào cõi chết.

Thưa các bạn! Nhìn lại Đạo Phật hiện giờ, người đứng ra thuyết giảng dạy người tu hành phần đông là những học giả tu hành chưa đến nơi đến chốn; họ cũng giống như một người mù dắt một đoàn người mù đi, vì thế biết bao nhiêu người bị rối loạn thần kinh, tẩu hỏa nhập ma, điên khùng. Nhìn thấy cảnh này, chúng tôi không biết làm cách nào để cho mọi người hiểu rõ những giáo pháp của Đại Thừa và Thiên Tông tai hại như vậy, để mọi người tránh khỏi cạm bẫy của chúng.

Do lòng thương tưởng các bạn tu hành, nên chúng tôi nói quá thẳng và nói quá mạnh để mọi người đừng bị những vị giảng sư học

giả lừa đảo, vì thế có người ngộ nhận, cho chúng tôi: hần học, mạ lị, mạ sát. Chúng tôi vui lòng chấp nhận miễn là tiếng nói của chúng tôi là tiếng sét làm cho mọi người thức tỉnh cơn ác mộng Đại Thừa và Thiên Tông.

Tóm lại, những người tu hành chưa chứng quả A La Hán thì đừng có giảng đạo; giảng đạo như vậy là giết Phật giáo và làm khổ đau cho nhiều người khi họ bị trở thành những người bệnh rối loạn thần kinh. Người không bệnh do tu hành thành bệnh, biến họ thành gánh nặng cho gia đình và xã hội. Các bạn có biết không?



VƯỢT DÒNG SANH TỬ

LỜI PHẬT DẠY

“Ý muốn qua dòng sanh tử mà không tu tập theo pháp cấm giới” thì bị Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi, đó là theo con đường đi tìm câu Niết Bàn mong được giải thoát trọn không đạt kết quả, tự tạo tội lỗi và nghiệp báo cho mình, lại còn làm cho người khác đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ”.

(Tăng Nhất A Hàm tập 4 trang 179)

CHÚ GIẢI:

Hầu hết tu sĩ và cư sĩ hiện giờ không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh, nên bị Ma Ba Tuần xỏ mũi. Cho nên nhìn trước, nhìn sau chúng ta chưa thấy có một vị tu sĩ nào tu chúng quả A La Hán, chỉ là nói vọng ngữ khéo che đậy theo kinh sách Đại Thừa “Vô sở đắc” hoặc “còn thấy mình tu chứng là chưa chứng” hoặc “tu vô lượng kiếp”. Đó là những lối nói để

lừa đảo tín đồ bằng tướng giải nghĩa lý kinh sách.

Người tu hành nào cũng mong cầu sự giải thoát để ra khỏi bốn sự đau khổ của cuộc đời, nhưng lại gặp giáo pháp Đại Thừa phá giới, bẻ vụn giới, nên tu sĩ và cư sĩ thời nay không có một sư thầy nào giới hạnh nghiêm chỉnh, chỉ toàn chạy theo dục ăn, dục ngủ, dục danh, dục lợi, dục chùa to, vật chất nhiều, v.v.. Muốn giải thoát mà không ly dục ly ác pháp thì làm sao giải thoát được. Phải không hỡi các bạn?

Không giữ giới thì Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi. Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi là gì?

Không giữ giới Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi có nghĩa là không giữ giới thì tâm tham, sân, si lẫn lộn. Người tu hành mà không giữ giới thì đâu khác gì là người thế tục. Đi tu như vậy chỉ phí uổng một cuộc đời, chẳng làm ích lợi gì cho mình cho người, cho gia đình và xã hội

Người đi tu mà không giữ giới luật thì theo lời dạy trên đây: ***“Tự tạo tội lỗi và nghiệp báo cho mình, lại còn làm cho người khác đắm chìm trong tội lỗi và***

ngiệp khổ". Đúng vậy, đi tu mà không giữ gìn giới luật là tự tạo tội lỗi. Tạo tội lỗi là tạo thành nghiệp báo đời này sang đời khác không bao giờ dứt, không những cho riêng mình mà còn cho những người khác nữa.

Người tu hành không giữ gìn giới luật thì oai nghi tế hạnh của vị chân tu Thánh Tăng, Thánh Ni, Thánh Cư sĩ không bao giờ có. Giới luật đức hạnh Thánh Tăng, Thánh Ni, Thánh Cư sĩ không có thì lấy gì làm gương cho tín đồ theo đó mà tu hành. Cho nên, đoạn kinh này dạy: ***"Lại còn làm cho người khác đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ"***.

Lời dạy này rất đúng các bạn ạ! Các bạn có thấy không, các thầy Đại Thừa và Thiên Tông không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh nên đệ tử của họ (cư sĩ và tu sĩ) cũng xem thường giới luật Phật, phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới (ăn uống, ngủ nghỉ, cất giữ tiền bạc phi thời, sống ưa thích tụ tập nói chuyện phi thời) chẳng có một ngày sống độc cư. Họ sống như người thế gian, chỉ có khác là chiếc áo cà sa với chiếc đầu cạo trọc, chứ cũng danh, cũng lợi, cũng xe hơi, nhà cao cửa rộng, chùa to Phật lớn, v.v.. Đó là do các thầy không giữ gìn giới

luật nghiêm chỉnh nên các đệ tử của họ đắm chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ.

Thấy gương hạnh xấu này, nếu chúng ta quyết tu theo Phật giáo thì hãy tránh xa họ. Tránh xa để làm gương tốt cho tín đồ hay nói cách khác là đệ tử của mình, để họ không bị tội lỗi và nghiệp khổ. Có phải như vậy không các bạn?

Xin các bạn vui lòng đọc kỹ đoạn kinh này thì mới rõ lời răn dạy đối với tu sĩ Phật giáo hiện nay rất đúng: ***“Ý muốn qua dòng sanh tử mà không tu tập theo pháp cấm giới”***. Người tu sĩ nào cũng muốn tìm tu để vượt thoát sanh tử, nhưng giới luật lại vi phạm. Vi phạm giới thì tâm không bao giờ ly dục ly ác pháp như trên đã nói. Không ly dục ly ác pháp thì làm sao tìm cầu Niết Bàn được, phải không các bạn? Cho nên, lời Phật dạy rất đúng: ***“Bị Ma Ba Tuần chiếm phần tiện lợi, đó là theo con đường đi tìm cầu Niết Bàn mong được giải thoát trọn không đạt kết quả”***. Tìm cầu giải thoát không được lại tự tạo tội lỗi rất lớn làm cho mình cho người chìm đắm trong biển sanh tử luân hồi, như kinh dạy: ***“tự tạo tội lỗi và nghiệp báo cho mình, lại còn làm cho người khác đắm***

chìm trong tội lỗi và nghiệp khổ". Như vậy, các Thầy tu theo Đại Thừa và Thiền Tông phạm giới, phá giới thật đáng trách vì làm cho Phật giáo suy đồi, diệt mất chánh pháp của Phật: "*Giới luật còn là Phật giáo còn, giới luật mất là Phật giáo mất*" và cuối cùng đánh mất nền đạo đức nhân bản – nhân quả của loài người.



BIẾT RÕ SỰ TÁI SANH TRONG TƯƠNG LAI

LỜI PHẬT DẠY

“Bị vô minh ngăn che, bị tham ái trôi buột, các loài hữu tình thích thú chỗ này, chỗ kia như vậy, tái sanh trong tương lai sẽ xảy ra”.

“Vô minh được xả ly, minh khởi tham ái được đoạn diệt (ly dục ly ác pháp). Như vậy tái sanh trong tương lai sẽ không xảy ra”.

(Tăng Nhất A Hàm tập 3)

CHÚ GIẢI:

Muốn hiểu rõ đoạn kinh này thì chúng ta phải hiểu rõ những danh từ cần thiết như: Vô minh, Tham ái, Hữu tình, Tái sanh.

1- Vô minh nghĩa là gì? Các bạn đừng hiểu nghĩa là không biết, không hiểu, không thông minh, ngu dốt, v.v.. Vô minh ở đây có nghĩa là hiểu biết rất rõ ràng, thông minh, có

trí tuệ, không ngu dốt, v.v.. nhưng nó thường đối mặt với mình, nên nó có một nghĩa khác hơn mình. Phần đông trong xã hội loài người, đều là những người vô minh. Các bạn có nhận xét điều này chưa? Khi nói mọi người đều vô minh thì các bạn rất ngạc nhiên vì không thể ngờ được. Phải vậy không các bạn?

Các bạn có biết không? Những người vô minh không riêng giới bình dân ít học, tay lấm chân bùn, cùng đinh khốn khổ, sống không đủ cơm ăn áo mặc, mà cho đến những giới trí thức có đầy đủ học thức, như những nhà Bác học, những ông Giáo sư, các Bác sĩ, Thạc sĩ, Tiến sĩ và những nhà khoa học danh tiếng, v.v.. tuy họ có trình độ học thức về đời cao như vậy, nhưng đối với Phật giáo họ vẫn là những người vô minh. Các bạn có tin lời nói của chúng tôi không? Xin các bạn bình tĩnh đọc tiếp những dòng dưới đây thì các bạn sẽ rõ vô minh của giới có học thức là một sự thật, chứ không phải chúng tôi có ý chỉ trích hay nói không đúng, mà từ lâu chưa có ai nghĩ đến.

Vô minh đức Phật xác định nghĩa ở đây là sự hiểu biết thông minh theo tâm ái dục, tưởng ái dục, nên sự hiểu biết ấy bị hạn cuộc trong không gian và thời gian. Đức Phật dạy: **“Bị vô**

minh ngăn che” tức là bị sự hiểu biết ái dục, tưởng dục ngăn che làm cho mọi người không thấy, không hiểu rõ mọi sự việc như thật. Do không thấy, không hiểu biết mọi sự vật như thật nên sinh ra tham ái dính mắc, chấp chặt không dám buông bỏ. Vô minh là một sự hiểu biết trong góc độ ái dục, tưởng dục. Khi vượt ra ngoài ái dục, tưởng dục thì sự thấy và hiểu biết đó là ***“minh”***. Khi nói đến vô minh thì phải nói đến minh. Vậy minh nghĩa là gì?

Như trên đã nói: ***“Vượt ra ngoài ái dục, thì sự thấy và hiểu biết là minh”***. Minh là trí tuệ hiểu biết không bị ái dục, tưởng dục chi phối, nên thấy và hiểu biết mọi sự vật như thật, không bị dục ngăn che. Cho nên, khi nào tâm hết dục thì ta mới có “minh”.

Tóm lại, vô minh gọi là sự hiểu biết của dục tri, tưởng tri; còn minh gọi là sự hiểu biết của Liễu tri, Thắng tri, Trục tri, Chánh tri.

Bát Chánh Đạo là con đường tu tập của Phật giáo dạy cho chúng ta có cái nhìn thấy đúng đắn, cái suy tư đúng đắn không mang theo dục tri, tưởng tri. Vì thế, Bát Chánh Đạo dạy cho chúng ta ***“minh”***.

Ngày xưa cho đến ngày nay, Tổ tiên, ông bà, cha mẹ, Thầy Tổ (các thầy Đại Thừa) và tất cả mọi người chung quanh ta đều dạy cho chúng ta sự hiểu biết thường tục, gọi là kiến thức; nhưng kiến thức ấy luôn luôn mang đầy ắp những ái dục tri, ái dục tướng tri. Từ khi Đạo Phật ra đời dạy cho chúng ta cái hiểu biết khác, cái hiểu biết ly dục tri, ly dục tướng tri và ly ác pháp. Do đó, chúng ta mới nhận thấy mình thoát khổ, tâm không còn tham, sân, si phiền não, khổ đau như trước nữa. Cho nên, kinh Pháp Cú dạy: **“Vui thay Phật ra đời!”**. Phật ra đời luôn luôn đem lại hạnh phúc, an vui cho mọi người và mọi loài trên hành tinh sống này. Nhưng có mấy ai đã hiểu biết đúng như vậy, tất cả mọi người đang sống trong mộng mơ, ảo tưởng, mơ hồ của thế tục, của các tôn giáo, của các triết học, v.v..

Ở đâu có vô minh, thì ở đó không có minh; ở đâu có minh thì ở đó không có vô minh. Minh là bờ bên kia và vô minh là bờ bên này, bờ bên này là đau khổ và bờ bên kia là giải thoát.

Như vậy, luận về minh và vô minh thì chúng ta đã nhận ra pháp tu hành của Phật giáo rất rõ ràng, chỉ có điều chúng ta muốn ở

bờ bên này hay ở bờ bên kia mà thôi. Muốn khổ đau thì ở bờ bên này; ở bờ bên này thì đừng than trời trách đất. Muốn hết khổ đau thì ở bờ bên kia; bờ bên kia là giải thoát, tâm luôn luôn thanh thản, an lạc và vô sự.

2- Tham ái nghĩa là gì? Tham là lòng ham muốn; ái là lòng yêu thích. Đã là con người thì ai cũng có lòng ham muốn và ưa thích hoặc nhiều hoặc ít. Lòng ham muốn và ưa thích là một sợi dây vô hình thường trói buộc rất chặt chúng ta vào vạn vật. Khi chúng ta khởi tâm ưa thích hay ham muốn một vật gì thì chúng ta bị trói chặt vào vật ấy, khó cho chúng ta buông bỏ được nó. Ví dụ: khi chúng ta khởi ý ham thích ưa muốn có một ngôi nhà khang trang, đầy đủ tiện nghi, thì lúc bấy giờ muốn bỏ ý niệm ấy rất khó. Nó thôi thúc chúng ta phải cố gắng làm lụng hoặc phải bán đến cả đất đai của cha mẹ cho để xây cất cho bằng được ngôi nhà. Đó là bị tham ái trói buộc. Cho nên, đức Phật đã xác định cho chúng ta thấy tham ái rất là nguy hiểm, nó như sợi dây trói buộc rất chặt **“bị tham ái trói buộc”**. Đó là lời cảnh báo để chúng ta thoát ra sợi dây vô hình này. Nếu mọi người không biết Phật pháp thì chắc chắn không người nào tự ý thức để

thoát khỏi sợi dây tham ái này. Có đúng không các bạn?

Đời người thường bị khổ đau đều do sợi dây tham ái này. Bát Chánh Đạo giúp chúng ta cắt đứt những sợi dây tham ái đó.

Thưa các bạn! Chúng tôi đã nhờ pháp môn Bát Chánh Đạo mà đoạn lìa được sợi dây tham ái này một cách dễ dàng không mấy khó khăn và mệt nhọc, chỉ có bền chí ngày ngày siêng năng mài dũa tâm mình đúng pháp. “*Có công mài sắt có ngày nên kim*” các bạn ạ!

3- Hữu tình là gì? Hữu là có; tình là tình cảm, cảm mến. Các loài hữu tình là chỉ chung cho loài người và loài vật (loài có tình cảm).

4- Tái sanh là gì? Tái sanh có nghĩa là sanh trở lại làm người làm loài vật. Đọc hết đoạn kinh này ta biết rõ: “***Các loài hữu tình thích thú chỗ này, chỗ kia như vậy, tái sanh trong tương lai sẽ xảy ra***”. Lời dạy này rất đúng. Mọi người đang sống trên hành tinh này luôn luôn ưa thích cái này cái kia, lúc nào cũng ưa thích. Do tâm ưa thích mà loài người cũng như loài vật đều phải chịu tiếp tục tái sanh luân hồi.

Chúng tôi xin các bạn vui lòng đọc lại trọn vẹn đoạn kinh trên đây để chúng ta rút ra được một bài pháp tu tập thực tế và cụ thể có pháp hành hẳn hoi: ***“Bị vô minh ngăn che, bị tham ái trói buộc, các loài hữu tình thích thú chỗ này, chỗ kia như vậy, tái sinh trong tương lai sẽ xảy ra”***. Như vậy, muốn chấm dứt tái sinh luân hồi thì phải diệt trừ vô minh. Do vô minh mà có tham ái; do tham ái mà thích cái này cái kia; do ưa thích cái này cái kia mà phải chịu tái sinh luân hồi, khổ đau muôn kiếp. Như vậy, vô minh là vấn đề quan trọng hàng đầu trong sự tu tập thiền định của Phật giáo, là đề tài tối hậu cần phải tiêu diệt, cần phải từ bỏ, cần phải xa lìa, v.v.. Với đề tài vô minh này người tu sĩ hay cư sĩ Phật giáo phải lưu ý bằng mọi cách để thiện xảo vén sạch màn vô minh.

Muốn vén sạch màn vô minh thì chúng ta phải có minh, tức là trí tuệ Tam Minh. Nhưng làm sao có Tam Minh được? Muốn có trí tuệ Tam Minh thì chúng ta phải tu tập bằng những con đường Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm, Chánh định.

Chánh niệm tức là Tứ Niệm Xứ thuộc Định Vô Lậu. Vậy muốn tu tập Định Vô Lậu thì phải dùng pháp gì? Muốn tu tập Định Vô Lậu thì phải dùng ý thức, pháp tác ý và pháp như lý tác ý. Xin các bạn lưu ý: con đường tu tập theo Phật giáo ý thức là vũ khí hàng đầu trong việc đánh giặc sanh tử **“Ý dẫn đầu, ý làm chủ, ý tạo tác”**. Dùng ý thức tu tập đúng cách chúng ta mới ly dục ly ác pháp; nhờ ly dục ly ác pháp mà tâm mới nhập định; nhờ định mà ta có Tam Minh; nhờ Tam Minh mà vô minh mới diệt trừ tận gốc hay nói cách khác nhờ Tam Minh mà tham ái được diệt trừ tận gốc. Như vậy, đến đây các bạn đều đã biết phương pháp và cách thức tu tập rất rõ ràng. Phải không hở các bạn?

Còn Chánh Định tức là bốn thiền: Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền, ngoài bốn thiền này không có thiền nào được gọi là Chánh Định. Vì thế, nói về thiền định các bạn cần nên lưu ý để tránh khỏi những tà thiền của ngoại đạo.

Cho nên, kết luận đoạn kinh, đức Phật dạy như dưới đây: **“Vô minh được xả ly, minh khởi tham ái được đoạn diệt (diệt dục diệt ác pháp). Như vậy, tái sanh trong**

tương lai sẽ không xảy ra”. Nếu chúng ta xét cho kỹ đoạn kinh này thì chúng ta thấy đức Phật đã trao cho chúng ta một bí quyết cốt tủy giải thoát của đạo. Chỉ cần siêng năng tu tập là đạt được kết quả ngay liền.

Như lời dạy trên trong cuộc đời tu hành theo Phật giáo, chúng ta thấy rất rõ, kẻ nào vô minh thường bị tham ái trói buộc thích thú vui chơi chỗ này, chỗ kia thì sự đau khổ và tái sinh luân hồi không thể tránh khỏi; còn kẻ nào ly dục, ly ác pháp thì được giải thoát, an vui, tâm hồn lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự. Do tâm hồn được như vậy thì sẽ chấm dứt tái sinh luân hồi chắc chắn.



XÁC ĐỊNH CÁC PHÁP TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

- 1- *Nhất tâm là định.*
- 2- *Bốn niệm xứ là định tướng.*
- 3- *Bốn tinh cần là định tư cụ.*
- 4- *Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là tu tập định ở đây vậy.*
- 5- *Thở vô và thở ra là thân hành.*
- 6- *Tâm tứ là khẩu hành.*
- 7- *Tướng thọ là tâm hành.*

(Tăng Nhất A Hàm tập 3)

CHÚ GIẢI:

7 rên đây là sự xác định rất rõ ràng của đức Phật trong các pháp môn tu hành về thiên định phải tu pháp nào và tu tập như thế nào, nhất là đức Phật chỉ cho chúng ta thấy phải dùng thân hành nào trong thân để nhập các

loại định và nhập định nào làm chủ được sanh tử luân hồi.

Vậy, muốn thấu hiểu rõ thì chúng ta phải thông hiểu từng câu, từng lời dạy của đức Phật như dưới đây:

1- Nhất tâm là gì? Nhất tâm là **“tâm ly dục ly ác pháp”**, chứ không phải nhất tâm là tâm **“không vọng tưởng, tâm không niệm thiện niệm ác”**. Tâm ly dục ly ác pháp là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, cho nên đức Phật gọi là **“Bất Động Tâm Định”**. Do vậy nên câu này đức Phật dạy: **“Nhất tâm là định”**. Ở đây các bạn phải khéo hiểu, nếu hiểu không đúng nghĩa thì các bạn sẽ hiểu theo kiểu kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông. Hiểu theo kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông thì dù các bạn có tu muôn ngàn kiếp cũng chẳng bao giờ có giải thoát.

2- Bốn Niệm Xứ là gì? Bốn Niệm Xứ là một phương pháp tu tập trên bốn chỗ của thân ngũ uẩn là: thân, thọ, tâm và pháp để đạt được ý thức ly dục ly bất thiện pháp, tức là ý thức không phóng dật (không khởi niệm).

Sao lại gọi: **“Bốn Niệm Xứ là định tưởng”**? Khi mới bước chân vào tu tập Bốn

Niệm Xứ thì phải tu tập 16 loại tướng. Nhờ tu tập 16 loại tướng này nên tâm mới sinh ra nhằm chán các pháp thế gian vì thấu suốt lý các pháp là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, uế trược, do qui luật nhân quả duyên hợp tạo thành chẳng có gì là ta, là của ta, là bản ngã của ta. Do ý nghĩa này mà Bốn Niệm Xứ là Định Tướng. Các bạn nên hiểu: ***“Định Tướng chứ không phải Tướng Định”***.

3- Bốn Tinh Cần là gì? Bốn Tinh Cần là một tên khác của Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần là một phương pháp tu tập dùng ý thức ngăn ác và diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp. Một pháp môn dùng cho mọi người tu tập lúc mới bắt đầu theo Đạo Phật. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà mọi người mới giữ gìn giới luật trọn vẹn. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà giới luật không bao giờ vi phạm. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà tâm hồn mới được thanh thản, an lạc và vô sự. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà cuộc sống gia đình mới được an vui và hạnh phúc. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà không còn nạn trộm cắp cướp giết giết người, làm mất trật tự, an ninh. Do tu tập Tứ Chánh Cần mà các tệ nạn xã hội không còn

nữa, tạo nên một xã hội có trật tự, một đất nước phồn vinh, thịnh trị, v.v..

Sao lại gọi Bốn Tinh Cần là Định Tư Cụ? Bốn tinh cần là pháp môn tu tập làm cho giới luật thanh tịnh như trên chúng tôi đã nói. Vì giới luật thanh tịnh là tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh là tâm định, nên đức Phật dạy: “*Giới sinh định*”. Muốn có thiền định thì chỉ cần tu tập giới luật cho thanh tịnh. Giới luật thanh tịnh tức là tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh là tâm ly dục ly ác pháp; tâm ly dục ly ác pháp thì ngay đó là thiền định, nên đức Phật dạy: “***ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền***”.

Đọc đến đây các bạn thấy rất rõ thiền định của Đạo Phật là thiền định từ giới luật sinh ra. Nó không giống bất cứ một loại thiền định nào của Đại Thừa và Thiền Tông. Phải không các bạn?

Nếu các bạn tu tập thiền định mà loại thiền định đó không lấy giới luật làm tiêu chuẩn, sống không đúng Phạm hạnh, thường phạm giới, phá giới mà cứ bảo đó là thiền định của Phật giáo thì các bạn đừng có tin.

Khi biết rõ pháp môn thiền định của Phật do từ giới luật sinh ra thì không ai còn đưa ra một pháp môn nào khác để lừa đảo chúng ta

được nữa. Vì lý do này nên lời dạy trong bài kinh nói: **“Bốn Tinh Cần Là Định Tư Cụ”**. Đúng vậy. Pháp môn tu tập thiền định của Phật giáo Nguyên Thủy chỉ có Định Tư Cụ (Tứ Chánh Cần), ngoài Tứ Chánh Cần ra thì không còn pháp môn nào khác nữa để tu tập thiền định đúng chánh pháp. Nếu có pháp môn nào khác nữa để tu tập thiền định thì chúng ta phải biết đó không phải là pháp môn của Phật giáo, mà chính là pháp môn của ngoại đạo Bà La Môn.

4- Sự luyện tập, sự tu tập, sự tái tu tập của những pháp ấy là tu tập định ở đây vậy.

Chúng ta hãy lắng nghe lời đức Phật xác định những pháp môn đức Phật đã dạy ở trên đây là những pháp môn tu tập thiền định của Đạo Phật. Vì vậy, quán niệm hơi thở có đúng là pháp môn tu tập thiền định của Đạo Phật không? Không đúng đâu các bạn ạ, nó chỉ là một phương pháp tu tập tỉnh thức mà thôi, chứ nó không phải thiền định. Tu hơi thở không thể nhập định được, tu hơi thở là để an trú thân tâm. An trú thân tâm trong hơi thở là để đẩy lùi các chướng ngại pháp.

Quý Sư, Thầy hiện giờ dạy người tu tập thiền định bằng quán niệm hơi thở, quán phình xẹp cơ bụng (Minh Sát Tuệ), quán niệm Phật nhất tâm (Tịnh Độ), quán tri vọng (biết vọng liền buông), niệm chú bất ấn (Mật Tông), tham công án, tham thoại đầu (Thiền Tông), v.v.. Các bạn hãy xem các pháp trên đây có phải từ giới luật mà thành định không? Nếu không phải từ giới luật sinh ra định thì những pháp thiền định này là thiền tướng, thiền của Bà La Môn, thiền của các nhà học giả nặn ra.

Tóm lại, muốn tu tập thiền định của Phật giáo là phải tu tập giới luật. Tu tập giới luật là có giải thoát ngay liền; tu tập giới luật là tu tập đạo đức làm Người, làm Thánh; tu tập giới luật là xây dựng cho mình một cảnh giới Cực lạc, Thiên đàng ngay tại thế gian; tu tập giới luật là tu tập giúp cho thân tâm luôn luôn thanh thản, an lạc và vô sự; tu tập giới luật là tu tập tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ, một trạng thái Niết bàn thật sự hiện tiền mà mọi người không ai ngờ được.

5- Thở vô và thở ra là thân hành. Tại sao hơi thở ra, vô gọi là thân hành?

Hơi thở ra, vô là sự hoạt động tự động của thân để tạo thành sức sống của cơ thể để tiếp

nhận dưỡng khí (gió) bên ngoài. Có thở mới có sống, hết thở là chết. Hơi thở là sự hoạt động của thân cũng giống như sự hoạt động đưa tay, đưa chân hay là chúng ta bước đi kinh hành. Về thân chúng ta có thể chia ra làm hai phần hoạt động:

a) Hoạt động bên trong thân gồm có: hơi thở, đó là sự hoạt động về hô hấp (phổi). Mạch máu khắp châu thân đang chuyển tải máu đi, máu về. Đó là sự hoạt động về tuần hoàn (tim) gan, bao tử, ruột bộ óc và các tế bào đều đang hoạt động trong thân. Tất cả những sự hoạt động đó gọi là thân hành nội.

b) Thân hành ngoại gồm có: đi, đứng, nằm, ngồi, co tay, duỗi chân, nói nín, cúi, gật, v.v..

Cho nên, sử dụng thân hành nội cũng như thân hành ngoại chỉ tu tập cho tâm được tỉnh thức mà thôi, chứ nó không phải thiên định gì cả. Nếu lấy hơi thở nhập định được thì đi kinh hành cũng nhập định được, hay làm tất cả các công việc cũng đều nhập định được sao? Điều này không thể xảy ra được. Do hiểu rõ điều này nên chúng tôi khẳng định: Đại Thừa, Thiền Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông và tất cả các loại thiên định ức chế tâm đều không

nhập chánh định được, chỉ nhập vào định tưởng, định điên khùng rối loạn thần kinh.

Tóm lại, hơi thở ra, vô chỉ là một thân hành trong nhiều thân hành. Vì trong thân có rất nhiều hành động mà Đạo Phật lấy đó làm niệm để tu tập tỉnh thức gọi là Thân Hành Niệm. Người tu nương vào thân hành niệm là mục đích để tu tập tỉnh giác mà thôi. Đừng nghĩ rằng: quán niệm hơi thở theo Sổ Tức Quán của Đại Thừa hay Lục Diệu Pháp môn của Ngài Trí Khải Đại Sư (sổ, tùy, chỉ, quán, hoàn, tịnh), tu tập như vậy là để nhập định. Đó là quan niệm sai lầm, không đúng pháp môn của Phật dạy.

Sao các Tổ tự đặt ra nhiều pháp môn quá vậy để làm gì trong khi mọi người tu tập chỉ tìm cầu sự thoát khổ: sinh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, chứ không cầu thần thông, không cầu vãng sanh Cực lạc, không cầu Phật tánh, bản thể chân như vô phân biệt? Chính vì các Tổ sản sinh thần quyền và thêu dệt thần thông huyền hoặc quá nhiều. Các Tổ dựa vào hơi thở Yoga sinh ra lăm thiền định, khiến người tu hành điên đảo chẳng biết tu pháp nào, họ như lọt vào rừng hơi thở.

6- Tâm, tứ là khẩu hành. Có nghĩa là gì? Câu này đức Phật xác định để chúng ta nhận xét khi nhập Nhị Thiên để thấy và hiểu biết cho rõ ràng.

Khi nhập Nhị Thiên tâm tứ diệt. Tâm tứ là ý thức, thuộc trong nhóm sáu thức: mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý. Khi tâm tứ diệt thì mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý đều diệt. Sao ở đây đức Phật dạy: **“Tâm tứ là khẩu hành”**? Khẩu hành là sự hoạt động của miệng. Sự hoạt động của miệng có hai phần:

- a) Ăn
- b) Nói

Khi nhập Nhị Thiên thì miệng không còn ăn và nói chuyện. Nếu còn ăn và nói chuyện là không nhập Nhị Thiên. Hiển nhiên đúng như vậy các bạn ạ!

Cho nên câu nói: **“Tâm, tứ là khẩu hành”** là để chúng ta biết rõ khi nhập Nhị Thiên là không nói chuyện, không ăn uống được, có nghĩa là miệng không còn hoạt động. Do từ chỗ Tâm tứ diệt là khẩu hành diệt ta suy ra và biết ngay tâm tứ diệt là sáu thức diệt, có nghĩa là khi nhập Nhị Thiên thì người nhập định không phải giống như cây đá vô tri, vô

giác, không phải giống như thầy ma người chết. Khi nhập Nhị Thiên đức Phật còn xác định rõ ràng: **“Định sinh hỷ lạc”**. Vậy, cái gì còn biết hỷ lạc khi sáu thức bị ngưng hoạt động. Cái biết trong Nhị Thiên là cái biết của tướng thức. Tướng thức biết là nhờ thức uẩn hoạt động.

Thưa các bạn! Khi các bạn ngủ thì sáu thức không hoạt động nên bạn mới có chiêm bao. Trong chiêm bao cái gì biết, nghe, thấy và cảm nhận, các bạn có biết không? Đó là tướng thức các bạn ạ!

Nhập Nhị Thiên, nói cho dễ hiểu là nhập vào thế giới chiêm bao. Thế giới chiêm bao là thế giới tướng. Cho nên, nhập Nhị Thiên là nhập vào trạng thái của tướng căn (nhóm tế bào tướng) do tướng uẩn hoạt động.

Tóm lại **“Tâm, tứ là khẩu hành”**, là chỉ cho trạng thái Nhị Thiên cần phải diệt.

7- Tướng, thọ là tâm hành. Vậy tướng, thọ là tâm hành, là gì? Tướng là tướng uẩn; thọ là thọ uẩn. Khi tướng uẩn và thọ uẩn còn hoạt động thì không bao giờ nhập diệt thọ tướng định được. Ở đây đức Phật nêu: **“Tướng, thọ là tâm hành”** để nhắc khéo cho chúng ta

biết khi nhập Tam Thiên thì phải ly tướng dục (ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên), nếu còn một chút xíu tướng hỷ dục thì không bao giờ nhập Tam Thiên được. Khi nhập Tứ Thiên thì phải xả hết cảm thọ, còn một chút cảm thọ nơi thân tâm thì không nhập được Tứ Thiên.

Ở đây, chúng tôi xin nhắc lại các bạn cần lưu ý: Khi muốn nhập Sơ Thiên thì các bạn cần ly dục, ly ác pháp. Muốn ly dục ly ác pháp thì các bạn cần phải ***tịnh chỉ ngôn ngữ*** (lời nói) tức là sống độc cư trầm lặng một mình mà tâm không phóng dật thì mới có thể nhập được Sơ Thiên. Khi tâm không phóng dật là tâm bất động. Tâm bất động là tâm có đầy đủ bảy năng lực Giác Chi, do đó mới nhập được Sơ Thiên.

Khi muốn nhập Nhị Thiên thì các bạn phải diệt tâm tứ. Muốn diệt tâm tứ thì các bạn phải tịnh chỉ khẩu hành. Muốn tịnh chỉ khẩu hành thì phải có đủ bảy năng lực Giác Chi, nếu không có đủ bảy năng lực Giác Chi thì không bao giờ tịnh chỉ khẩu hành được. Và như vậy, các bạn cũng không bao giờ nhập Nhị Thiên được.

Khi muốn nhập Tam Thiên thì các bạn phải ly các trạng thái hỷ tướng. Ly các trạng

thái hỷ tướng tức là tịnh chỉ mộng tưởng, có nghĩa là người nhập Tam Thiên thì thoát ra khỏi thế giới mộng tưởng. Muốn thoát ra khỏi thế giới mộng tưởng thì phải dùng bảy năng lực của Giác Chi, nếu không có bảy năng lực Giác Chi thì không bao giờ ly hỷ được.

Khi muốn nhập Tứ Thiên thì phải xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh tức là xả thọ. Muốn xả thọ thì phải tịnh chỉ hơi thở ra, hơi thở vô. Muốn tịnh chỉ hơi thở ra, hơi thở vô thì phải có đủ bảy năng lực của Giác Chi, nếu không có đủ bảy năng lực Giác Chi thì khó mà nhập được Tứ Thiên.

Khi muốn nhập Diệt Thọ Tướng Định thì phải có đủ bảy năng lực Giác Chi mới nhập Diệt Thọ Tướng, nếu không có bảy năng lực Giác Chi thì không bao giờ nhập Diệt Thọ Tướng được.

Tóm lại, bảy lời dạy trên đây của đức Phật là chỉ thẳng mục đích tu tập từ con người phàm phu để trở thành những bậc Thánh nhân A La Hán vô lậu, làm chủ sự sống chết hoàn toàn và chấm dứt luân hồi, không còn trở lui trạng thái này nữa.



KỆ LÚC THÀNH ĐẠO

LỜI PHÁT DẠY

*“Thiên thượng, thiên hạ
Duy ngã độc tôn
Nhất thiết thế gian
Sanh, lão, bệnh, tử”*

CHÚ GIẢI:

Bốn câu kệ trên để chứng minh và xác định Đạo Phật ra đời vốn giải quyết bốn sự đau khổ lớn nhất của loài người: **“*sanh, già, bệnh, chết*”**. Vì thế, mục đích tu hành của Đạo Phật là **“*tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ*”**, chứ không phải vì Thiên đàng, Cực lạc, Niết bàn, Phật tánh, v.v..

Trong tất cả các pháp môn của đức Phật đều dạy chúng ta tu tập để thực hiện đạo đức làm Người, làm Thánh. Muốn làm người có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì duy chỉ có thiện pháp mới

giải quyết mọi sự đau khổ của chúng ta, tức là không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh nữa.

Muốn được thân tâm thanh tịnh, an lạc và vô sự đều phải sống đúng thiện pháp, hằng ngày thường ngăn và diệt ác pháp; muốn làm chủ sanh tử luân hồi và chấm dứt tái sanh đều phải sống đúng thiện pháp. Nếu không do thiện pháp mà tu tập thì không bao giờ làm chủ và chấm dứt được nó, vì thế, đời đời phải chịu trôi lăn trong sáu đường luân hồi khổ đau.

Thiền định có nhập được cũng phải do thiện pháp, ngoài thiện pháp đi tìm thiền định thì không bao giờ có, chỉ có tà thiền của ngoại đạo mà thôi. Do đó, chúng ta thấy ai tu thiền định mà không giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh thì biết ngay họ tu tà thiền, tà định, dù họ có tu muôn đời, muôn kiếp cũng chẳng có kết quả giải thoát gì, chỉ uống phí một đời tu hành mà thôi.

Đối với Đạo Phật, thiện pháp có một tầm rất là quan trọng trên bước đường tu hành giải thoát, nếu không tu thiện pháp mà dù có tu tất cả các pháp môn nào khác cũng đều tu hành không đúng pháp môn của Đạo Phật. Vì thế, tu theo Phật giáo mà không tu tập thiện pháp tức

là không giữ gìn giới luật nghiêm túc thì đừng mong làm chủ sanh, già, bệnh, chết, như trong bài kệ đức Phật đã tự tán thán mình:

“Thiên thượng, thiên hạ

Duy ngã độc tôn

Nhất thiết thế gian

Sanh, lão, bệnh, tử”.

Sau khi tu chứng đạo, đức Phật dùng trí tuệ Tam Minh quan sát thấy rằng khắp trên thế gian này từ vô thủy cho đến ngày nay (ngày đức Phật tu chứng) không thấy có một người nào làm chủ sanh, già, bệnh, chết như Ngài, nên Ngài nói lên bài kệ này là để xác định vị trí và thế đứng độc lập của Đạo Phật. Cho nên, Đạo Phật không vay mượn giáo lý của bất cứ một tôn giáo khác. Một bằng chứng hiển nhiên là tất cả các tôn giáo khác trên hành tinh này đều tin tưởng có thế giới siêu hình, còn Phật giáo thì không chấp nhận thế giới siêu hình. Cũng như tất cả các tôn giáo nào khác không có nền tảng đạo đức vững chắc như Đạo Phật. Đạo đức tự lực không dựa vào thần quyền. Vì thế, đạo đức của Phật giáo là đạo đức nhân bản – nhân quả, một đạo đức cao thượng sống không làm khổ mình, khổ người

và khổ tất cả chúng sanh; một đạo đức cao quý tuyệt vời làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt tái sanh luân hồi; một đạo đức biến cuộc sống loài người trên thế gian này thành cõi Thiên đàng, Cực lạc.

Nói đến đạo đức nhân bản – nhân quả là phải dẹp bỏ tha lực, nếu còn cầu cúng, tế lễ, cầu phước, cầu tự, cầu an, cầu siêu, v.v.. là đi ngược lại đạo đức nhân bản – nhân quả của Đạo Phật và con người sẽ sống trong ảo tưởng, mê tín và lạc hậu. Đạo Phật là đạo tự lực, nên đức Phật khuyên các đệ tử của mình: ***“Hãy tự mình thấp đuốc lên mà đi, Ta chỉ là người hướng đạo, không thể đi thay cho các con được”***.

Vì tự mình phải thấp đuốc lên mà đi, nên Phật giáo phải xây dựng một nền tảng đạo đức nhân bản – nhân quả vững chắc cho ngôi nhà thiên định. Cho nên, thiên định của Phật giáo mới được gọi là chánh định, bởi chánh định có một nội lực giúp cho chúng ta làm chủ thân tâm, tự tại trong sự sống chết như bài kệ trên đã nói.



TỨ CHÁNH CẦN

LỜI PHẬT DẠY

- 1- Ngăn ác
- 2- Diệt ác pháp
- 3- Sanh thiện
- 4- Tăng trưởng thiện pháp

CHÚ GIẢI:

Đó là lời dạy tu tập thiền định của Đạo Phật, một thứ thiền định ly dục ly ác pháp để khắc phục tâm tham ưu của hành giả, để đi đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, làm chủ sanh già bệnh chết, và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp là pháp môn ***“Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần tức là Tấn Lực, là Định Tư Cú, là giới hành của Đạo Phật”***.

Đây là pháp môn vô lậu đệ nhất của Đạo Phật. Khi một hành giả bước chân vào Đạo Phật mà được sự hướng dẫn tu tập ngay liền pháp môn này, thì chắc chắn phải thấy kết

quả giải thoát không có thời gian chờ đợi. Người được hướng dẫn pháp môn này là người có duyên phước đầy đủ với đạo giải thoát sâu xa nhiều đời.

Chúng tôi không đủ nhân duyên, nên khi bước chân vào chùa lúc tám tuổi đời, không được dạy tu hành theo pháp này, mà chỉ được Thầy Tổ dạy cho hai thời công phu chiều và khuya rồi học thêm ứng phú đạo tràng, đánh đầu, trống, mõ để tụng kinh, niệm Phật, tụng niệm đám ma chay, cầu siêu, cầu an, làm tuần làm tự, cúng vong tiền linh, cúng sao giải hạn, xem ngày giờ tốt xấu cất nhà, dựng vợ, gả chồng, xây mồ mả và những lúc rảnh rang thì lần chuỗi niệm Phật lục tự Di Đà, v.v.. Làm được những việc này các Thầy Tổ cho đó là những công phu tu tập.

Đến bây giờ, chúng tôi mới hiểu ra Thầy Tổ của chúng tôi chỉ dạy cho chúng tôi một cái nghề để sống như bao nhiêu nghề khác trong xã hội. Nhưng những nghề khác thì lương thiện, còn nghề của chúng tôi thì không lương thiện chút nào cả, nó là một nghề mê tín chuyên lừa đảo, dối gạt người để ngồi mát ăn bát vàng. Chúng tôi ở trong chùa hằng ngày mang mõ, chuông, đầu đi tụng niệm đám ma này hết, đến đám ma khác, không tụng đám

ma thì lại tụng kinh cầu an, cầu siêu, làm tuần, làm tự, v.v..

Quanh năm suốt tháng chúng tôi hành nghề này, thấy sao mà giả dối... Chúng tôi suy tư nghĩ lại rất buồn khổ trong lòng nhưng không dám nói với ai, mà nếu hỏi đến các Thầy Tổ thì bị la rầy mắng và còn bảo rằng nói bậy sẽ bị đọa địa ngục.

Mãi đến khi chúng tôi được về thành phố vì chiến cuộc ở nông thôn bất an và được học thêm giáo lý của Đạo Phật, chùng đó chúng tôi nghiên cứu về Thiên Tông thì thấy Thiên Tông hay quá, không dạy làm những điều mê tín, lừa đảo, mà chỉ dạy tu tập ức chế tâm cho hết vọng tưởng để thành Phật hoặc giữ tâm không niệm thiện niệm ác thì kiến tánh thành Phật. Càng nghiên cứu sách kinh Thiên Tông thì lại càng thích thú. Những lời nói và hành động của các Tổ sao mà hay quá, nhất là những công án Thiên Tông lại tạo cho chúng tôi có một sức tò mò ghê gớm, cứ nghĩ rằng Thiên Tông có một cái gì bí ẩn ghê lắm không thể dùng tri kiến, ý thức mà hiểu được. Khi thấu hiểu Thiên Tông như thế, chúng tôi đặt trọn lòng tin ở pháp môn này. Từ đó, chúng tôi bỏ hết toàn bộ cuộc đời, quyết tâm theo tu tập thiền do HT Thanh Từ hướng dẫn. Suốt chín

năm trời tu tập, đem hết sức tu tập để ức chế tâm không cho vọng tưởng. Trong đầu, niệm thiện niệm ác vắng bật từ giờ này đến giờ khác. Lúc bấy giờ có 18 loại hỷ tướng hiện ra (có thể gọi đó là thần thông), nhưng nhìn lại cũng không tìm thấy sự làm chủ sanh, già, bệnh, chết, tâm tham, sân, si vẫn còn. Cái đặc biệt nhất là loại thiền này khi hết vọng tưởng thì tuệ tướng xuất hiện. Khi nó xuất hiện thì tất cả các công án đều thông suốt, thấy tánh thì rất rõ ràng vì mỗi khi động tay, động chân đều là Phật Tánh nơi đó, nhưng lại có tật thường dùng ngôn ngữ công án, vì thế nên thường xảy ra những cuộc tranh luận hơn thua, dù ai nói một điều gì thì chúng tôi cũng đều dùng công án đối đáp và vấn nạn họ. Thấy những hiện tượng lạ lùng như vậy, nên chúng tôi đành bỏ, dù khi ấy chúng tôi đã nhập được Thức Vô Biên Xứ Định.

Khi tu tập không tìm được sự giải thoát nơi kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông, chúng tôi phải tìm pháp môn khác. Sau này nhờ giới luật, chúng tôi học tập và rèn luyện sống đúng giới đức làm Người, làm Thánh của Phật giáo Nguyên Thủy. Trong khi sống đúng giới luật như vậy, chúng tôi tu tập pháp môn Tứ Chánh Cần và dùng pháp hướng tâm Như Lý Tác Ý:

“Ly dục, ly ác pháp, tâm như cục đất, ly tham, sân, si cho thật sạch”. Chính nhờ sống đúng giới luật và tu tập như vậy chúng tôi cảm thấy tâm mình thanh thản, an lạc và vô sự, ít phóng dật, thường thích sống độc cư một mình. Và cũng chính nhờ tu tập như vậy tâm chúng tôi hết tham, sân, si và thường ở trong một trạng thái tâm bất động, an lạc vô cùng, không thể diễn tả cho các bạn hiểu được vì đó là trạng thái ly dục ly bất thiện pháp.

Sau khi tu xong chúng tôi mới hiểu Giới Hành của Đạo Phật không phải là pháp môn nào khác hơn là **“Tứ Chánh Cần”**. Tứ Chánh Cần là pháp môn ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp, chỉ có pháp môn này tu tập trên Tứ Niệm Xứ mà chúng tôi làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Do thế, đức Phật dạy:

“Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo”.



LÒNG TIN CHÂN CHÍNH

LỜI PHÁT DẠY

“Này các Kàlà mà! Chớ có tin vì nghe truyền thuyết, chớ có tin vì nghe truyền thống, chớ có tin vì nghe người ta nói đồn, chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng, chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình, chớ có tin vì đúng theo một lập trường, chớ có tin vì đánh giá hơi hợt những dự kiện, chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình, chớ có tin nơi phát xuất có uy quyền, chớ có tin vì bậc sa môn là đạo sư của mình v.v..

Nhưng này các Kàlà mà! Khi nào tự mình biết rõ như sau: “Các pháp này bất thiện, các pháp này là có tội lỗi, các pháp này bị người có trí hiểu biết chỉ trích, các pháp này nếu thực hiện và chấp nhận đưa đến bất hạnh khổ đau”. Thời này, Kàlà mà hãy từ bỏ chúng không nên tin theo”.

CHÚ GIẢI:

Đức Phật đã xác định có 10 điều không nên vội tin:

1/ Chớ có tin vì nghe truyền thuyết.

2/ Chớ có tin vì nghe truyền thống.

3/ Chớ có tin vì nghe người ta nói đồn.

4/ Chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng.

5/ Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình.

6/ Chớ có tin vì đúng theo một lập trường.

7/ Chớ có tin vì đánh giá hơi hợt những dữ kiện.

8/ Chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình.

9/ Chớ có tin nơi phát xuất có uy quyền.

10/ Chớ có tin vì bậc sa môn là đạo sư của mình, v.v..

❖ Lời dạy thứ nhất: “***Chớ có tin vì nghe truyền thuyết***”. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin theo truyền thuyết. Vậy truyền thuyết nghĩa là gì?

Truyền thuyết là truyền miệng có nghĩa là kể chuyện, thuật chuyện như kể truyện dân gian về các nhân vật, kì tích lịch sử, chuyện thần tiên, chuyện ma quỷ, chuyện địa ngục, chuyện Thiên đàng, Cực lạc, v.v.. những câu chuyện thường mang nhiều yếu tố thần kì. Đó là những câu chuyện truyền miệng từ người này đến người kia nối tiếp nhau trong một quá trình thời gian dài vô cùng vô tận. Những chuyện ấy là những chuyện không có thật. Từ xưa đến giờ có nhiều truyền thuyết về đức Phật Thích Ca Mâu Ni như sinh ở hông và khi sinh ra đi bảy bước có bảy hoa sen đỡ chân. Tay chỉ trời chỉ đất, miệng tuyên bố: **“Thiên thượng thiên hạ, duy ngã độc tôn”**; sau khi Bồ Đề Đạt Ma chết, người ta còn gặp ông quải một chiếc giày đi về phương Tây; gia đình ông Bàn Long Uẩn chết tự tại trong thiền định. Đó là những truyền thuyết không có thật, do người sau ghi chép lại trong sách. Do đó, đức Phật bảo chúng ta đừng có tin.

Chính kinh tạng của đức Phật cũng do kết tập theo kiểu truyền miệng, vì thế chúng ta cũng không nên tin theo trọn vẹn, nếu những lời dạy ấy không phải là thiện pháp thì không nên tin.

❖ Lời dạy thứ hai: “**Chớ có tin vì theo truyền thống**”. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin theo truyền thống. Vậy truyền thống nghĩa là gì?

Truyền thống là nền nếp thói quen tốt đẹp hay thói quen mê tín, lạc hậu được lưu giữ từ đời này, qua đời khác. Cho nên, những gì truyền thống lâu đời chúng ta cũng không nên đặt trọn lòng tin ở đó, vì không phải tất cả những truyền thống đều tốt đẹp cả.

❖ Lời dạy thứ ba: “**Chớ có tin vì nghe người ta nói đồn**”. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin vì nghe người ta đồn. Vậy tin đồn nghĩa là gì?

Tin đồn là tin tức truyền miệng từ người này đến người khác. Tin đồn thường là những tin tức thất thiệt không đúng sự thật. Ví dụ: Ở núi Bà Tây Ninh có Bà Đen, ở Miền Bắc có Bà Chúa Kho, ở Châu Đốc An Giang có Bà Chúa Xứ,... rất thiêng thường ban tài lộc cho người đến cầu xin. Hay ở Bến Củi có ông thầy nước lạnh, ai đau bệnh gì ông cho một chai nước lạnh về uống là hết bệnh. Đó là những tin đồn, chúng ta không nên tin.

❖ Lời dạy thứ tư: **“Chớ có tin vì được kinh tạng truyền tụng”**. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin vì được kinh tạng truyền tụng. Vậy kinh tạng truyền tụng nghĩa là gì?

Kinh tạng truyền tụng là những lời dạy của các bậc Thánh và chư Phật được ghi chép lại thành sách. Kinh tạng ở đây gồm có cả những lời dạy của đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Nhưng tại sao đức Phật Thích Ca Mâu Ni lại dạy chúng ta đừng tin lời Ngài dạy?

Ngài biết rất rõ ba lần chép lại một bản kinh là đã chép sai lời dạy của Ngài, chứ chưa nói chi là kiến giải, tưởng giải viết ra; nên người xưa nói: tam sao thất bản.

Như thế, qua lời dạy này ngay cả kinh tạng Nguyên Thủy còn không tin trọn vẹn thì làm sao chúng ta tin kinh sách Đại Thừa được. Phải không các bạn?

❖ Lời dạy thứ năm: **“Chớ có tin vì nhân lý luận siêu hình”**. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin vì nhân lý luận siêu hình. Vậy lý luận siêu hình nghĩa là gì?

Không có cỗi Cực lạc, Thiên đàng mà lý luận bằng cách này, cách khác để cho có các

cõi ấy; sau khi chết không có sự sống nhưng khéo lý luận bằng cách này, cách khác để cho mọi người tin rằng người chết còn có linh hồn; không có Phật tánh mà lý luận bằng cách này, cách khác để cho mọi người tin rằng có Phật tánh, v.v.. Đó là những lối lý luận siêu hình để lừa đảo mọi người, cho nên đức Phật khuyên chúng ta chớ có tin, vì nó không ích lợi gì cho chúng ta cả.

❖ Lời dạy thứ sáu: “Chớ có tin vì đúng theo một lập trường”. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin một điều gì dù đúng theo một lập trường của mình. Vậy, đúng theo một lập trường nghĩa là gì?

Trước tiên, chúng ta nên hiểu hai chữ lập trường. Lập trường là thái độ, chỗ đứng nhìn nhận và xử lý. Ví dụ: anh có lập trường đối với kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông nên không ai có thể lay chuyển hay bảo anh bỏ nó được. Ở đây đức Phật dạy: “Chớ có tin vì đúng theo một lập trường”, có nghĩa là kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông có lối lý luận giống như lập trường của anh.

Ví dụ: anh có lập trường rất vững về thế giới siêu hình, có nghĩa là thái độ, chỗ đứng,

nhìn nhận và xét lý rõ ràng, vì vậy dù ai nói gì anh cũng không bỏ lập trường đó. Khi anh có lập trường như vậy thì có những loại kinh sách nói về thế giới siêu hình giống như lập trường của anh thì anh tin ngay. Nhưng điều này đức Phật khuyên anh: **“Chớ có tin vì đúng theo một lập trường”**. Tin như vậy vẫn không đem đến sự lợi ích cho anh, tin như vậy là tà tín, quá chủ quan ở lập trường của mình.

❖ Lời dạy thứ bảy: **“Chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dự kiện”**. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin vì đánh giá hời hợt những dự kiện. Vậy dự kiện nghĩa là gì?

Dự kiện có nghĩa là những cơ sở để tìm tòi, là những điều coi như biết trước, đã dự phòng trước. Nhưng ở đây, đức Phật khuyên chúng ta đừng tin một cách hời hợt đối với những dự kiện. Tại vì những dự kiện chưa hẳn đã mang lại lợi ích thiết thực cho mình.

Ví dụ: Thiên Tông lấy Phật tánh làm tiền đề (dự kiện) cho sự kiến tánh thành Phật của pháp môn. Ở đây, đức Phật khuyên chúng ta đừng vội tin mà hãy tư duy kỹ lưỡng, xem lại dự kiện Phật tánh có đúng không? Trong kinh Đại Thừa dạy: Phật tánh là tánh giác, thường

biết, thường nghe, thường thấy. Như vậy, khi ngủ say, ngủ quên thì tánh thấy, tánh nghe, tánh biết ở đâu? Hay nó cũng ngủ theo... Như vậy những dự kiện có đáng tin không?

❖ Lời dạy thứ tám: **“Chớ có tin vì phù hợp với định kiến của mình”**. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin vì phù hợp với định kiến của mình. Vậy định kiến nghĩa là gì?

Định kiến là ý kiến riêng có sẵn từ trước, khó thay đổi. Từ lâu ta có định kiến về con người “*Có sự sống sau khi chết*”, nên khi đọc kinh sách Đại Thừa thấy nói nhiều về cảnh giới siêu hình như: cảnh giới Thiên đàng, cảnh giới Cực lạc, cảnh giới Niết bàn và cảnh giới địa ngục, v.v.. trong các cảnh giới đó có Thần, Thánh, Tiên, Phật, Ngọc Hoàng Thượng Đế, linh hồn, thần thức, Phật tánh, đại ngã, tiểu ngã, ma quỷ, yêu quái, v.v.. Do định kiến ta tin ngay liền không cần phải suy tư xem xét cho kỹ lại.

Ở đây, đức Phật khuyên chúng ta đừng có tin, vì tin như vậy sẽ trở thành những người mê tín, lạc hậu. Sự mê tín, lạc hậu mang đến nhiều điều bất hạnh, nhất là bị kẻ khác lừa đảo, tốn hao tiền của và công sức nhắm nhí

không ích lợi cho mình, cho người mà còn làm hại mình.

❖ Lời dạy thứ chín: **“Chớ có tin nơi phát xuất có uy quyền”**. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin nơi phát xuất có uy quyền. Vậy nơi phát xuất có uy quyền nghĩa là gì?

Uy quyền là quyền thế của vua, của quan, của những người có thế lực đông người.

Ngày xưa, trong thời phong kiến nước ta cũng như nước Trung Hoa, nếu nhà vua nào lấy tôn giáo làm quốc giáo thì bắt buộc dân chúng nước đó phải theo tin tôn giáo đó.

Thời nhà Lý ở nước ta, nhân dân sùng tin Phật giáo Đại Thừa là vì vua, quan, đều là tín đồ Phật giáo. Cho nên, thời đó người ta theo Phật giáo vì uy quyền của nhà vua. Ở đây, đức Phật khuyên chúng ta **“Chớ có tin nơi phát xuất có uy quyền”**. Lời khuyên của đức Phật muốn chúng ta tin một điều gì thì không phải vì thế lực, vì uy quyền, vì sợ mà tin hay vì thấy linh thiêng mà tin.

Ví dụ: Đình, miếu, chùa, Thần Thánh, quỷ ma, bà Chúa Kho, bà Chúa Xứ, cây đa, gốc cây, cục đá, gò mối, v.v.. linh thiêng. Đó là thấy uy

quyền linh thiêng rồi mọi người tin theo đến cúng bái lạy lễ cầu xin.

Tin như vậy, đối với Đạo Phật không chấp nhận vì đó là tin mù quáng. Tin mù quáng là đem lại sự tai hại cho chúng ta chứ không ích lợi gì, biến chúng ta trở thành kẻ ngu si dễ bị uy quyền và sự linh thiêng sai khiến.

❖ Lời dạy thứ mười: “Chớ có tin vì bậc Sa Môn là Đạo Sư của mình”. Đức Phật khuyên chúng ta không nên tin vì bậc Sa Môn là Đạo Sư của mình. Tại sao ở đây đức Phật dạy chúng ta không nên tin những Sa Môn là Đạo Sư của mình? Vậy Sa Môn và Đạo Sư nghĩa là gì? Sa Môn có nghĩa là một nhà tu hành, một vị tu sĩ; Đạo sư là một vị thầy dạy phương pháp tu hành.

Trong cuộc đời của chúng ta gặp biết bao nhiêu là bậc Sa Môn đều là những tu sĩ Phật giáo, nhưng đừng tin họ là Đạo Sư của chúng ta, vì có nhiều loại Sa Môn: Sa Môn phạm giới, Sa Môn phá giới, Sa Môn bẻ vụn giới, Sa Môn chỉ biết dựa vào kinh thuyết giảng nói láo, chứ chưa có một ngày tu tập hoặc tu tập chưa đến nơi đến chốn, tâm tham, sân, si còn ngút ngàn,

họ còn tham danh, đắm lợi như người thế gian. Có những Sa Môn dám lấy Phật giáo biến làm nghề mê tín, chuyên cúng bái tụng niệm, bói khoa, xem ngày giờ tốt xấu, v.v.. Đối với những Sa Môn này đức Phật khuyên chúng ta chớ có tin họ là bậc Đạo Sư của mình.

Phần đông tín đồ Phật giáo, hễ thấy ai cao bô râu tóc đắp áo cà sa thì cúng dường và lạy lễ mà không chịu xem họ có phải là những người tu thật hay những người tu giả.

Trên đây là 10 điều dạy của đức Phật, Ngài khuyên chúng ta không nên tin từ các pháp môn, đến những bậc Sa Môn và ngay cả những lời dạy của Ngài cũng chẳng nên tin. Chỉ tin là khi nào chúng ta thực hành thấy có kết quả, bằng không kết quả thì không tin. Có kết quả tức là có giải thoát nơi thân tâm. Có giải thoát tức là phải sống đúng đạo đức làm Người, làm Thánh; có sống đúng đạo đức làm Người, làm Thánh thì mới không làm khổ mình, khổ người; không làm khổ mình, khổ người là người đã ly dục ly ác pháp. Nếu có kết quả ly dục ly ác pháp như vậy thì chúng ta mới tin.

Chỉ vì các bạn không nghe lời dạy của Phật, gặp pháp môn nào cũng tin, hay nghe

người nào thuyết giảng hợp lý với mình là tin ngay, nhất là nghe nói bài kinh đó của Phật thuyết là tin liền. Tin một cách mù quáng không cần tìm hiểu cho rõ ràng, có đúng là Phật thuyết hay không. Do tin mù quáng nên dễ bị kinh sách Đại Thừa lừa đảo, vì thế cuộc đời tu hành của chúng ta đến nay vẫn là số không, chỉ sống trong ảo tưởng tôn giáo.



THIÊN XẢ TÂM

LỜI PHÁT DẠY

*“Giữ thân được nhẹ nhàng
Giữ tâm khéo giải thoát
Không còn các sở hành
Chánh niệm không tham trước
Biết rõ được chánh pháp
Không tâm tu thiên định
Không phẫn nộ vọng niệm
Không thùy miên giải đãi
Như vậy vị tu sĩ
Sống giữa nhiều chương ngại
Đã vượt năm bậc lưu
Lại gắng vượt thứ sáu
Như vậy tu thiên tư (xả)”*

CHÚ GIẢI:

Trong thời đại chúng ta nói đến tu thiền thì ai cũng đều hiểu là phải ngồi bán già hay kiết già rồi tập trung gom tâm, giữ tâm không vọng tưởng. Như Tịnh Độ Tông trong kinh Di Đà dạy: **“Thất nhật nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật”**, tức là bảy ngày đêm niệm Phật A Di Đà không có niệm vọng tưởng xen vào câu niệm Phật thì khi lâm chung được đức Phật A Di Đà rước về cõi Cực Lạc Tây phương. Thiền Tông trong kinh Pháp Bảo Đàn dạy: **“chẳng niệm thiện niệm ác bản lai diện mục hiện tiền”** tức là kiến tánh thành Phật. Trong kinh sách Đại Thừa Kim Cang dạy: **“Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”**, có nghĩa là đừng nên trụ tâm vào bất cứ một chỗ nào thì tâm kia là Phật. Pháp An Ban Thủ Ý, Lục Diệu Pháp Môn của các Tổ dạy đều đếm hơi thở hoặc tùy hơi thở ra vô để ức chế tâm không cho vọng tưởng xen vào. Từ xưa cho đến ngày nay, người ta đã tu tập thiền ức chế tâm như vậy, nhưng kết quả không thấy ai giải thoát cả, chỉ huyền thoại những câu chuyện lừa đảo chúng ta mà thôi, cho nên một Thiền sư Việt Nam, Ngài Thường Chiếu nói về Thiền Đông Độ, Ngài cho đó là

bọn đại bịp, một con chó sủa một bầy chó sủa theo. Biết tu không kết quả nhưng chẳng có Thầy Tổ nào dám nói thật cho chúng ta biết.

Đến ngày nay, chúng ta vẫn còn chịu ảnh hưởng quá sâu đậm, nên ngồi lại tu thiền người nào cũng gom tâm tập trung, chỉ mong diệt sạch vọng tưởng. Đó là một tập khí thói quen, mọi người không thể bỏ được. Ngược lại, Đạo Phật dạy thiền xả tâm **“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”**, chứ không phải ngồi bán già, kiết già ức chế tâm như vậy.

Qua bài kệ trên đây chúng tôi xin hỏi quý vị, quý vị cứ thành thật mà trả lời.

Khi ngồi bán già, hoặc kiết già mà cố chịu đựng khi hai chân bị đau hoặc tê hoặc nóng, đó là ác pháp hay là thiện pháp? Đây có phải là tự mình làm khổ mình chăng?

Khi tập trung gom tâm đầu nặng hay nhưc đầu mà cố kéo dài chịu trận, đây là thiện pháp hay là ác pháp? Đây có phải tự mình làm khổ mình chăng?

Đức Phật dạy ngăn ác diệt ác pháp mà tự làm khổ mình thì có ngăn ác diệt ác pháp không? Xin quý vị trả lời.

Trong bài kệ đức Phật dạy: **“giữ thân được nhẹ nhàng”**, tức là thân khinh an, thân khinh an ở đây thân có đau, tê, nóng không quý vị?

Câu kệ thứ hai: **“giữ tâm khéo giải thoát”**. Ở đây tâm hữu sự hay vô sự? Nếu bảo rằng vô sự thì sao tâm Thiên Tông, Đại Thừa lại làm việc quá nhiều (gom tâm tập trung vào hơi thở, dùng câu niệm Phật, đi kinh hành, khởi nghi tình đến nổi nặng đầu, v.v..). Khéo giữ tâm giải thoát có nghĩa là tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Câu kệ thứ ba: **“Không còn các sở hành”**. Ở đây, chúng ta cần phải hiểu nghĩa sở hành. Vậy sở hành nghĩa là gì? Sở hành nghĩa là bản tính thói quen của một con người.

Khi tu tập khéo giữ gìn tâm bằng cách dùng ý thức tri kiến ly dục, ly ác pháp thì tâm sẽ được thanh thản, an lạc và vô sự. Do tâm được thanh thản, an lạc và vô sự, nên không còn các sở hành tức là thói quen không còn, hay nói cách khác là tập khí không còn.

Thiền Tông hay Đại Thừa khi tu hành kiến tánh thành Phật rồi mà tâm tham, sân, si, mạn, nghi vẫn còn thì họ bảo rằng **“Bồ Tát**

vẫn còn tập khí". Đó cũng là lời nói lừa mình, lừa người của kinh sách Đại Thừa. Còn Phật giáo Nguyên Thủy thì đức Phật xác định **“Không còn các sở hành”**, tức là không còn tập khí (thói quen).

Câu kệ thứ tư: **“Chánh niệm không tham trước”**. Vậy tham trước nghĩa là gì? Tham trước có nghĩa là do tâm tham muốn dính mắc các pháp. Toàn câu kệ **“Chánh niệm không tham trước”** có nghĩa là tu tập Tứ Niệm Xứ nên tâm đã khắc phục được những tham ưu trên thân, thọ, tâm, và pháp. Nhờ đó, mà tâm không còn phóng dật.

Câu kệ thứ năm: **“Biết rõ được chánh pháp”**. Biết rõ được chánh pháp tức là biết cách tu tập của pháp Tứ Niệm Xứ.

Câu kệ thứ sáu: **“Không tâm tu thiên định”**. Ở đây đức Phật dạy: Biết cách tu tập của pháp Tứ Niệm Xứ thì không cần phải đi tìm pháp tu tập thiên định nào khác nữa.

Câu kệ thứ bảy: **“Không phân nộ vọng niệm”**. Người tu tập theo thiên xả tâm của Tứ Niệm Xứ thì vọng niệm đến càng tốt, vì có đối tượng dùng pháp tác ý trong chánh tư duy. Nhờ có tu tập như vậy tri kiến giải thoát sẽ

hiện bày. Do tri kiến giải thoát hiện bày thì sở hành và tham trước không còn. Sở hành và tham trước không còn thì tâm không phóng dật; tâm không phóng dật thì thành chánh giác. **“Nhờ Tâm không phóng dật mà Ta thành Chánh Giác”**, đây là lời di chúc của đức Phật đã xác định lúc sắp nhập Niết bàn.

Người tu hành hiện nay ngồi hoặc đi kinh hành thấy không vọng niệm là cho mình tu tập có kết quả tốt, còn có vọng niệm xen vào là cho tu tập xấu, không tốt. Đó là một quan niệm hết sức sai lầm trong vấn đề tu tập để làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Đối với Phật giáo thì vọng niệm là một đối tượng để tu tập Định Vô Lậu. Có tu tập Định Vô Lậu thì mới chứng quả A La Hán vô lậu. Phải không các bạn?

Bởi vậy câu kệ dạy: **“Không phần nộ vọng niệm”** xác định được pháp tu không ức chế tâm. Xin các bạn lưu ý câu kệ này, nó giúp các bạn tu tập đúng pháp.

Câu kệ thứ tám: **“Không thùy miên giải đãi”**. Vậy thùy miên, giải đãi nghĩa là gì? Thùy miên là buồn ngủ; giải đãi là lười biếng. Khi biết cách tu tập Tứ Niệm Xứ thì phải thiện xảo phá cho sạch buồn ngủ và lười biếng,

vì trạng thái buồn ngủ và lười biếng thuộc về tâm si nên rất khó đẹp, phải kiên trì, bền chí đi kinh hành Chánh Niệm tỉnh giác hoặc tu tập pháp môn Thân Hành Niệm thì mới có hy vọng đẹp bỏ được.

Câu kệ thứ chín: **“*Như vậy vị tu sĩ*”**. Câu này đức Phật xác định nếu vị tu sĩ tu tập được như trên, thì dù bất cứ ở nơi đâu chẳng còn lo sợ các ác pháp, vì tu tập như vậy thì không có ác pháp nào tác động vào tâm được, tâm luôn luôn bất động.

Câu kệ thứ mười: **“*Sống giữa nhiều chướng ngại*”**. Câu này lại chỉ rõ hơn, không còn sợ chướng ngại nào tác động vào tâm tư họ được, có nghĩa là người tu sĩ tu tập được như vậy dù sống giữa nhiều chướng ngại pháp mà tâm vẫn thanh thản, an lạc và vô sự một cách tự nhiên.

Câu kệ thứ mười một: **“*Đã vượt năm bực lưu*”**. Khi người tu sĩ tu tập như vậy, dù sống giữa nhiều chướng ngại mà tâm vẫn bất động, đó là đã vượt những bực lưu. Chúng ta cần phải hiểu nghĩa bực lưu trong câu kệ thứ mười. Vậy bực lưu là gì? Bực lưu là dòng thác. Ở đây có năm bực lưu, tức là năm dòng thác:

1- Dục bộc lưu

2- Hữu bộc lưu

3- Kiến bộc lưu

4- Vô minh bộc lưu

5- Ái bộc lưu.

Bộc lưu là dòng thác; dòng thác là chỉ cho sức mạnh của nước từ trên cao đổ xuống khó có ai vượt qua. Như vậy, người tu sĩ Đạo Phật phải vượt qua năm dòng thác này mới tìm thấy sự chân thật giải thoát. Vậy nghĩa của năm dòng thác này là gì?

- **Dục bộc lưu:** là dòng thác dục tức là sức mạnh của lòng tham muốn.

- **Hữu bộc lưu:** là dòng thác của các vật sở hữu tức là sức mạnh dính mắc của các vật sở hữu.

- **Kiến bộc lưu:** là dòng thác kiến chấp tức là sức mạnh của kiến chấp.

- **Vô minh bộc lưu:** là dòng thác ngu si không thấy như thật các pháp tức là sức mạnh của ngu si khiến cho chúng ta thấy các pháp không như thật.

- **Ái bộc lưu:** là dòng thác thất tình: hỷ, nộ, ái, ố, ai, lạc, dục tức là sức mạnh của bảy

thứ tình, người tâm thường không thể vượt qua được.

Khi vượt qua năm bực lưu này còn chưa đủ giải thoát rốt ráo, nên đức Phật dạy câu kệ thứ mười hai: **“Lại gắng vượt thứ sáu”**.

Câu kệ này xác định người tu sĩ phải vượt qua sáu bực lưu. Vậy bực lưu thứ sáu là gì?

Bực lưu thứ sáu là tướng bực lưu, tướng bực lưu là dòng thác tướng tức là sức mạnh của tướng dục (tướng lực). Tướng dục gồm có 18 loại hỷ tướng và bốn định vô sắc, bốn định vô sắc gồm có: Không Vô Biên Xứ Tướng, Thức Vô Biên Xứ Tướng, Vô Sở Hữu Xứ Tướng, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ.

Người vượt qua được sáu bực lưu này là do tu thiền quán tức là Định Vô Lậu, chứ không phải thiền ức chế tâm cho hết vọng tưởng. Vì thế, đến câu kệ thứ mười ba đức Phật đã xác định cho chúng ta thấy: **“Như vậy tu thiền tu”**. Tu như vậy tức là tu thiền tu. Vậy thiền tu là gì?

Thiền tu là thiền quán, quán bằng ý thức tri kiến. Thiền tu còn gọi là Định Vô Lậu, là thiền xả tâm, tu tập bằng sự tư duy quán xét.

Thiền tư phải tu tập bằng ý thức để ly dục ly ác pháp. Muốn tu tập Thiền tư thì phải dùng Định Vô Lậu, Định sáng suốt, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Niệm Hơi Thở, Tứ Niệm Xứ, Thân Hành Niệm và pháp Như Lý Tác Ý.

Tóm lại, thiền xả tâm là một thứ thiền tu hành bất cứ trong oai nghi nào cũng đều giữ gìn thân được khinh an, an lạc và tâm được thanh thản và vô sự.

Thiền xả tâm là một thứ thiền, tu hành có giải thoát ngay liền, càng tu càng thấy thân tâm nhẹ nhàng, an ổn, sống một đời sống trọn đầy đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người và cũng không làm những điều mê tín, lừa đảo người khác.

Xin quý vị đọc lại bài kệ thiền xả tâm của đức Phật trên đây rồi suy tư từng câu đã giảng thì quý vị sẽ rõ và không còn nghi ngờ gì nữa.



PHÁP HƯỚNG TÂM

LỜI PHÁT DẠY

“Này các Thầy Tỳ Kheo! Do không như lý tác ý các lậu hoặc chưa sanh được sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng”.

“Này các Thầy Tỳ Kheo! Do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, các lậu hoặc đã sanh được đoạn trừ”.

CHÚ GIẢI:

Người phạm phu tục tử và những người tu hành theo pháp môn của Đại Thừa, do không biết pháp Như Lý Tác Ý nên hằng ngày sống trong các lậu hoặc mà không biết lậu hoặc, vì thế lậu hoặc chưa sinh lại sinh khởi, lậu hoặc đã sinh lại tăng trưởng, do đó cuộc sống khổ đau lại càng khổ đau hơn. Cho nên, đoạn kinh này dạy: *“Này các Thầy Tỳ Kheo! Do không như lý tác ý, các lậu hoặc chưa*

sanh được sanh khởi và các lậu hoặc đã sanh được tăng trưởng”.

Đời người sinh ra không gặp chánh pháp của Phật, nên phải chịu nhiều sự khổ đau của kiếp làm người trong qui luật nhân quả. Ngược lại, được sinh làm người, được gặp chánh pháp của Phật, thì người ấy là người có diễm phúc nhất trần gian, vì gặp được chánh pháp nên được nghe lời dạy này: ***“Này các Thầy Tỳ Kheo! Do như lý tác ý, các lậu hoặc chưa sanh không sanh khởi, các lậu hoặc đã sanh được đoạn trừ***”.

Nói đến lậu hoặc là nói đến sự đau khổ của con người; nhưng muốn cho kiếp làm người không còn khổ đau để được sống yên vui, thanh thản, an lạc và vô sự thì nên y theo lời đức Phật nhắc nhở các vị Tỳ Kheo phải luôn luôn tu tập pháp hướng tâm ***“Như lý tác ý***”. Nếu không dùng pháp hướng tâm như lý tác ý thì sự đau khổ sẽ đến với quý vị và sẽ làm cho quý vị khổ đau hơn nhiều. Nếu quý vị biết dùng pháp như lý tác ý hằng giây, hằng phút, hằng giờ, hằng ngày, hằng tháng, hằng năm thì sự khổ đau sẽ không đến với quý vị và sẽ chấm dứt vĩnh viễn.

Qua đoạn kinh ngắn gọn như trên đức Phật đã xác định pháp “**Như Lý Tác Ý**” rất là nhiệm mầu, nó giúp cho chúng ta thoát mọi sự khổ đau trong kiếp sống làm người, làm chủ được nhân quả và cả sự tái sinh luân hồi.

Như thế, pháp “**Như Lý Tác Ý**” có một công năng rất lớn trên đường tu tập theo Đạo Phật để đạt được kết quả như ý muốn “**làm chủ sanh già, bệnh, chết**”.

Lúc còn đang nhập thất, chúng tôi ngộ được pháp “**Như Lý Tác Ý**” nên suốt trong sáu tháng tinh cần tu tập pháp này với câu trạch pháp: “**tâm như cục đất phải ly dục ly ác pháp nhập sơ thiên**”. Chỉ có câu ngắn gọn như vậy, mà chúng tôi đã nhập được Sơ Thiên một cách dễ dàng không có khó khăn.

Chín năm trời nhập thất, tu không đúng pháp rất là vất vả gian nan, nhưng đến khi dùng pháp “**Như Lý Tác Ý**” chỉ có thời gian ngắn mà chúng tôi làm chủ được thân tâm, kết quả giải thoát hoàn toàn.



THIÊN THỨ TƯ

LỜI PHÁT DẠY

*“Không thở ra thở vào
Tâm trú vào chánh định
Không tham ái tịch tịnh
Với tâm an bất động
Như đèn sáng chột tắt
Tâm giải thoát Niết Bàn”.*

(Tương Ưng Kinh)

CHÚ GIẢI:

Thiền Thứ Tư của Đạo Phật là một thứ thiền rất mâu nhiệm và tuyệt vời, nó tịnh chỉ được hơi thở, như câu kệ thứ nhất dạy: **“Không thở ra thở vào”**, nó làm chủ sự sống chết một cách tự tại, muốn thở là thở, muốn không thở là không thở.

Độc bài kệ trên đức Phật đã xác định rõ ràng chứ không như các nhà Đại Thừa đã cố ý đim mất loại thiền này bằng cách suy luận cho nó là thiền phạm phu, thiền Nhị Thừa và

thiên ngoại đạo. Thật là đau lòng phải không các bạn?

Đây, các bạn hãy lắng nghe chánh định của Đạo Phật rất tuyệt vời, khi hành giả nhập định thì:

***“Không thở ra, thở vào
Tâm trú vào chánh định”***

Thưa các bạn! Thiên định của Đông Độ và Đại Thừa có nhập được như vậy không? Nếu nhập không được như vậy sao gọi là tự tại trong sinh tử được? Sao gọi là thu thần nhập Niết bàn?

Muốn nhập chánh định để làm chủ sự sống chết được như vậy thì tâm không còn tham ái; tâm không còn tham ái thì tâm mới tịch tịnh như câu kệ này: ***“Không tham ái tịch tịnh”***.

Vậy tham ái là gì? Tham là ham muốn; ái là yêu thích. Con người vốn sinh ra đã bị đau khổ là vì tâm tham ái. Khi tâm tham ái diệt thì khổ đau và luân hồi chấm dứt.

Nếu tâm không tham ái thì tâm được tịch tịnh. Tâm được tịch tịnh thì tâm mới an trú. Tâm có an trú thì tâm mới bất động trước các pháp, như câu kệ này dạy: ***“Với tâm an bất động”***.

Khi tâm đã an trú bất động thì lúc bấy giờ chúng ta muốn chết lúc nào cũng dễ dàng không có khó khăn, không có mệt nhọc: **“Như đèn sáng chột tắt”**.

Tu tập nhập định được như vậy, các bạn có thấy hạnh phúc không?

Lúc bấy giờ, chúng ta chỉ cần lia trạng thái Tứ Thiên bằng lệnh của bảy Năng Lực Giác Chi thì ngay tức khắc ta vào Niết Bàn như câu kệ đã dạy: **“Tâm giải thoát Niết bàn”**.

Tóm lại, bài kệ trên đây chỉ cho chúng ta biết pháp môn và cách thức tự tại nhập Niết bàn, chứ nó không phải là bài pháp để các bạn tu tập nhập Tứ Thiên suông. Các bạn nên lưu ý. Có người đã dùng bài kệ này để tu tập nhập Tứ Thiên là không đúng pháp.

Thưa các bạn! Nếu các bạn muốn nhập Tứ Thiên thì các bạn hãy trở về tu tập giới luật qua các giới hành như sau: Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Thân hành Niệm, v.v.. chứ các bạn đừng ở trên bài kệ này tu tập, bằng không thì các bạn đã tu tập sai pháp rồi các bạn ạ!



KHÔNG SỞ HỮU

LỜI PHẬT DẠY

*“Ai quá, hiện, vị lai
Không một sở hữu gì
Không sở hữu, không nắm
Ta gọi Bà La Môn”.*

(Kinh Pháp Cú Phẩm Bà La Môn)

CHÚ GIẢI:

Bốn câu kệ trên đây để xác định một vị tu sĩ Phật giáo đúng Thánh hạnh mà ngày xưa đức Phật thường xem mình như một Bà La Môn nghiêm trì giới luật không hề sai phạm.

Câu kệ thứ nhất dạy: *“Ai quá, hiện, vị lai”*. Có nghĩa là người tu sĩ nào trong ba thời gian quá khứ, vị lai và hiện tại sống không có của cải tài sản, sống không gia đình, không nhà cửa, đời sống luôn luôn thiếu dục tri túc, chỉ có ba y một bát, tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không. Đó là

Phạm hạnh của người tu sĩ Phật giáo. Người sống đúng Phạm hạnh như vậy mới được gọi là Bà La Môn.

Vì thế, câu kệ thứ hai đã xác định điều này: **“Không một sở hữu gì”**. Cho nên, người tu sĩ không có của cải tài sản, không có gia đình, không có nhà cửa thì không có sự ràng buộc, không bị dính mắc. Do không bị tài sản, của cải ràng buộc, dính mắc thì đó là giải thoát các bạn ạ! Giải thoát phần thô về vật chất. Nếu phần vật chất đã lìa xa thì phần nội tâm quét cũng không còn khó khăn. Hai phần này gom lại là tâm đã ly dục ly ác pháp. Tâm ly dục ly ác pháp là tâm không phóng dật. Tâm không phóng dật là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ.

Cho nên, câu kệ thứ ba dạy: **“Không sở hữu, không nắm”**. Người tu sĩ tu tập mà đạt được tâm bất động như vậy thì đức Phật mới gọi là Bà La Môn. Một vị tu sĩ Bà La Môn mà được đức Phật chấp nhận là phải có những tiêu chuẩn hẳn hoi như trên đã nói. Các bạn có nhận xét điều này không?

Bởi vậy trong thời đại này, nhìn các tu sĩ Phật giáo trong các hệ phái khác nhau thì chúng ta biết rõ Phật giáo đã bị chia chẻ tan

nát. Chia chẻ từ hình thức ăn mặc cho đến tinh thần giáo pháp, nhất là Đại Thừa Phật giáo tự vĩ ngực xưng mình có 84 ngàn pháp môn. Có 84 ngàn pháp môn, nếu ai chấp vào pháp môn nào thì có thể chia ra làm nhiều hệ phái khác nữa. Và như vậy, Phật giáo còn gì gọi là đoàn kết, giáo lý của Phật chỉ là những pháp môn góp nhặt. Đó là nói lên sự suy yếu rất lớn của Phật giáo.

Phật giáo chỉ có một pháp môn duy nhất, đó là Đạo Đế. Đạo Đế là một chân lý trong bốn chân lý bất di bất dịch của Đạo Phật, không ai có thể thay đổi được. Thế mà bây giờ lại có tám mươi bốn ngàn pháp môn thì các bạn nghĩ sao. Có đúng là pháp môn của Phật không?

Ngày xưa tu hành đức Phật không có tham vọng như các Tổ ngày nay. Ngài tự thấy mình là một Bà La Môn, một Bà La Môn sống có đạo đức, không mê tín, không cúng bái, cầu siêu, cầu an, v.v.. không lừa đảo người, trước mặt cũng như sau lưng, chỉ tu hành sống đúng Phạm hạnh, nhờ đó Ngài mới tìm thấy có sự giải thoát rõ ràng, cụ thể. Cho nên, trong kinh Pháp Cú, Ngài thường nhắc nhở các vị Tỷ Kheo nào sống đúng giới luật thì người ấy được

gọi là **Bà La Môn chân chánh**, còn những vị nào sống không đúng giới luật, phá giới, phạm giới thì đức Phật gọi là **Bà La Môn ngoại đạo**.

Trong thời gian hoàng hóa độ sanh, đức Phật cũng tự cảm thấy mình là một Bà La Môn, nhưng một Bà La Môn sống trước mặt cũng như sau lưng mọi người không hề thiếu mười hai Đức Thánh hạnh này. Đó là:

- 1- Như Lai
- 2- A La Hán
- 3- Ứng Cúng
- 4- Chánh Biến Tri
- 5- Minh Hạnh Túc
- 6- Thiện Thệ
- 7- Thế Gian Giải
- 8- Vô Thượng Sĩ
- 9- Điều Ngự Trượng Phu
- 10- Thiên Nhơn Sư
- 11- Phật.
- 12- Thế Tôn.

Chúng tôi xin giải nghĩa của mười hai hiệu Đức Thánh này:

1- Như Lai: Dịch âm tiếng Phạn Tathàgata có nghĩa là vì theo con đường như thật đi tới mà thành Chánh Giác. Như Lai cũng có nghĩa là bậc tu hành đã xong, không còn tái sinh trở lại cuộc đời này nữa tức là đã làm chủ sinh, tử và chấm dứt luân hồi.

Như Lai là một **“Đức Thánh Không Đến Không Đi”**.

2- A La Hán: Dịch âm tiếng Phạn Arahant. A La Hán đồng nghĩa với Ứng Cúng có nghĩa là giết giặc phiền não, bất sanh mãi mãi ở trong Niết bàn, xứng đáng nhận sự cúng dường của Trời Người. Tóm lại, bậc A La Hán đã thoát khỏi phiền não, được tự do tự tại, hoàn mỹ về mặt đạo lý, làm chủ được tư tưởng của mình, biết hết tất cả, có đủ sáu pháp huyền diệu, không phải chịu quả báo sống chết lần thứ hai. Danh hiệu này Đại Thừa cho là còn thấp kém chỉ là quả cao nhất của Tiểu Thừa.

A La Hán còn gọi là **“Đức Thánh Vô Lậu”**. Đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

3- Ứng Cúng: Dịch âm tiếng Phạn Arhat nghĩa là bậc đã xa lìa mọi điều ác, xứng đáng được hưởng thọ sự cúng dường của Người, Trời. Bậc đầy đủ phước báu không ai hơn.

Ứng Cúng là đức hạnh xa lìa những điều ác xứng đáng là nơi phước báu vô lượng để chúng sanh Trời Người cúng dường, nên gọi là **“Đức Thánh Phước Điền”**.

4- Chánh Biến Tri: Dịch âm tiếng Phạn Samyasambuddha nghĩa là chánh trí biết rõ mọi pháp như thật. Chánh biến tri còn có nghĩa là trí hiểu biết chân chánh không bị tà pháp, tà kiến, tướng kiến, tà giáo lừa đảo, trí hiểu biết vượt ra khỏi sự hiểu biết trong khuôn khổ nề nếp phong tục, tập quán và các hệ tư tưởng của các tôn giáo trên thế gian này.

Chánh Biến Tri còn gọi là **“Thánh Hạnh Liễu Tri”**.

5- Minh Hạnh Túc: Dịch âm tiếng Phạn Vidyàcaranasampana có nghĩa là bậc có đầy đủ trí tuệ và đức hạnh.

- Trí Tuệ gồm đủ có ba:
 - Ý thức tuệ.
 - Tướng thức tuệ.

- Tam minh tuệ.

□ Tam Minh Tuệ gồm có ba:

- Vô thời gian tuệ.

- Vô không gian tuệ.

- Vô lậu tuệ.

□ Thánh đức gồm có bốn: **Đức từ, Đức bi, Đức hỷ, Đức xả.**

□ Thánh hạnh gồm có năm hạnh: **Thắng hạnh, Chánh hạnh, Trực hạnh, Diệu hạnh, Tịnh hạnh.**

6- Thiện Thệ: Dịch từ tiếng Phạn Sugata nghĩa là bậc đã tu tập hoàn thành con đường Bát Chánh Đạo, bậc đã làm xong các hạnh lành, không còn trở lui về ác pháp và cuộc đời này nữa.

Thiện Thệ còn gọi là **“Thánh hạnh tự tại sinh tử”**.

7- Thế Gian Giải: Dịch từ tiếng Phạn Lokavit: có nghĩa là giải thích rõ các pháp trong thế gian, không còn pháp nào mà không giải thích được. Thế gian giải có nghĩa là bậc thông suốt tất cả các pháp thế gian. Bậc có thể hiểu rõ các lý và sự của loài hữu tình và vô tình.

Thế Gian Giải còn gọi là **“Thánh hạnh giải thông suốt các pháp thế gian”**.

8- Vô Thượng Sĩ: Dịch từ tiếng Phạn Anu Hara: có nghĩa là bậc cao hơn hết trong các hàng chúng sanh. Một con người làm chủ tội đĩnh giải thoát, không còn có sự giải thoát nào cao hơn nữa.

Vô thượng sĩ còn gọi là **“Thánh hạnh giải thoát cao nhất”**.

9- Điều Ngự Trượng Phu: Dịch từ tiếng Phạn Purusa-danya-sārathi: có nghĩa là bậc điều khiển được mình và tất cả chúng sanh tức là bậc đã làm chủ được mình và tất cả các pháp, nói một cách dễ hiểu hơn là bậc tâm đã bất động trước các pháp và các cảm thọ.

Điều Ngự Trượng Phu còn gọi là **“Thánh hạnh nhiếp phục các pháp và các cảm thọ”**.

10- Thiên Nhân Sư: Dịch theo tiếng Phạn Sātade-vanāsyànām: nghĩa là bậc Thầy của Trời, Người. Dạy cho Trời, Người những gì nên làm và những gì không nên làm.

Thiên Nhân Sư còn gọi là **“Đức Thánh Thầy Trời, Người”**.

11- Phật: Dịch âm chữ Buddha có nghĩa là bậc giải thoát hoàn toàn, bậc Giác Ngộ.

Phật còn gọi là **“Đức Thánh Giác Ngộ”**.

12- Thế Tôn: Dịch âm tiếng Phạn Bhagavat có nghĩa là bậc cao hơn hết trong cõi Trời, Người, được tất cả Trời, Người đều tôn kính trọng.

Thế Tôn còn gọi là **“Đức Thánh tôn kính”**.

Mười hai đức hạnh tối cao trên đây nếu người tu sĩ nào làm được thì đức Phật gọi người ấy là Bà La Môn.

Tóm lại, bài kệ trên đây đã xác định một người Bà La Môn đúng tiêu chuẩn của Phật giáo là không có một vật sở hữu nào cả suốt trong ba thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai thì mới đúng nghĩa:

“Ai quá, hiện, vị lai

Không một sở hữu gì

Không sở hữu, không nắm

Ta gọi Bà La Môn”.

Đúng vậy, lúc nào cũng nhớ giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh và hạnh tri túc thì mới xứng đáng là Bà La Môn của Phật giáo.

Đọc bài kệ này chúng ta mới biết Phật giáo là do người sau lập thành tôn giáo lấy tên là Phật giáo, còn riêng đức Phật thì không có ý đó. Tại sao vậy?

Bởi Đạo Phật là đạo đức của con người trên hành tinh này, nó là chân lý của loài người, nên không thể xây dựng nó thành tôn giáo được, vì tôn giáo sẽ bị hạn cuộc trong một số người rất ít, chứ không được phổ cập rộng rãi khắp mọi người, mọi nơi. Và khi thành lập ra tôn giáo là sẽ chia chẻ con người, mà chia chẻ con người thì không còn là đạo đức. Hình thức chia chẻ là vì quyền lợi riêng tư cho cá nhân hay tập thể nhỏ. Cho nên, các Tổ không hiểu điều này, vì quyền lợi riêng tư mà các Tổ đã làm một việc rất sai lầm, biến chân lý và đạo đức của loài người thành chân lý và đạo đức riêng tư của tôn giáo. Một bằng chứng rất hùng hồn, từ những tham vọng ấy, các Tổ đã chia nát Phật giáo ra nhiều hệ phái, làm cho Phật giáo suy yếu và mất gốc. Từ Phật giáo của chung của nhân loại đã trở thành của

riêng và còn của riêng nhiều vị Tổ nữa. Thật là đau lòng, phải không hỡi các bạn?

Riêng đức Phật chỉ thấy mình là một Bà La Môn và cố gắng làm tốt hơn cho Bà La Môn Giáo, chứ không có mục đích thành lập tôn giáo riêng tư, chỉ vì người sau không hiểu ý Phật nên dựa vào 12 danh hiệu của Ngài mà đặt tên cho tôn giáo. Từ đó mới có tên là Phật giáo.



BẠC CHIẾN THẮNG

LỜI PHẬT DẠY

*“Bạc trâu chúa, thù thắng.
Bạc anh hùng, đại sĩ.
Bạc chiến thắng, không nhiễm.
Bạc tẩy sạch, giác ngộ.
Ta gọi Bà La Môn”.*

Kinh Pháp Cú

CHÚ GIẢI:

Người tu hành theo Phật giáo phải như con trâu chúa, lúc nào cũng phải đứng lên trên Trời, Người, nên câu kệ thứ nhất trong bài này đức Phật dạy: **“Bạc trâu chúa, thù thắng”**. Đúng vậy, Người tu sĩ Phật giáo phải là người anh hùng, kiên gan, bền chí như đất trời không hề lùi bước trước gian nan, khó khăn nào cả. Nên câu thứ hai đức Phật dạy người tu sĩ theo Phật giáo xem cái chết nhẹ như lông hồng phải chứng tỏ mình: **“Bạc anh**

hùng, đại sĩ”. Thế mà thời nay nhìn lại tu sĩ Phật giáo phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới thì còn gì là bậc trâu chúa, bậc thù thắng, bậc anh hùng đại sĩ. Phải không các bạn? Toàn là những bậc ăn bám vào tín đồ giống như loài ký sinh trùng (trùng trong lòng sư tử).

Người tu sĩ Phật giáo phải luôn luôn là người chiến thắng giấc ăn, giấc ngủ, giấc hội họp, giấc tham, giấc sân, giấc si... Muốn chiến thắng được như vậy thì giới luật là khuôn phép để chúng ta khép mình, sống đúng Thánh hạnh, để tôi luyện mình trở thành những thanh thép hữu ích cho mình, cho người, cho đời, cho xã hội, cho quê hương đất nước, cho thế giới, cho cả sự sống trên hành tinh này.

Nếu không tôi luyện mình như vậy, thì thân tâm dễ bị ô nhiễm những dục lạc thế gian. Phải không các bạn? Bởi vậy, bậc chiến thắng dục tử của đức Phật phải là những người không đắm nhiễm; không đắm nhiễm tất cả mọi dục lạc. Nếu chỉ còn đắm nhiễm một chút xíu dục lạc nhỏ như hạt phù sa sông Hồng¹ thì

¹ Sông Hồng là một dòng sông lớn xuất phát từ bên nước Trung Quốc chảy ra biển Đông, ngang qua nước Việt

cũng chưa phải là người chiến thắng giặc sanh tử, cho nên đức Phật dạy: **“Bậc chiến thắng, không nhiễm”**.

Từ không nhiễm lớn đến không nhiễm nhỏ, hoàn toàn phải sạch bóng sự ô nhiễm thì mới được gọi là bậc Giác Ngộ. Vì thế, trong bài kinh Pháp Cú đã dạy:

“Bậc tẩy sạch, giác ngộ”

Nếu không quét sạch giặc tham, sân, si... ngũ triền cái, thất kiết sử... thì làm sao có sự thanh bình trong tâm hồn mình. Phải không hỏi các bạn?

Qua bài kệ này, muốn được đức Phật chấp nhận mình là một Bà La Môn đúng nghĩa của Bà La Môn thì phải sống đầy đủ đức hạnh không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Dựa vào lời dạy trên đây, chúng ta xét thấy trong thời đức Phật còn tại thế có thể chia ra bốn loại Bà La Môn:

1- Bà La Môn phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới.

Nam. Tác giả mượn tên sông Hồng là chỉ cho người Việt Nam cũng làm được một việc vĩ đại như người Ấn Độ.

2- Bà La Môn cúng bái tế tự, cầu siêu, cầu an, làm những điều mê tín, v.v..

3- Bà La Môn xây dựng thế giới tâm linh, sống trong ảo tưởng, mơ mộng hư ảo; lừa đảo, lường gạt người để được ngồi trong mát ăn bát vàng.

4- Bà La Môn chuyên tu tập luyện thần thông trừ tà, yểm quỷ, bắt ma trị bệnh bằng phù phép tạo ra một thế giới siêu hình huyền ảo khiến cho con người mất hết sức tự chủ, chỉ còn biết tựa nương vào Thần Thánh, Tiên, Phật hoặc Bồ Tát cứu khổ cứu nạn.

Những hạng Ba La Môn này, ngày xưa đức Phật còn tại thế không bao giờ chấp nhận, chỉ có ngày nay Đại Thừa chấp nhận và vì thế, những người tu sĩ Đại Thừa có một nếp sống và những việc làm mơ hồ ảo tưởng, mê tín lạc hậu, bùa chú thần thông pháp thuật cũng giống như những Bà La Môn ngày xưa đã nói ở trên. Còn đức Phật thì cho những tu sĩ đó là Ma Ba Tuần đang phá và diệt Phật giáo.

Qua bài kệ này, chúng ta thấy rõ ràng đức Phật đã tự cho mình là Bà La Môn, “*Ta gọi Bà La Môn*” theo nghĩa Bà La Môn phải là những bậc:

- 1- Bạc trâu chúa, thù thắng.
- 2- Bạc anh hùng, đại sĩ.
- 3- Bạc chiến thắng, không nhiễm.
- 4- Bạc tẩy sạch, giác ngộ.

Nhìn vào tiêu chuẩn bốn bậc Bà La Môn ở trên đây thật khó cho một người không có quyết tâm cao, không có nhiệt tâm nồng cháy trong việc đi tìm đường giải thoát, đi tìm đường liễu sinh thoát tử trở thành những bậc này. Phải không hỡi các bạn?



BÀ LA MÔN

LỜI PHẬT DẠY

*“Ai biết được đời trước
Thấy Thiên giới, đọa xứ
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bậc Mâu Ni đạo sĩ
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà La Môn”.*

Kinh Pháp Cú

CHÚ GIẢI:

Một lần nữa đức Phật xác định cho chúng ta thấy một tu sĩ Phật giáo được gọi như thế nào là một Bà La Môn chân chánh trong những tiêu chuẩn nào?

Đọc bài kệ trên đây trong kinh Pháp Cú chúng ta mới thấy rõ một vị tu sĩ Phật giáo

được gọi là Bà La Môn chân chánh thì phải hội đủ những tiêu chuẩn:

1- Biết được đời trước của mình là phải có Tam Minh. Trong Tam Minh có Túc Mạng Minh. Có Túc Mạng Minh mới biết được nhiều đời, nhiều kiếp trong quá khứ của mình và của người khác. Một Bà La Môn chân chánh tu tập phải có Túc Mạng Minh biết được nhiều đời của mình thì mới được gọi là một Bà La Môn, bằng không biết thì không được gọi là Bà La Môn. Cho nên, câu kệ này dạy: **“Ai biết được đời trước”**.

Chúng ta hiện giờ nhìn lại tu sĩ Phật giáo có vị nào tu tập biết được nhiều đời nhiều kiếp trong quá khứ của mình chưa? Nếu chưa biết thì chưa được gọi là Thánh Tăng, Thánh Ni, chưa được gọi là Bà La Môn chân chánh. Phải không các bạn?

2- Một người được gọi là Bà La Môn là phải có trí tuệ nhân quả thấy thiện và ác rất rõ ràng. Người thấy thiện ác rõ ràng là người có chánh tri kiến. Người có chánh tri kiến là người ly dục ly ác pháp. Người ly dục ly ác pháp là người tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Người có tâm bất động là người xứng đáng được gọi là Bà La Môn chân chánh.

Hiện giờ nhìn xem những tu sĩ Phật giáo thì chúng ta biết ngay họ chưa ly dục ly ác pháp vì họ còn ăn uống và ngủ nghỉ phi thời, tâm còn ham vui, thích tài sản, của cải, tiền bạc, nhà cửa sang đẹp, như chùa to Phật lớn, v.v.. Chính họ không thấy những sự ham muốn đó là dục, là ác pháp. Do như vậy, họ chưa xứng đáng làm Thánh Tăng, Thánh Ni; chưa xứng đáng làm Thánh Tăng, Thánh Ni thì làm sao xứng đáng làm đệ tử của Phật được. Họ là những người không thấy nhân quả thiện ác thì làm sao được gọi là Bà La Môn chân chánh. Cho nên, câu kệ thứ hai đức Phật đã xác định: **“Thấy Thiên giới, đọa xứ”**. Câu này chúng ta phải hiểu nghĩa cho rõ ràng. Vậy Thiên giới và đọa xứ là gì?

Thiên giới là cõi Trời; đọa xứ là địa ngục. Ở đây không phải là cõi Trời mà là Thập thiện, ở đây không phải là địa ngục mà là Thập ác. Thấy thiên giới, đọa xứ là thấy Thập thiện, thập ác. Thấy Thập thiện và Thập ác là thấy nhân quả. Thấy được nhân quả thì mới được đức Phật chấp nhận là Bà La Môn chân chánh. Có hiểu nghĩa như vậy mới hiểu lời đức Phật dạy. Các bạn có hiểu đúng nghĩa như vậy không?

Nhưng một vị Bà La Môn chân chánh đâu phải tu tập có bấy nhiêu pháp thôi, mà còn phải tu tập nhiều hơn nữa, phải làm chủ sanh tử như câu kệ dưới đây: **“Đạt được sanh diệt tận”**. Vậy, sanh diệt tận nghĩa là gì?

Sanh là đời sống, sự sống; diệt là chết, sự chết; tận là tận cùng, cuối cùng, chấm dứt. Toàn nghĩa câu này là phải đạt cho được sự tận cùng sống chết của kiếp làm người thì mới được đức Phật chấp nhận là một Bà La Môn chân chánh, còn chưa tu tập được như vậy thì chưa xứng đáng là Tăng là Ni đệ tử của Phật.

Làm một đệ tử của đức Phật đâu phải dễ. Phải không hỏi các bạn? Phải đầy đủ thắng trí. Vậy thắng trí là gì? Thắng trí là một trí tuệ chiến thắng mọi ác pháp và các cảm thọ, một trí tuệ không bao giờ chịu khuất phục trước mọi trở ngại, gian nan hay mọi việc khó khăn nào, luôn luôn giành phần thắng về mình. Có thắng trí như vậy là có sự chiến thắng vẻ vang trong trận giặc sanh tử luân hồi. Người có thắng trí mới xứng đáng là đệ tử của đức Phật, mới xứng đáng là Bà La Môn chân chánh, nên câu kệ dạy:

“Thắng trí, tự viên thành”.

Người có thắng trí là người thành tựu đạo giải thoát dễ dàng, đâu cần gì tu tập nữa. Có đúng như vậy không các bạn?

Hai câu kệ cuối cùng để tán thán một người tu sĩ Phật giáo thành tựu viên mãn đạo giải thoát:

“Bạc Mâu Ni đạo sĩ

Viên mãn mọi thành tựu”.

Vậy, Mâu Ni và viên mãn nghĩa là gì? Mâu Ni dịch âm tiếng Phạn là Mouni có nghĩa là năng nhơn, năng từ, năng mãn, năng tịch, v.v.. Năng nhơn nghĩa là lòng thương người; năng từ là lòng từ bi; năng mãn là tâm tròn đầy đức hạnh; năng tịch là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Tóm lại, nghĩa của toàn câu kệ này là bậc đạo sĩ đầy đủ những năng lực siêu việt không có một người nào hơn được ***“Bạc Mâu Ni đạo sĩ”***.

Viên mãn: là tròn đầy, đầy đủ, không còn thiếu khuyết một chỗ nào cả. Nghĩa của câu này là tất cả những pháp môn tu hành của Phật giáo đều đã tu hành xong: ***“Viên mãn mọi thành tựu”***.

Đọc bài kệ trên đây chúng ta thấy được những kết quả vĩ đại của một người tu theo

Phật giáo mà đáng được gọi là Bà La Môn đâu phải dễ như toàn bài kệ:

***“Ai biết được đời trước
Thấy Thiên giới, đọa xứ
Đạt được sanh diệt tận
Thắng trí, tự viên thành
Bậc Mâu Ni đạo sĩ
Viên mãn mọi thành tựu
Ta gọi Bà La Môn”.***

Được gọi là Bà La Môn là phải tu tập cho đến nơi đến chốn, chứ không phải tu danh, tu lợi theo kiểu Đại Thừa và Thiên Tông. Có đúng như vậy không các bạn?



CHỌN BẠN

LỜI PHẬT DẠY

*“Tìm không được bạn đường
Bằng mình hay hơn mình
Thà quyết sống một mình
Không làm bạn kẻ ngu”.*

*Kinh Pháp Cú
(V- Balavagga - Phẩm Ngũ)*

CHÚ GIẢI:

Ca dao Việt Nam có câu:

*“Thói thường gần mực thì đen,
Anh em bạn hữu ta nên chọn người”*

Trong kinh Pháp Cú Phật dạy:

*“Tìm không được bạn đường
Bằng mình hay hơn mình
Thà quyết sống một mình
Không làm bạn kẻ ngu”*

Đọc câu ca dao và bốn câu kệ trên đây cho chúng ta thấy rằng, đời cũng như Đạo Phật đều dạy chúng ta nên chọn Thầy hay, bạn tốt, hoặc chọn bạn bằng mình hay hơn mình. Nếu Thầy, bạn kém hơn mình thì chẳng ích lợi gì cho mình, nhiều khi còn bị đắm nhiễm theo thói hư tật xấu của những người này. Thầy Tổ phạm giới, phá giới, sống không đúng Phạm hạnh và bạn bè thiếu đạo đức, do đó nhất định không nhận họ làm Thầy Tổ, không làm bạn với kẻ ngu.

Những câu kệ này đức Phật dạy chúng ta nên chọn một người bạn giỏi hơn mình, đó cũng là một vị Thầy của mình, để mình sẽ học hỏi được nhiều điều hay, điều tốt, còn chọn một người bạn dở hơn thì mình có học hỏi được gì đâu, đôi khi lại bị ô nhiễm tính xấu như gian tham, trộm cướp, nói láo, giết người, v.v..

Vào đạo tu học cũng nên chọn một vị Thầy giới luật nghiêm túc, đức hạnh đầy đủ. Vì thế, đức Phật thường dạy: ***“Này các Tỳ Kheo, ở đây, có kẻ phàm phu ít nghe, không được thấy các bậc Thánh, không được thân cận các bậc Thánh, không thuận thực pháp các bậc Thánh, không tu tập pháp các bậc Thánh, không được thấy các bậc Chơn nhưn, không được nghe các bậc***

Chơn nhơn, không được thân cận các bậc Chơn nhơn, không thuận thực pháp các bậc Chơn nhơn, không tu tập pháp các bậc Chơn nhơn". Đoạn kinh trên đây, đức Phật khuyên chúng ta nên chọn những bậc Thánh, bậc Chơn Nhơn đạo hạnh như vậy để thân cận mới được lợi ích cho mình cho người khác.

Bởi vì, chúng ta thiếu sự cân nhắc kỹ lưỡng khi chọn Thầy, tìm bạn, nên sự lầm lẫn của chúng ta đã phải trả một giá quá đắt cho cuộc đời tìm đạo tu hành.

Vào đạo với lòng tin Phật, tin Thầy Tổ. Nhưng Phật đã mất đi rồi không còn gần gũi khuyên nhắc chúng ta nữa, chỉ còn Thầy Tổ mà thôi. Nhưng Thầy Tổ sống phạm giới phá giới, Thánh hạnh Thầy Tổ không còn thì biết tin và nương tựa vào ai nữa đây? Nhìn gương hạnh sống của Thầy Tổ hiện giờ mà lòng chúng ta đau xót tận cùng vì giới luật đức hạnh của Phật dạy còn đây mà Thầy Tổ thì ném bỏ vào sọt rác. Ôi, đau xót vô cùng! Còn biết nương tựa vào đâu nữa?

Thật là bất hạnh cho mỗi chúng ta biết chừng nào! Thầy hay khó gặp, bạn tốt khó tìm.



THIÊN ĐỊNH

LỜI PHÁT DẠY

“Này Sandha, hãy tu Thiên với sự Thiên định của con ngựa thuần thực, chớ có Thiên định của con ngựa chưa thuần thực”.

(Tăng Chi Bộ Kinh, tập 4, trang 655)

CHÚ GIẢI:

Người tu thiên định cần phải lưu ý lời khuyên dạy trên đây của đức Phật: ***“Hãy tu Thiên với sự Thiên định của con ngựa thuần thực, chớ có Thiên định của con ngựa chưa thuần thực”.***

Hầu hết, người tu thiên định thời nay không quan tâm đến vấn đề này, nên muốn tu thiên định là đi học thiên, tu thiên, chứ họ đâu biết rằng tu thiên định như vậy là sai, tu như vậy không bao giờ nhập được thiên định. Tại sao vậy?

Vì thân tâm họ chưa thuần thực, còn đắm nhiễm dục và ác pháp, tức là chưa ly dục ly ác pháp có nghĩa là giới luật chưa nghiêm túc. Bởi vậy, đức Phật dạy: ***“Hãy tu Thiền với sự Thiền định của con ngựa thuần thực”***.

Thưa các bạn! Con ngựa thuần thực và con ngựa chưa thuần thực nghĩa như thế nào?

Con ngựa thuần thực là chỉ cho tâm đã ly dục ly ác pháp, tâm đã lìa tham, sân, si, mạn, nghi. Khi tâm đã ly dục ly ác pháp thì lúc bấy giờ chúng ta mới tu tập Thiền định. Cho nên, đức Phật dạy: ***“Hãy tu Thiền với sự Thiền định của con ngựa thuần thực”***. Thân tâm đã thuần thực trong giới luật thì tâm định tĩnh, nhu nhuyễn dễ sử dụng. Lúc bấy giờ, chúng ta mới bắt đầu tu tập Thiền Định. Tu như vậy mới đúng như lời Phật dạy. Phải không các bạn?

Cho nên, nền tảng thiền định của Đạo Phật là giới luật mà giới luật thì phải nghiêm chỉnh; giới luật có nghiêm chỉnh thì tâm mới ly dục ly ác pháp hoàn toàn.

Do lời dạy trên đây của đức Phật mà chúng ta xét thấy những người tu theo thiền định của Phật giáo thời nay đều tu sai pháp, vì

giới luật chưa nghiêm chỉnh, hạnh ly ăn, ly ngủ, hạnh sống độc cư chưa trọn vẹn mà đòi nhập thiên định thì làm sao nhập được. Các bạn chỉ tu tập thiên tướng, chứ chánh định chánh thiên thì không thể tu tập như vậy được.

Đoạn kinh trên đây cho chúng ta thấy tu sĩ Phật giáo hiện giờ chưa có ai nhập Chánh định được, chỉ nhập vào Tà định của ngoại đạo mà thôi. Giới luật không tu tập, mà lại còn phá giới, phạm giới, tu như vậy cho phù hợp với thời đại thì chỉ có các nhà Sư Đại Thừa và kinh sách Đại Thừa dạy, chứ kinh sách Nguyên Thủy thì không có dạy như vậy.

Xét qua lời dạy trên, thì thấy giáo lý Đại Thừa xem nhẹ giới luật, hướng dẫn tu sĩ đi đến con đường sai lệch: cúng bái, cầu siêu cầu an, tụng kinh, niệm Phật, niệm chú, bắt ấn, ngồi thiền ức chế tâm, v.v..

Thưa các bạn! Chúng ta là những tu sĩ và cư sĩ Phật giáo sao lại không sáng suốt phân biệt pháp môn nào của Phật, pháp môn nào của ngoại đạo, của các Tổ, để tu hành tránh khỏi lầm lạc. Và như vậy, vô tình chúng ta lại cố ý tiếp tay diệt sạch Phật giáo theo mưu đồ của Bà La Môn. Phải không hỡi các bạn?

Nhìn thấy các bạn tu theo kinh sách Đại Thừa, chúng tôi dựa theo lời dạy Nguyên Thủy của Phật trên đây mà khẳng định rằng: Các bạn tu tập như vậy là sai, chỉ uống công, chẳng bao giờ nhập được Chánh định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi. Các bạn tin hay không tin là quyền ở các bạn, nhưng điều chúng tôi quyết chắc là các bạn sáng suốt nhận định rõ ràng những gì các bạn tận mắt thấy, tai nghe và những gì chúng tôi nói. Đó là những điều chúng thực để các bạn tin hay không tin.

Thiền định của con ngựa chưa thuần thực nghĩa là gì? Con ngựa chưa thuần thực có nghĩa thân tâm của các bạn còn tham, sân, si, mạn, nghi, còn chưa ly dục ly ác pháp. Khi tâm còn tham, sân, si, mạn, nghi, chưa ly dục ly ác pháp thì đừng có tu thiền định, vì có tu thiền định cũng chỉ mất công phí sức chẳng bao giờ nhập được định, bởi vì nền tảng tu thiền định của Đạo Phật là Giới luật. Có nền tảng giới luật thì tu thiền định mới bảo đảm. Tâm phải thanh tịnh ly dục ly ác pháp thì mới nên tu tập thiền định. Cho nên, các bạn về tu viện Chơn Như mà không dọn mình cho trong sạch thì về đây tu hành cũng chẳng ích lợi gì.

Hạnh ăn, hạnh ngủ, hạnh đọc cứ chưa tròn mà về đây tu tập là tu tập cái gì? Thưa các bạn! Các bạn còn tham mê ăn, tham mê ngủ, còn thích sống nói chuyện mà các bạn về đây tu tập thì chỉ uống công và vô ích. Ở đây, không có dạy tu ăn, tu ngủ, tu nói chuyện các bạn ạ!

Các bạn cứ nghĩ rằng cúng dường tiền bạc nhiều là để tu viện Chơn Như phục vụ về ăn uống cho các bạn, đó là các bạn đã nghĩ sai. Dù các bạn có cúng dường bao nhiêu tiền thì tu viện cũng vẫn giữ lập trường giúp các bạn ăn uống đơn giản vừa đủ sống để ly dục ly ác pháp, chứ không phải phục vụ các bạn ăn uống như trong khách sạn, nhà hàng.

Khi các bạn về đây tu hành mà còn mang theo thực phẩm để ăn uống, không thực hiện đời sống bình đẳng về ăn uống trong tu viện, thì chúng tôi nói rằng các bạn chỉ tu cho có hình thức chơi, chứ kỳ thực chẳng có kết quả lợi ích gì cho các bạn.

Tu mà còn tham đắm ăn uống, ngủ nghỉ; tu mà còn thích hội họp nói chuyện khoe khoang sự tu tập của mình với mọi người. Vậy thì nền tảng ly dục ly bất thiện pháp là ở chỗ nào? Xin các bạn chỉ cho.

Các bạn chỉ sống trong tưởng, nói thiên định tưởng, chứ kỳ thực các bạn chưa có nếm được mùi vị ly dục ly ác pháp.

Đây, các bạn hãy nghe tiếp lời dạy của đức Phật để mà suy ngẫm con đường tu hành của mình: *“Này Sandha, ở đây có hạng người tâm chưa được thuần thực, khi đi đến ngôi rừng hay khi đi đến gốc cây, hay khi đến ngôi nhà trống, trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối, không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Người ấy tàng trữ dục tham trong tâm (ức chế), rồi Thiên tư, Thiên lực, Thiên liên tục, Thiên quán, trú với tâm bị sân ám ảnh, bị sân chi phối ... trú với tâm bị hôn trầm thù miên ám ảnh, bị hôn trầm thù miên chi phối ... trú với tâm bị trạo hối ám ảnh, bị trạo hối chi phối ... trú với tâm bị nghi hoặc ám ảnh ... trú với tâm bị nghi hoặc chi phối, không như thật biết ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trữ nghi hoặc vào trong (ức chế), rồi Thiên tư, Thiên lực, Thiên liên tục, Thiên quán. Người ấy Thiên tư y chỉ vào đất, Thiên tư y chỉ vào nước, ... vào gió, ... vào Không vô biên xứ,*

... vào Thức vô biên xứ, ... vào Vô sở hữu xứ, ... vào Phi tướng phi phi tướng xứ, ... vào đời này, ... vào đời sau. Phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào đây người ấy thiên tư. Như vậy này Sandha là người tu Thiên tư không thuần thực (không kết quả)”.

Đọc đoạn kinh này các bạn tự quan sát sự tu tập của mình là sẽ biết ngay liền sai hay đúng.

Thường các bạn trình pháp đều chứng tỏ mình tu rất tốt, nhưng gặp chuyện thì biết ngay liền các bạn chưa xả tâm. Chưa xả tâm mà có thiên định gì mà thưa hỏi. Phải không hỏi các bạn?

Để thấy sự tu hành của chúng ta sai như thế nào, vậy chúng ta hãy quán xét lại đoạn kinh trên cho kỹ.

Chúng ta nên xét câu thứ nhất: **“Này Sandha, ở đây có hạng người tâm chưa được thuần thực”**. Vậy, tâm chưa thuần thực là thuần thực cái gì?

Ở đây đức Phật muốn nói giới luật chưa nghiêm chỉnh, tâm chưa ly dục ly ác pháp.

Chúng ta xét đến câu thứ hai: **“*Khi đi đến khu rừng hay khi đi đến gốc cây, hay khi đến ngôi nhà trống*”**. Vậy, khu rừng, gốc cây, ngôi nhà trống là nghĩa gì?

Ở đây có nghĩa là chọn lấy một nơi thanh vắng để sống độc cư, một mình trong cảnh cô đơn.

Chúng ta quán xét đến câu thứ ba: **“*Trú với tâm bị dục tham ám ảnh, bị dục tham chi phối*”**. Vậy, dục tham ám ảnh, dục tham chi phối nghĩa là gì?

Dục tham là lòng ham muốn; ám ảnh là hiện ra lờn vờn trong trí day dứt không yên; chi phối là tác dụng điều khiển. Nghĩa chung của câu tham dục ám ảnh là lòng tham muốn hiện ra lờn vờn trong trí day dứt không yên, nghĩa câu tham dục chi phối là lòng tham muốn tác dụng điều khiển, sai khiến.

Nghĩa chung của đoạn này là khi ngồi lại một mình nơi thanh vắng thì lòng tham muốn khởi lên day dứt, tác động điều khiển sai khiến chúng ta làm theo ý muốn của tâm, làm cho ta mất tự chủ. Người đời không biết tu

hành nên dễ bị tâm tham dục sai khiến, khiến cho cuộc đời vốn khổ đau lại càng khổ đau hơn.

Chúng ta quán xét đến câu thứ tư: ***“Không như thật rõ biết sự xuất ly khỏi dục tham đã khởi lên. Người ấy tàng trữ dục tham trong tâm (ức chế)”***. Vậy xuất ly và tàng trữ nghĩa là gì?

Xuất ly là lìa ra, bỏ ra; tàng trữ là giữ lại, nén lại. Ý nghĩa của câu này là không biết cách xuất ly dục tham, nên dục tham thường khởi lên chỉ còn có giữ gìn trong tâm nên gọi là nén tâm. Do đó, dù có tu thiền định gì đi nữa thì vẫn bị sân, hôn trầm thùy miên, trạo cử, trạo hối và các loại tướng định khởi lên như trong đoạn kinh này dạy: ***“Rồi Thiền tư, Thiền lục, Thiền liên tục, Thiền quán, trú với tâm bị sân ám ảnh, bị sân chi phối ... trú với tâm bị hôn trầm thùy miên ám ảnh, bị hôn trầm thùy miên chi phối ... trú với tâm bị trạo hối ám ảnh, bị trạo hối chi phối ... trú với tâm bị nghi hoặc ám ảnh ... trú với tâm bị nghi hoặc chi phối, không như thật biết ra khỏi nghi hoặc đã khởi lên. Người ấy tàng trữ nghi hoặc vào trong (ức chế), rồi Thiền tư, Thiền lục, Thiền liên tục, Thiền quán. Người ấy***

Thiền tư y chỉ vào đất, Thiền tư y chỉ vào nước, ... vào gió, ... vào Không vô biên xứ, ... vào Thức vô biên xứ, ... vào Vô sở hữu xứ, ... vào Phi tướng phi phi tướng xứ, ... vào đời này, ... vào đời sau. Phàm điều gì được thấy, được nghe, được cảm giác, được thức tri, được đạt đến, được tâm cầu đến, được ý suy tư, đều y chỉ vào đấy người ấy thiền tư. Như vậy này Sandha là người tu Thiền tư không thuần thực (không kết quả)”.

Theo lời dạy trong kinh này: Khi giới luật không nghiêm chỉnh thì dù có tu tập cách gì cũng không có kết quả.



TRÍ NGU

LỜI PHÁT DẠY

*“Người ngu nghĩ mình ngu
Nhờ vậy thành có trí
Người ngu tưởng có trí
Thật xứng gọi chí ngu”.*

Kinh Pháp Cú

CHÚ GIẢI:

Con người ở đời thường hay thấy cái sai của người khác, ít khi thấy cái sai của mình. Đó là những người ngu.

Người ngu thường hay nói xấu người khác và hay khoe khoang cái hay (ngu) của mình. Ở tu viện Chơn Như có một số người về đây tu tập, tu hành chưa tới đâu mà vội hội họp nói chuyện khoe khoang mình tu được thế này, thế khác, thậm chí có người còn khoe khoang mình nhập Tam Thiên, Tứ Thiên ... Rồi khoe khoang mình có đến 6, 7 cái Giác Chi ... Nếu có 6, 7

cái Giác Chi, thế sao đến bây giờ chưa nhập được Sơ Thiên? Ăn, ngủ, độc cư còn chưa giữ trọn vẹn,... hễ có chuyện gì không vừa ý là tức giận rồi xách gói ra đi... Vừa rồi có một người tu tập ở đây 3, 4 năm sống không đúng Phạm hạnh bị tu viện mời ra khỏi. Khi trở về thăm tu viện tuyên bố đã nhập được từ Sơ Thiên đến Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Xứ, nhưng xét qua giới luật là người sống phi Phạm hạnh, phá giới, phạm giới, đi đâu cũng có vợ con đi theo hộ tống thế mà bốn thiên hữu sắc và bốn định vô sắc đều nhập được cả. Như vậy các bạn có tin không?

Xét qua giới luật thì biết ngay người ấy nhập định được hay không rất dễ dàng. Mọi người cứ nghĩ rằng thiên định của Đạo Phật không có tiêu chuẩn để xét duyệt hay sao? Dám tuyên bố một cách bừa bãi như vậy? Tưởng chưa có ai nhập các định này sao? Đừng khinh rẻ mọi người thái quá. Nói như vậy, người ta không biết mình nói láo sao? Khi mình chưa nhập định được, nói như vậy là làm mất uy tín các bạn ạ! Nói như vậy là tự giết mình.

Những người mê mờ dám khoe khoang một điều mình chưa làm được với những người

chưa biết, chưa tu, chứ những người đã biết đã nhập định thì đâu dễ gì lường gạt họ được. Kinh sách Nguyên Thủy của Phật giáo đã xác định tiêu chuẩn và phương pháp nhập định như thế nào rất rõ ràng, tại sao các bạn không chịu khó nghiên cứu, để không bị những người háo danh lừa đảo. Cho nên, đức Phật dạy: **“Nếu tu tập có đạo lý gì thì không được nói ra, chỉ nói ra khi thấy mình có lỗi lầm để phát lồ sám hối ăn năn chừa bỏ không tái phạm lại nữa”**. Đó là những điều đức Phật nhắc nhở chúng ta hằng ngày. Bởi vậy, kinh Pháp Cú dạy:

“Mình ngu nghĩ mình ngu

Nhờ vậy thành có trí”.

Đúng vậy, hằng ngày chúng ta nên xét lại mình thấy có những điều làm cho mình khổ, làm cho người khác khổ thì hãy mau ngăn chặn và diệt chúng cho tận gốc, bằng cách tư duy quán xét. Và phải luôn luôn xấu hổ khi có một hành động, một lời nói hay một ý nghĩ làm cho mình khổ, làm cho người khác khổ hay tất cả chúng sanh khổ thì phải hối hận ăn năn từ bỏ. Người biết tu tập những việc này là người biết mình ngu tức là người có trí đấy các bạn ạ!

Trong cuộc đời tu hành theo Phật giáo chỉ có trầm tư suy nghĩ tìm cái ngu của mình để lần lần khắc phục sửa sai những lỗi lầm. Đây là người có trí các bạn ạ.

Còn ngược lại, người ngu mà không biết mình ngu là người rất ngu. Tất cả các pháp trên thế gian này đều vô thường, không có vật gì thường hằng bất biến, không có vật gì là mình, là của mình, thế mà cứ lầm chấp là mình, là của mình. Do sự lầm chấp như vậy, mà lao đầu vào chốn dầu sôi nước bỏng để chịu lấy những sự khổ đau bất tận cũng giống như loài thiêu thân lặn mình vào ánh sáng của ngọn đèn. Đó là những người ngu mà không biết mình ngu. Còn biết bao nhiêu sự ngu trong thế gian này nữa, như người chết là tan hoại hết không có tàn dư một chút xíu thức nào cả. Vậy mà, từ trong các tôn giáo cho đến những người có học thức cùng những người không học thức, đều cho rằng người chết còn có linh hồn bất diệt, nên từ đó họ bỏ tiền bạc tiêu hao về vấn đề này một cách nhảm nhí rất đáng thương. Họ thường cầu siêu, đốt tiền, vàng mã ... cho người chết, họ làm những điều mê tín lạc hậu. Đó là những người ngu mà không biết

mình ngu, thật là người chí ngu đáng thương vậy.

Thưa các bạn! Những điều chúng tôi vừa nói trên đây, có lẽ là lời nói quá thẳng thắn, dùng chữ ngu si quá nặng nề, khiến cho các bạn tự ái không vui lòng. Có phải vậy không các bạn? Xin các bạn vui lòng tha thứ cho. Nếu không dùng lời nói thẳng thiếu văn hóa, kém lịch sự như vậy thì mọi người cứ nghĩ mình là người khôn ngoan, thì tệ nạn mê tín lại còn tệ hại hơn nữa.

Xin các bạn cứ suy ngẫm lại thì xét thấy lời nói thẳng của chúng tôi là một lời chân thật, đầy lòng yêu thương của chúng tôi gửi đến các bạn, để trên đời này chúng ta không còn là người ngu nữa. Phải không hở các bạn?



HẠNH VÀ MINH

LỜI PHÁT DẠY

Với Minh và với Hạnh, thành tựu hai pháp này. Nay các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh:

1/ Cứu cánh an ổn khỏi khổ ách.

2/ Cứu cánh Phạm hạnh.

3/ Cứu cánh mục đích.

Bậc tối thượng giữa chư Thiên và loài Người.

(Tăng Chi Bộ Kinh, tập 4, trang 663)

CHÚ GIẢI:

Xét duyệt qua đoạn kinh này có ba cứu cánh:

1/ Cứu cánh an ổn khỏi khổ ách là do chánh tri kiến. Chánh tri kiến là sự hiểu biết mọi vật như thật, do hiểu biết mọi vật như thật nên mọi khổ ách đều được hóa giải. Vì

vậy, gọi là cứu cánh an ổn khỏi khổ ách tức là **MINH GIẢI THOÁT**.

2/ Cứu cánh Phạm hạnh là do giới luật. Một tu sĩ sống đúng giới luật, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào là có giải thoát ngay liền. Giới ly dục ly ác pháp mà tâm ly dục ly ác pháp là tâm bất động, tâm bất động là tâm không phóng dật. Do giới luật mà tâm được giải thoát nên gọi là **HẠNH GIẢI THOÁT**, tức là Cứu Cánh Phạm Hạnh.

3/ Cứu cánh mục đích là tri kiến và giới luật. Giới luật ở đâu là tri kiến ở đó, tri kiến ở đâu là giới luật ở đó, “*Tri kiến làm thanh tịnh giới luật, giới luật làm thanh tịnh tri kiến*”. Đó là cứu cánh giữa **MINH** và **HẠNH** nên gọi là cứu cánh mục đích.

Trên đây, là nói về giai đoạn mới bắt đầu vào tu tập giới luật bằng tri kiến, còn ở giai đoạn hai và ba thì đoạn kinh này đức Phật dạy “**Minh và Hạnh**”. Minh và Hạnh đạt được là cứu cánh của cứu cánh. Vậy Minh và Hạnh là gì?

Minh là trí tuệ Tam Minh; Hạnh là đức hạnh không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, hay nói cách khác Hạnh là

Giới luật. (Xem thêm nghĩa Minh Hạnh Túc trang 130).

Cho nên, người tu theo Phật giáo đầu tiên cần phải đạt được Đức Hạnh của Giới luật. Đức hạnh của giới luật đó là hạnh ly dục ly ác pháp. Hạnh ly dục ly ác pháp là hạnh bất động tâm. Hạnh bất động tâm là tâm định tĩnh, nhu nhuyễn, dễ sử dụng. Từ tâm này chúng ta mới có đủ năng lực nhập Bốn Thánh Định và thực hiện Tam Minh.

Như trên đã nói Hạnh tức là Giới luật rất quan trọng cho con đường tu tập theo Phật giáo. Phải không các bạn?

Không có Giới luật thì thiên định và Tam Minh không bao giờ có. Vì vậy, các bạn nên hiểu Hạnh là nền tảng đạo đức của Phật giáo, còn Minh là kết quả cuối cùng của con đường tu tập giải thoát của Phật giáo, nên đức Phật bảo: ***“Này các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo đạt đến cứu cánh của cứu cánh”***. Xin các bạn tu theo Phật giáo nên lưu ý điều này: Hạnh mà không sống đúng thì không làm sao có Minh. Người có Giới hạnh không thể nào tu tập lạc vào tà pháp ngoại đạo. Thấy ai sống không đúng giới hạnh là biết ngay là người ấy tu tập rơi vào tà pháp ngoại đạo.

Cho nên, Minh và Hạnh là thước đo sự tu tập của Tăng Ni và Cư sĩ, là tiêu chuẩn duyệt xét sự chứng quả của họ. Do đó, những người tu giả, tu thật chúng ta đều biết rất rõ. Biết rõ để làm gì các bạn? Nếu người thật tu, thật chứng thì chúng ta xin được thân cận; nếu người tu giả thì từ giả xa lánh.



BẠC HIỀN TRÍ

LỜI PHẬT DẠY

*“Nếu gặp bậc hiền trí
Chỉ lỗi và khiển trách
Như chỉ chỗ chôn vàng
Hãy kết thân người trí
Kết thân với vị ấy
Chỉ có lợi không hại”.*

*Kinh Pháp Cú
(VI- Panditavagga –Phẩm Hiền Trí)*

CHÚ GIẢI:

Thưa các bạn! Trong cuộc đời, gặp được những bậc Hiền Trí rất khó, bởi vì những bậc ấy dám nói thẳng, dám chỉ lỗi, dám khiển trách những chỗ sai lầm của cuộc đời cũng như trong Đạo, để cho mọi người biết mà cố gắng sửa sai. Sửa đời, sửa đạo. Đời và Đạo chưa bao giờ toàn thiện, toàn mỹ cả, chỉ nhờ vào bàn tay của con người uốn nắn sửa sai những lỗi

lầm thì mới có ngày được toàn thiện toàn mỹ. Việc làm này không phải một người mà phải nhiều người; nhiều người mà phải sống đoàn kết với nhau thì mới làm được; nhưng không phải làm nhanh chóng được mà phải nhiều năm tháng, trường kỳ sửa sai và uốn nắn những lỗi lầm của mình.

Bậc Hiền Trí chỉ lỗi và khiển trách chúng ta để chúng ta trở thành người tốt, người có đạo đức, thì công ơn ấy rất nặng. Phải không hỏi các bạn? Cũng giống như người chỉ chỗ chôn của báu, nhờ đó mà chúng ta trở thành giàu có. Do sự ích lợi này, nên đức Phật khuyên chúng ta:

“Nếu gặp bậc hiền trí

Chỉ lỗi và khiển trách

Như chỉ chỗ chôn vàng”.

Đúng vậy, lời chỉ thẳng, nói thẳng là lời vàng ngọc, nhưng người đời không mấy ai hiểu biết, như khi có người chỉ lỗi, khiển trách mình thì sanh tâm thù oán, ghét hận, tìm cách nói xấu và còn hãm hại họ. Có đúng vậy không các bạn?

Đúng vậy, khi chúng tôi vạch trần những cái sai trong các hệ phái của Phật giáo Đại

Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông và Nam Tông thì chúng tôi bị phản ứng ngay liền. Phản ứng rất mạnh. Họ không những không tiếc lời mạt sát, mạ lị chúng tôi, mà còn mượn kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông chống đối chúng tôi kịch liệt. Nhưng chúng tôi vẫn im lặng, vì biết họ đang mang nhiều kiến chấp sai lầm của Đại Thừa và Thiên Tông. Chúng tôi nghĩ rằng: cái gì đúng là đúng, cái gì sai là sai, không thể có ai bóp méo nó được. Hiện giờ họ nói gì cũng được, thời gian sẽ trả lời với họ. Chúng tôi không có thời gian để luận bàn, vì còn phải làm biết bao công việc để chấn chỉnh lại Phật giáo, làm cho Phật giáo có một giáo trình tu học từ lớp một đến lớp tám, mà thời gian tuổi đời chúng tôi còn quá ngắn, chúng tôi có thể kéo dài thêm tuổi thọ, nhưng sợ chúng sanh cứ mãi làm ác thì không đủ phước với chánh pháp của Phật mà họ chỉ luôn hướng về tà giáo của ngoại đạo Bà La Môn Đại Thừa. Nếu như thế, dù muốn dù không buộc lòng chúng tôi phải ra đi trước khi hoàn tất giáo trình.

Do bởi chúng tôi là những người hiểu thật rõ luật nhân quả hơn ai hết; luật nhân quả linh động thay đổi từng sát na. Chúng sanh có

sống thiện pháp thì mới đủ duyên với chánh pháp, còn ngược lại, sống trong ác pháp thì không đủ duyên, chánh pháp không ra đời. Ngày xưa, đức Phật cũng biết rõ luật nhân quả như thật, nhưng Ngài không thể bỏ chúng sanh vào Niết Bàn ngay khi vừa tu chúng. Ngày nay, chúng tôi cũng vậy, phải làm hết sức mình, vì lòng yêu thương không nỡ bỏ chúng sanh lăn lộn trong sóng gió ba đào của biển nhân quả. Chúng tôi biết rất rõ điều chúng tôi đang làm là một tiếng chuông cảnh tỉnh sự sống trên hành tinh này.

Thưa các bạn! Chúng tôi vạch ra những cái sai của Phật giáo là để chúng ta cùng nhau chung lưng đấu cật để chỉnh sửa lại cho Phật giáo được tốt đẹp hơn.

Từ lâu, các bạn như những người mù đi trong đêm tối; chúng tôi hiện giờ là những người cầm đuốc soi đường để cho các bạn đi. Các bạn có biết chăng?

Bộ sách Văn Hóa Phật giáo gồm: Đường Về Xứ Phật, Giới Đức Làm Người, Mười Giới Đức Thánh Sa Di, Những Lời Phật dạy, Đạo đức Làm Người, Giới Đức Thánh Tăng và Thánh Ni, v.v.. Đó không phải là những bó đuốc soi đường cho các bạn sao? Thế sao có

một số bạn không biết ơn lại còn nặng lời cho chúng tôi dẹp sạch Phật giáo, phỉ báng, mạ sát Thầy Tổ; trong khi đó các thầy Đại Thừa và Thiên Tông phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới tan nát, khiến cho Phật giáo suy đồi, lụn bại, thế mà các bạn không có một tiếng nói để chặn đứng những hành động diệt Phật giáo này.

Thưa các bạn! Phật giáo phát triển chạy theo cho hợp thời đại theo kiểu này (Đại Thừa), thì thử hỏi từ xưa cho đến nay, sự phát triển này đã mang lợi ích thiết thực gì cho con người hay chỉ đưa con người sống trong cảnh ảo tưởng, mơ hồ, trừu tượng, biến con người sống trong mê tín, lạc hậu, v.v.. tiền mất, tật mang, tổn hao công sức, làm việc nhầm nhứ, phi đạo đức. Các bạn có biết chăng?

Những vị Tổ, Sư, Thầy nào đã có ý đồ chủ mưu diệt Phật giáo bị chúng tôi vạch mặt chỉ tên để cho các bạn biết, thì có bạn lại có những lời lẽ cay độc và còn dùng luật nhân quả hù dọa chúng tôi: **“Đọa địa ngục, mang lông đội sừng”**. Chúng tôi đang cố gắng dựng lại những cái gì của Phật giáo đã bị chìm mất và ném bỏ những cái gì không phải của Phật giáo. Trong khi các bạn đang sắp chết chìm trong

dòng nước giáo pháp kiến giải, tướng giải của Bà La Môn, Đại Thừa, Thiên Tông, Mật Tông, Tịnh Độ Tông và cả Nam Tông nữa, chúng tôi đem lợi ích cho các bạn mà chỉ thấy toàn là những lời lẽ phi ơn, phi nghĩa. Như vậy có đúng không các bạn? Trái lại ở đây thì đức Phật khuyên:

“Hãy kết thân người trí

Kết thân với vị ấy

Chỉ có lợi không hại”.

Thưa các bạn! Các bạn nghĩ sao với những lời dạy này? Riêng chúng tôi, dám ăn, dám nói thì dám chịu về những lời nói của chúng tôi, miễn là chúng tôi làm sáng tỏ lại Phật giáo, làm cho Phật giáo tốt hơn, đem lại lợi ích an vui hạnh phúc cho cuộc sống của mọi người thì đó là niềm hân hoan, vui sướng của chúng tôi, chứ chúng tôi không màng danh, lợi và ơn nghĩa của các bạn, mong các bạn hiểu cho.



TÂM BẤT ĐỘNG

LỜI PHÁT DẠY

*“Như đá tảng kiên cố
Không gió nào lay động
Cũng vậy giữa khen chê
Người trí không dao động”.*

Kinh Pháp Cú

CHÚ GIẢI:

Người tu theo Đạo Phật, mục đích đạt được là phải giữ gìn tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Cho nên, trong kinh Pháp Cú dạy:

*“Như đá tảng kiên cố
Không gió nào lay động”.*

Đúng vậy, khi tu tập tâm kiên cố như tảng đá thì tám gió thổi không động (Bát phong xuy bất động). Muốn được tâm bất động như vậy thì phải biết pháp môn nào tu tập sẽ

được tâm bất động, còn ngược lại thì sẽ không đạt được.

Trong Phật giáo duy nhất chỉ có Giới luật là giúp cho hành giả tu tập tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Trong giới luật có những pháp môn tu tập để tâm được thanh tịnh gọi là giới hành. Giới hành còn có tên là Tứ Chánh Cần. Trong Tứ Chánh Cần gồm có bốn loại định:

- 1- Định Chánh Niệm Tỉnh Giác
- 2- Định Sáng Suốt
- 3- Định Niệm Hơi Thở
- 4- Định Vô Lậu.

Nếu một người tu hành thật kỹ bốn loại định này thì giới luật sống rất nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Giới luật thanh tịnh tức là tâm thanh tịnh; tâm thanh tịnh tức là tâm bất động như trong kinh Trường Bộ dạy: ***“Giới luật làm thanh tịnh trí tuệ, trí tuệ làm thanh tịnh giới luật”***.

Như chúng ta đã biết tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ là mục đích giải thoát của Phật giáo. Vì thế, trong kinh Pháp Cú cũng dạy: ***“Cũng vậy giữa khen chê. Người trí không dao động”***. Tâm không dao động là

mục đích tu hành của chúng ta, chúng ta đã hoàn tất con đường giải thoát.

Xem thế, chúng ta mới thấy Phật giáo lấy đạo đức nhân bản – nhân quả của con người làm hàng đầu tu tập trong các pháp.

Tóm lại, bốn câu kệ này nói rõ mục đích tu chứng của Phật giáo cần phải đạt cho bằng được. Mặc dù với bất cứ một giá nào, ta cũng phải giành phần chiến thắng về mình thì mới xứng đáng là đệ tử của đức Phật, mới đem lợi ích cho mình, cho người và nhất là làm sáng tỏ lại Phật giáo không bị những lớp giáo lý của các Tổ trù dập Đạo Phật từ lâu.

Bởi vì, chỉ cần có một người tu chứng quả A La Hán thì sẽ là một bằng chứng để chấn chỉnh lại Phật giáo. Nhưng ai tin người này?

Thưa các bạn! Nếu muốn cho mọi người tin thì phải thể hiện thần thông, nhưng thể hiện thần thông thì đức Phật không chấp nhận và cho đó là ngoại đạo dùng thần thông lừa đảo người. Vả lại, mục đích của Đạo Phật là chỗ tu chứng bất động tâm, chứ không phải thần thông. Vì thế, đem thần thông ra bảo chứng cho Phật giáo là không đúng.

Vì muốn hiểu biết điều này (chứng quả A La Hán) nên vua Ba Tư Nặc hỏi đức Phật:

- *Bạch Thế Tôn! Những vị khát sĩ đi ngang qua đây muốn biết vị nào chứng quả A La Hán thì phải làm sao?*

Đức Phật trả lời:

- *Nên ở gần bên họ từ một ngày đến bảy ngày, từ một tháng đến bảy tháng thì sẽ rõ.*

Như vậy, lời dạy này các bạn có hiểu ý của đức Phật không? Đó là đức Phật dạy các bạn muốn biết người nào chứng quả A La Hán thì nên quan sát họ trước mặt cũng như sau lưng có sống đúng những Đức Thánh giới hạnh không? Nếu sống đúng là chứng quả A La Hán mà sống không đúng thì chưa chứng quả, còn đang hướng đến quả A La Hán. Chỗ giới đức thanh tịnh, đó chính là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ. Người nào tâm bất động thì đó là một vị Thánh đệ tử của Phật.

Cho nên, bài kệ trên đây xác định mục đích tu chứng của Phật giáo rất đơn giản, tu tập không có gì khó khăn mệt nhọc, chỉ cần biết các pháp đều do qui luật nhân quả tác dụng, chứ chẳng có gì là chân thật cả, cho nên khen chê đều cũng như nhau chẳng có gì mừng

vui, chẳng có gì buồn rầu. Phật giáo chỉ có bấy nhiêu đó thôi. Phải không các bạn?

***“Như đá tảng kiên cố
Không gió nào lay động
Cũng vậy giữa khen chê
Người trí không dao động”.***



NIẾT BÀN

LỜI PHÁT DẠY

*“Hãy cầu vui Niết Bàn
Bỏ dục không nhiễm ứ
Kẻ trí tự rửa sạch
Mọi cấu ứ nội tâm”.*

Pháp Cú Kinh

CHÚ GIẢI:

Tất cả các pháp trên thế gian đều vô thường, mà pháp vô thường là pháp khổ. Pháp khổ từ dục sinh ra. Dục là ứ nhiễm, bất tịnh. Do đó, chúng ta cần phải bỏ tất cả dục; dục hết là tâm bất động; dục hết là hết khổ, là tâm an vui.

Trên thế gian không có pháp nào mang đến cho chúng ta chân hạnh phúc trọn vẹn, chỉ vì điên đảo mà chúng ta chạy theo các pháp vô thường tìm hạnh phúc trong đó, cũng giống như chúng ta tìm lông rùa, sừng thỏ, có nghĩa

là tìm hạnh phúc trong các pháp vô thường thì không bao giờ có được.

Vì thế, đức Phật dạy: **“*Hãy cầu vui Niết Bàn*”**. Vậy Niết Bàn là cảnh giới gì đây? Sao đức Phật lại bảo chúng ta hãy cầu vui Niết Bàn?

Thưa các bạn! Niết Bàn không phải là một cảnh giới, cũng không phải là một thế giới siêu hình, cũng không phải cõi Thiên Đàng, Cực Lạc hay bất cứ một cõi Trời nào, cũng không phải bản thể vũ trụ, Phật tánh.

Niết Bàn là một trạng thái tâm hết tham, sân, si. Cho nên, trong bốn chân lý của Đạo Phật gọi nó là **“*Diệt Đế*”**. Diệt Đế là một trạng thái tâm không còn dục, không còn ác pháp; tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ; tâm thanh thản an, lạc và vô sự. Trong tâm bất động như vậy, nó có một niềm vui an lạc mà không có dục.

Vì nó mang cho mọi người một chân hạnh phúc như vậy nên đức Phật dạy: **“*Hãy cầu vui Niết Bàn*”**. Nhưng muốn cầu vui Niết Bàn thì phải làm sao?

Thưa các bạn! Muốn cầu vui Niết Bàn thì đây là một con đường mà mọi người đều phải

bước đi bằng trí óc và đôi chân của mình, chứ không có người nào đi thay cho mình được. Đó là con đường Bát Chánh Đạo. Con đường Bát Chánh Đạo chia ra làm ba cấp tu tập:

- Cấp I thuộc về Giới Luật.
- Cấp II thuộc về Thiên Định.
- Cấp III thuộc về Trí Tuệ.

Mỗi cấp đều có pháp học và pháp hành. Sau khi học và hành đúng, có nghĩa là phải trải qua ba cấp và tám lớp học, thì tâm người ấy mới vô lậu hoàn toàn, chứng quả A La Hán. Sự tu học của Phật giáo cũng giống như chương trình học thức ngoài đời gồm có ba cấp:

- 1- Tiểu học
- 2- Trung học
- 3- Đại học

Mỗi cấp đều có nhiều lớp học, cuối năm học mỗi lớp đều có thi chuyển lớp. Cuối mỗi cấp đều có thi chuyển cấp hay thi tốt nghiệp của cấp đó. Ví như: Tiểu học có bằng Tiểu học; Trung học có bằng Trung học; Đại học có bằng Đại học. Trong các cấp tu hành của Phật giáo cũng vậy:

- **Cấp I Giới Luật.** Khi học hết cấp này

trọn vẹn thì được **“cấp bằng”** Nhập Lưu (Tu Đà Hoàn), còn chưa học hết cấp thì tùy ở sự hiểu biết, tu tập và giữ gìn giới luật được nhiều hay ít, ít thì Hương Lưu; nhiều thì Dự Lưu.

- **Cấp II Tứ Thánh Định.** Tu học hết cấp này trọn vẹn thì mới được **“cấp bằng”** Bất Lai, còn chưa trọn vẹn thì chỉ có **“chứng chỉ”** Thất Lai (Tư Đà Hàm) cao hơn một chút nữa thì có **“chứng chỉ”** Nhất Lai (A Na Hàm).

- **Cấp III Trí Tuệ Tam Minh.** Tu học hết cấp này thì tâm vô lậu hoàn toàn được **“cấp bằng”** Niết Bàn (A La Hán).

“Cấp bằng” cao nhất trong Đạo Phật là Niết Bàn. Vì thế, đức Phật dạy: **“Hãy cầu vui Niết Bàn”**. Xem thế, chúng ta thấy rất rõ con đường tu theo Phật giáo, tu tới đâu có kết quả tới đó. Kết quả là sự giải thoát đúng như thật trong đời sống hằng ngày của chúng ta. Tu ít kết quả ít, tu nhiều kết quả nhiều, nhưng phải tu tập đúng pháp, đúng cách, cũng giống như chương trình học ngoài đời vậy, học tới đâu biết tới đó, học ít biết ít, học nhiều biết nhiều.

Muốn đạt được Niết Bàn theo như lời Phật dạy:

“Bỏ dục không nhiễm uế”

Kẻ trí tự rửa sạch

Mọi cấu uế nội tâm”

Thưa các bạn! Đọc ba câu kệ trên đây, chúng ta xét thấy pháp môn tu hành của Đạo Phật rất đơn giản và cũng không khó hiểu. Phải không các bạn? Nhưng làm được việc này là một kỳ công. Vậy bỏ dục không nhiễm uế phải làm sao?

Muốn bỏ dục không nhiễm uế, hay tự rửa sạch mọi cấu uế nội tâm thì các bạn cần phải tu tập Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ và Thân Hành Niệm, tức là hằng ngày phải ngăn ác diệt ác pháp, ly dục ly bất thiện pháp. Đó là những phương pháp rửa sạch mọi cấu uế ở nội tâm. Tuy lời nói trong kinh Pháp Cú đơn giản nhưng tu hành phải tận lực, nếu không tận lực tu tập thì khó đạt được kết quả như ý mong ước.

Điều mà các bạn cần nên lưu ý: đó là tu tập Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Thân Hành Niệm, các bạn không thiện xảo là bị ức chế tâm. Và ức chế tâm là các bạn không xả tâm. Không xả tâm thì dục không bao giờ hết. Cho nên phải lưu ý và quan tâm khi hành pháp.



KHI NÀO NGỒI KIẾT GIÀ TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

“Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này, thành tựu Thánh hộ trì các căn này, thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này.

Lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đồng rơm.

Sau khi ăn xong và đi khất thực trở về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt.

Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham.

Vị ấy từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, gột rửa tâm hết sân hận.

Vị ấy từ bỏ hôn trầm thù miên, sống thoát ly hôn trầm thù miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gột rửa tâm hết hôn trầm thù miên.

Vị ấy từ bỏ trạo cử, hối quá, sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gột rửa tâm hết trạo cử, hối quá.

Vị ấy từ bỏ nghi ngờ, sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân, lưỡng lự, gột rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp”.

(Kinh Trung Bộ, tập 2, trang 24)

CHÚ GIẢI:

Đọc hết đoạn kinh này, chúng ta thấy sự tu tập được chia ra làm hai giai đoạn. Giai đoạn tu thứ nhất, chia làm ba pháp tu tập:

- 1- Thánh giới uẩn*
- 2- Thánh hộ trì các căn*
- 3- Thánh chánh niệm tỉnh giác*

Trong ba pháp này tu tập như thế nào? Trước tiên, chúng ta phải tu tập Thánh giới uẩn. Vậy Thánh giới uẩn là gì?

Thánh giới uẩn là giới luật. Vì phải tu tập Thánh giới uẩn, do đó đức Phật khuyên bảo: **“Phải hành trì học giới và hạnh sống các vị Tỳ Kheo”**. Ở lời dạy này chúng ta nên lưu ý: **“Hành trì học giới và hạnh sống”**. Hành trì học giới nghĩa là gì? Là một hành giả tu theo Phật giáo thì phải thông hiểu giới luật. Muốn thông hiểu giới luật thì phải học giới luật. Đây là bài kinh giới xin các bạn nên học cho thuộc để biết hành trì cho đúng. Trong mỗi giới luật đều chia làm bốn phần:

1- Giới cấm

2- Giới hạnh

3- Giới đức

4- Giới hành

❖ **Giới cấm nghĩa là gì?** Giới cấm là một điều luật bắt buộc mỗi tín đồ không được vi phạm, nếu ai vi phạm thì không được chấp nhận là tín đồ Phật giáo nữa. Giới cấm giống như pháp luật trong một nước, mà mỗi công dân trong nước đó phải chấp hành, tuân thủ,

không được vi phạm, nếu ai vi phạm thì sẽ bị toà án kết tội, nặng nhẹ tùy theo bộ luật đã qui định.

❖ **Giới hạnh là gì?** Giới hạnh là những hành động không vi phạm giới luật, là những hành động cao quý không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh, là những hành động ôn tồn nhã nhặn, khiêm hạ, từ tốn, dịu dàng, an ủi, xoa dịu những vết thương của mọi người và tất cả chúng sanh, là những hành động không làm trái với lương tâm của mình, v.v..

❖ **Giới đức là gì?** Giới đức là đức từ, đức bi, đức hỷ, đức xả, đức nhẫn nhục, đức tùy thuận, đức bằng lòng, đức hiếu sinh, đức buông xả, đức ly tham, đức ly dục, v.v..

Trong bài kinh giới này gồm có nhiều giới cấm:

- Giới thứ nhất: Cấm sát sanh có nghĩa là không được giết hại chúng sanh, từ con người cho đến những loài vật nhỏ bé, nói chung là không được giết hại con vật nào cả. Giết hại một con vật chết thì không thể nào tránh khỏi quả báo bị giết hại trở lại. Ví dụ: một người ăn thịt chúng sanh, bị ghép vào hai tội. Tội thứ

nhất là tội giết mạng sống; tội thứ hai là tội chiếm hữu mạng sống. Căn cứ theo luật nhân quả thì người ăn thịt chúng sanh sẽ bị giết hại và bị ăn thịt trở lại.

Nếu liệt kê tất cả các giới ra đây thì trở thành bộ kinh giới, nên xin các bạn vui lòng nghiên cứu Mười Giới Đức Thánh Sa Di, Một Trăm Hai Mươi Giới Đức Thánh Tăng, Ni thì sẽ rõ, còn ở đây chúng tôi chỉ nêu lên một số giới tượng trưng để sau này các bạn nghiên cứu bộ giới mới hiểu biết đầy đủ hơn.

- 1- Không tham lam trộm cắp.
- 2- Không dâm dục.
- 3- Không nói láo.
- 4- Không nói hai chiều.
- 5- Không nói lời hung ác.
- 6- Không nói lời phù phiếm.
- 7- Không làm hại hạt giống.
- 8- Không làm hại cây cỏ.
- 9- Ăn ngày một bữa.
- 10- Không ăn uống phi thời.
- 11- Không ăn ban đêm.
- 12- Không đi xem múa hát.

- 13- Không trang sức vòng hoa hương liệu.
- 14- Không nằm giường cao rộng lớn.
- 15- Không nhận vàng bạc tiền của cải.
- 16- Không nhận các hạt giống.
- 17- Không nhận thịt.
- 18- Không nhận đàn bà con gái.
- 19- Không nhận nô tỳ trai hay gái.
- 20- Không nhận cừu dê.
- 21- Không nhận gia cầm, heo.
- 22- Không nhận bò voi ngựa.
- 23- Không nhận ruộng vườn đất đai.
- 24- Không làm môi giới.
- 25- Không buôn bán.
- 26- Không gian lận bằng cân đo, tiền bạc.
- 27- Không ăn hối lộ.
- 28- Không làm tổn thương cho chúng sanh.
- 29- Ít muốn, biết đủ.

❖ **Giới hành là gì?** Giới hành là những pháp môn thực hành để tâm ly dục ly ác pháp, để sống không làm khổ mình khổ người và khổ

cả hai, để tâm thanh thản an lạc và vô sự, để tâm không phóng dật, để tâm vô lậu, để tâm có đủ Tứ Như Ý Túc, để tâm có đủ Tam Minh.

Các giới hành gồm có: Tứ Bất Hoại Tịnh, Tứ Vô Lượng Tâm, Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, Thất Giác Chi, Ngũ Căn, Ngũ Lực. Như vậy tất cả pháp trên đây được gọi là 37 phẩm trợ đạo.

Trên đây là Thánh giới uẩn, một người tu hành để tìm cầu sự giải thoát mà không thành tựu Thánh giới uẩn này thì con đường giải thoát không bao giờ tìm thấy được. Cho nên, đức Phật dạy: **“Vị ấy thành tựu Thánh giới uẩn này”**. Thành tựu Thánh giới uẩn là thành tựu phần một trong giai đoạn tu tập thứ nhất mà người tu sĩ cần phải nhiếp phục tâm mình và giữ gìn trọn vẹn những Thánh giới này.

Về phần thứ hai trong giai đoạn một là phần Thánh hộ trì các căn mà các bạn đã được học và tu tập trong tập II và tập III Những Lời Gốc Phật Dạy. Vậy phần này chúng tôi không cần giảng dạy trở lại. Nhưng các bạn phải nhớ lời dạy của Phật: **“Thành tựu Thánh hộ trì các căn này”**. Muốn tu tập làm chủ sanh tử luân hồi mà không thành tựu Thánh hộ trì các

căn này thì chẳng bao giờ nếm được mùi vị giải thoát.

Khi đã thành tựu được phần thứ hai thì tiếp tục tu tập phần thứ ba trong giai đoạn một. Phần thứ ba này không kém phần quan trọng như hai phần trên. Nếu không tập chánh niệm tỉnh giác thì sức tỉnh thức không có. Sức tỉnh thức không có thì si mê sẽ hiện rõ qua những trạng thái thùy miên, hôn trầm, hôn tịch, vô ký, ngoan không, v.v.. Bởi vậy người tu sĩ phải tu tập nhiều về Chánh niệm tỉnh giác, như đức Phật đã dạy: ***“Thành tựu Thánh chánh niệm tỉnh giác này”***. Chỉ khi nào thành tựu Chánh niệm tỉnh giác tức là chúng ta không còn ngủ nghỉ phi thời, không còn hôn trầm thùy miên tấn công thì chúng ta mới tu tập xong giai đoạn một. Tu tập như vậy mới có căn bản, mới có kết quả hiện thực tốt đẹp, mới có niềm tin sâu về Phật pháp, mới thấy Phật pháp không dối người.

Tu tập xong giai đoạn thứ nhất, chúng ta mới bắt đầu tu tập giai đoạn hai. Bước qua tu tập ở giai đoạn hai, trước tiên chúng ta nên tìm một nơi cho xứng hợp với pháp môn tu tập trong giai đoạn này. Nơi xứng hợp để tu tập ở giai đoạn hai là nơi như thế nào, chúng ta hãy

nghe đức Phật dạy: **“Lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đống rơm, v.v..”**. Như vậy, rõ ràng Phật dạy chúng ta tìm nơi vắng vẻ yên tĩnh để tu tập giai đoạn hai mới có kết quả. Vậy nơi chốn chúng ta đã tìm được rồi thì đây là thuận duyên còn nếu nghịch duyên thì chúng ta phải làm sao?

Thưa các bạn! Nếu chưa có nơi thanh tịnh vắng lặng để tu tập ở giai đoạn hai thì chúng ta nên tu tập trở lại ở giai đoạn một cho thấm nhuần giới luật, đức hạnh hiện bày, cho phòng hộ sáu căn miên mật hơn và cho chánh niệm tỉnh giác cao hơn nữa.

Nếu vị trí thanh tịnh để tu tập chưa có mà vội vàng tu thì tu cũng chẳng có kết quả gì. Vì thế đức Phật dạy: **“Lựa một trú xứ thanh vắng, như khu rừng, gốc cây, khe núi, hang đá, bãi tha ma, lùm cây ngoài trời, đống rơm, v.v..”**. Đó là nơi lý tưởng tu tập ở giai đoạn hai. Là một tu sĩ đệ tử của đức Phật, khi đức Phật dạy như vậy thì chúng ta hãy tin tưởng và làm theo cho đúng lời dạy này.

Đọc đoạn kinh trên chúng ta quan sát thấy rất rõ đức Phật dạy tu tập từng giai đoạn một, giai đoạn này tu xong mới tu tập đến giai đoạn khác.

Sau khi tìm được vị trí thanh vắng, yên tĩnh, nhưng chúng ta cũng chưa vội tu, mà hãy theo lời đức Phật dạy là phải xin cơm ăn cho no bụng. Khi ăn xong rồi mới vào vị trí thanh vắng đó, bắt đầu tu tập. Còn nếu chưa ăn cơm xong mà vội tu tập thì bụng đói sẽ khó tu tập. Vì thế, đức Phật dạy: **“Sau khi ăn xong và đi khát thực trở về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt”**, nghĩa là đi khát thực rồi đến một nơi nào đó ăn cơm. Sau khi ăn cơm xong ta nên nghỉ ngơi một chút cho tiêu hóa cơm và thực phẩm, khoảng độ 30 phút hoặc một giờ thì chúng ta mới đến vị trí thanh vắng để tu tập.

Bài pháp này đức Phật dạy chúng ta tu tập rất rõ ràng từng chi tiết. Bắt đầu khởi sự tu tập thì phải thực hiện cho bằng được **“Thánh giới uẩn”**. Khi giới luật được nghiêm trì, không còn vi phạm thì tiếp tục tu tập **“Hộ trì các căn”**. Khi hộ trì các căn nghiêm chỉnh, các căn không còn dính mắc các trần thì tiếp

tục tu tập cho bằng được **“Chánh Niệm Tĩnh Giác”** để phá sạch hôn trầm, thù miên, vô ký. Xin các bạn lưu ý ba pháp trên đây và tu tập cho đúng bài bản thì kết quả giải thoát không thể lường được. Đó là một nền tảng tu tập vững chắc bảo đảm sự giải thoát sẽ đến với các bạn ngay liền, ở trong tầm tay các bạn. Trong sự tu tập các bạn nên nhớ là phải thiện xảo, linh động uyển chuyển khéo léo thay đổi pháp theo từng tâm niệm của mình. Cố định pháp, cố định giờ giấc thành ra tu tập ức chế. Đạo Phật dạy chúng ta chế ngự thân tâm, chứ không phải ức chế thân tâm. Chế ngự thân tâm chắc các bạn rõ chứ!

Sau khi thành tựu những pháp này rồi, mới bắt đầu tìm nơi thanh vắng yên tịnh tức là nhập thất tu hành ở giai đoạn thứ hai. Ở giai đoạn thứ hai **“Sau khi ăn xong và đi khất thực trở về, vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên, và an trú chánh niệm trước mặt”**. Ở giai đoạn này có ba việc cần làm:

1/ Ăn cơm xong tức là giờ trưa (giờ ngộ), khoảng 12 giờ và nghỉ trưa 30 phút, tắm giặt 30 phút nữa tức là 1 giờ. Đúng 1 giờ bắt đầu tu tập. Vậy vào giờ này tu tập cái gì? Theo như

lời Phật dạy: **“Vị ấy ngồi kiết già, lưng thẳng tại chỗ nói trên”** nghĩa là chúng ta phải tập luyện ngồi tẻo chân kiết già và giữ lưng thẳng cho được, tại nơi thanh vắng yên tịnh đã chọn trước.

Thưa các bạn! Đây là giai đoạn thứ hai của sự tu tập, các bạn nên nhớ kỹ: thứ nhất là tập ngồi kiết già, lưng thẳng. Đó cũng là một phương pháp tu tập để giữ gìn thân bất động trong tư thế tĩnh thức. Ở giai đoạn tu tập này, các bạn nên khép chặt thân bạn trong tư thế ngồi kiết già thì mới dễ nhiếp tâm an trú trong chánh niệm tĩnh giác. Nếu các bạn quá dễ dãi không khép chặt thân trong tư thế ngồi kiết già này thì các bạn khó mà an trú tâm.

Cần phải tập ngồi vững vàng từ 5 phút đến 30 phút. Trong khi vừa tập ngồi kiết già vừa nhiếp tâm an trú chánh niệm trước mặt mình, như đức Phật đã dạy: **“Và an trú chánh niệm trước mặt”**. Như vậy, chánh niệm trước mặt là niệm gì? Có phải là niệm hơi thở vô, hơi thở ra không?

Thưa các bạn! Không phải niệm hơi thở vô, hơi thở ra mà là niệm từ bỏ tâm dục tham ở đời, sống thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết

dục tham các bạn ạ! Các bạn có tin lời chúng tôi nói này không? Nếu không tin thì các bạn hãy nghe đức Phật dạy: ***“Vị ấy từ bỏ dục tham ở đời, sống với tâm thoát ly dục tham, gột rửa tâm hết dục tham”***. Như vậy rõ ràng đức Phật dạy chúng ta đặt chánh niệm tỉnh thức là niệm từ bỏ, thoát ly, gột rửa dục tham. Niệm tu tập như vậy không giống như kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông chút nào. Phải không các bạn?

Các bạn nên lưu ý ở chỗ chánh niệm đặt trước mặt mà đức Phật đã dạy đó là ***“niệm từ bỏ dục tham, niệm thoát ly dục tham, niệm gột rửa hết dục tham”***. Ba niệm này là ba pháp được đặt trước mặt bạn quán xét để bạn từ bỏ, thoát ly và gột rửa tâm dục tham của bạn. Khi tâm tham dục hết là bạn được giải thoát.

Con đường tu hành theo Phật giáo thật là đơn giản chỉ có tìm chỗ thanh vắng, ngồi kiết già, lưng thẳng, an trú chánh niệm từ bỏ, chánh niệm thoát ly và chánh niệm gột rửa tâm dục tham của bạn. Chỉ có bấy nhiêu đấy thôi mà quý bạn sẽ thấy một cuộc đời giải thoát, một bầu trời an lạc hạnh phúc tuyệt vời

mà người thế tục không thể nào ngờ được, không thể nào hưởng được.

Ôi! Được sinh làm người là khó, gặp được chánh Phật pháp còn khó hơn. Thế mà được làm người, được gặp chánh Phật pháp, chúng ta lại không tu tập thì quá uổng phí một đời người. Phải không hở các bạn? Chúng tôi phải thành thật tiếc thay cho các bạn đấy!!! Các bạn có biết không? Chúng tôi cũng từ pháp này tu tập sáu tháng làm chủ sinh, già, bệnh, chết.

Khi các bạn tu tập đã từ bỏ, thoát ly và gọt rửa tâm dục tham của bạn xong thì các bạn lại tiếp tục đặt những niệm khác như: từ bỏ tâm sân hận, sống với tâm không sân hận, gọt rửa tâm hết sân hận và luôn luôn khởi lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh loài hữu tình. Có tu tập như vậy mới đúng theo lời đức Phật đã dạy: ***“Vị ấy từ bỏ sân hận, vị ấy sống với tâm không sân hận, vị ấy sống lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh hữu tình, vị ấy, gọt rửa tâm hết sân hận”***.

Khi các bạn tu tập từ bỏ tâm sân hận, sống với tâm không sân hận, gọt rửa tâm hết sân hận và sống với lòng từ mẫn thương xót tất cả chúng sanh loài hữu tình xong thì các

bạn lại tiếp tục tu tập quét sạch hôn trầm thù miên, theo như lời đức Phật đã dạy: **“Vị ấy từ bỏ hôn trầm thù miên, sống thoát ly hôn trầm thù miên, với tâm tưởng hướng về ánh sáng chánh niệm tỉnh giác, gạt rửa tâm hết hôn trầm thù miên”**. Các bạn cứ theo lời dạy này mà đặt niệm hôn trầm thù miên trước mặt mà tác ý tu tập thì sẽ không còn thù miên và hôn trầm nữa.

Tất cả các bạn về tu viện Chơn Như tu tập, hầu hết các bạn đều bị hôn trầm thù miên tấn công dữ dội, cuối cùng các bạn đều là những người lính chiến bại ở mặt trận này. Các bạn có biết tại sao các bạn thất trận không? Các bạn thất trận là vì các bạn không theo lời Phật dạy tu tập đúng cách xả tâm.

Khi tu tập phá dẹp hôn trầm thù miên đã không còn nữa thì các bạn tiếp tục tu tập từ bỏ trạo cử, hối quá theo như lời đức Phật đã dạy: **“Vị ấy từ bỏ trạo cử, hối quá, sống không trạo cử, nội tâm trầm lặng, gạt rửa tâm hết trạo cử, hối quá”**. Cứ theo lời dạy này mà đặt niệm trạo cử, hối quá dùng pháp như lý tác ý mà quét cho sạch trạo cử hối quá.

Khi tu tập phá dẹp tạp cử, hối quá đã không còn nữa thì các bạn tiếp tục tu tập từ bỏ nghi ngờ theo như lời đức Phật đã dạy: ***“Vị áy từ bỏ nghi ngờ, sống thoát khỏi nghi ngờ, không phân vân, lưỡng lự, gọt rửa tâm hết nghi ngờ đối với thiện pháp”***.

Trên đây là phương pháp tu tập để dẹp sạch và đoạn dứt năm triền cái. Khi dứt sạch năm triền cái thì các bạn đã chứng đạo quả giải thoát không còn nghi ngờ gì nữa. Các bạn hãy nên theo thứ lớp tuần tự các pháp trên đây mà tu tập cho kỹ lưỡng, đừng tu tập vội vàng; không tu tập thì thôi mà đã tu tập thì phải tu tập cho có chất lượng, cho có căn bản, chứ đừng tu tập lấy có, vừa uống công sức vừa phí uống cuộc đời; mang tiếng đi tu mà chẳng làm chủ sanh, già, bệnh, chết và không chấm dứt tái sanh luân hồi thì rất nhục nhã, cũng giống như các thầy Đại Thừa và Thiên Tông vậy.



BẢY ĐIỀU PHÁP

LỜI PHẬT DẠY

I - Vị Thánh đệ tử có lòng tin, có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai: Ngài là bậc 1- A La Hán; 2- Chánh Đẳng Giác; 3- Minh Hạnh Túc; 4- Thiện Thệ; 5- Thế gian Giải; 6- Vô Thượng sĩ; 7- Điều Ngự Trượng Phu; 8- Thiên Nhân Sư; 9- Phật; 10- Thế Tôn.

II - Vị này có lòng tà, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp.

III - Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp.

IV- Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn nói lên phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe

nhieu, thọ trì đọc tụng bằng lời được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập.

V- Vị ấy sống tinh cần tinh tấn, trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.

VI- Vị ấy có niệm, thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu.

VII- Vị ấy có trí tuệ, thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau.

Này Mahanama, như vậy vị Thánh đệ tử thành tựu bảy vi diệu pháp.

(Trung Bộ Kinh, tập 2, trang 44)

CHÚ GIẢI:

Bước vào Đạo Phật lòng tin là pháp môn đầu tiên để chúng ta dùng nó mà xung trận đánh dẹp giặc sinh tử luân hồi. Nếu thiếu lòng tin tức là các bạn không có tinh thần chiến đấu.

Trong đoạn kinh này chúng ta còn thấy thiếu hai danh hiệu của Phật nữa là: Như Lai

và Ứng cúng. Như vậy, đức Phật có 12 danh hiệu, mỗi danh hiệu nói lên được đức hạnh và trí hạnh của Phật. Vì thế, lòng tin của chúng ta là tin nơi đức hạnh và trí hạnh của một bậc tu chứng, chứ không phải tin nơi thần thông pháp thuật hay ngòi thiền nhập định giỏi.

Chúng ta nên đọc trở lại 12 danh hiệu đức hạnh và trí hạnh của Ngài để hiểu rõ ý nghĩa đạo đức của Phật giáo thật là cao thượng và tuyệt vời, nhưng vẫn ở trong tầm tay của mọi người, ai cũng có thể sống được đức hạnh này, chỉ cần có sự quyết tâm: ***“Vị Thánh đệ tử có lòng tin ở sự giác ngộ của Như Lai, Ngài là bậc: 1- Như Lai; 2- Ứng cúng; 3- A La Hán; 4- Chánh Đẳng Giác; 5- Minh Hạnh Túc; 6- Thiện Thệ; 7- Thế gian Giải; 8- Vô Thượng sĩ; 9- Điều Ngự Trượng Phu; 10- Thiên Nhân Sư; 11- Phật; 12- Thế Tôn”***.

Đạo Phật dạy chúng ta tin vào một sự có thật, đó là đức hạnh. Đức hạnh là hành động sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh hàng ngày của mỗi con người.

Chúng tôi đã giải thích nghĩa lý đức hạnh của mỗi danh hiệu trong 12 danh hiệu này để

các bạn thông suốt mà đặt trọn vẹn lòng tin với nền đạo đức nhân quả - nhân bản của Đạo Phật một cách sâu xa và không bị thối chuyển lòng tin ấy.

Sau khi có được lòng tin thì chúng ta tập tu pháp thứ hai. Pháp thứ hai đó là phải tu tập tính xấu hổ. Một con người không biết xấu hổ là một con thú vật các bạn ạ! Các bạn có thấy điều này không? Bởi vì làm người mà không tu tập xấu hổ thì sẽ lùi lại làm con thú vật. Nhờ có tính xấu hổ mà con người càng ngày càng tiến hóa, tiến hoá trên mọi mặt. Xấu hổ có nhiều cách:

- 1/ Nghèo thua kém người khác là xấu hổ.
- 2/ Làm ăn thua người khác là xấu hổ.
- 3/ Học hành không bằng bè bạn là xấu hổ.

Những người biết xấu hổ là những con người biết vươn lên, biết làm cho tốt hơn, biết cố gắng học tập cho giỏi hơn, biết tự sửa mình làm cho có đạo đức hơn. Cho nên, tính xấu hổ là một đạo đức cao đẹp giúp con người vượt ra khỏi loài thú vật. Ở đây, đức Phật lấy pháp xấu hổ làm pháp tu tập sửa mình để thăng hoa đạo đức làm người. Cho nên, Ngài dạy: **“Vi**

này có lòng tàn, tự xấu hổ vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự xấu hổ vì thành tựu ác, bất thiện pháp”.

Bài pháp thứ hai này, đức Phật dạy chúng ta nên tự xấu hổ với những hành động ác, tức là hành động của thân làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

Ví dụ 1: khi chúng ta lấy tay, chân hay gậy, đá đánh người hoặc chó, gà, heo, dê, lừa, ngựa, bò, trâu, v.v.. làm cho chúng đau khổ hay đến chết thì chúng ta nên tự xấu hổ vì những hành động độc ác đó. Hành động ác đó không phải là hành động của một con người thật người, hành động như vậy là hành động của một con thú vật. Ta là con người thì ta phải xấu hổ với những hành động không xứng đáng là con người. Con người là con người thì còn không làm khổ thú vật, huống là làm khổ con người. Phải không các bạn? Cho nên đức Phật dạy: ***“Tự xấu hổ vì thân ác hạnh”***. Xấu hổ vì hạnh ác của thân.

Người biết xấu hổ với hành động ác là người biết chừa bỏ, không hề tái phạm lại những hành động ác đó nữa. Người ấy sẽ trở thành người tốt, người ra khỏi ác pháp. Người ra khỏi ác pháp là người giải thoát mọi khổ

đau. Người giải thoát mọi khổ đau là người làm chủ nhân quả hay nói cách khác là người không làm khổ mình, khổ người và tất cả chúng sanh.

Cho nên, pháp môn tu tập xấu hổ trong mọi hành động thân ác hạnh là để ngăn và diệt ác pháp một cách tuyệt vời. Khi chúng ta biết xấu hổ với thân ác hạnh của mình thì chúng ta cũng biết xấu hổ với khẩu ác hạnh của mình. Vậy khẩu ác hạnh là gì?

Khẩu ác hạnh là lời nói ác, lời nói hung dữ; khẩu ác hạnh còn có nghĩa là ăn, uống, hút, chích vào thân những thực phẩm độc ác như tiết canh, óc khỉ, rượu, thuốc lá, thuốc lào, thuốc phiện, xì ke, ma túy, v.v.. Cho nên, khẩu ác hạnh có hai phần:

- Phần I: ***“Khẩu ác hạnh về lời nói”***.
- Phần II: ***“Khẩu ác hạnh về ăn, uống, hút, chích”***.

I- Khẩu ác hạnh về lời nói có tám:

1. Lời nói dối
2. Lời nói hung dữ
3. Lời nói xấu người
4. Lời nói vu khống người

5. Lời nói thêm bớt, lời nói thêu dệt
6. Lời nói lật lọng
7. Lời nói mỉa mai
8. Lời nói móc họng

II- Khẩu ác hạnh về ăn uống có bốn:

- 1- Ăn thịt chúng sanh
- 2- Ăn những chất độc vào thân
- 3- Uống rượu, uống máu tươi
- 4- Hút thuốc lá, thuốc Lào, thuốc phiện

Ví dụ 2: Hằng ngày các bạn đều ăn thịt chúng sanh thì các bạn phải khởi tâm tự xấu hổ và tư duy rằng: Mình là con người; con người là một con vật thông minh nhất trong các loài vật. Vậy cơ sao ta lại hung ác nỡ tâm ăn thịt chúng sanh khi mọi loài vật đều muốn sống, sợ chết, sợ đau khổ như nhau. Thế sao ta lại ỷ mạnh, thông minh lại bắt giết chúng ăn thịt. Thật là vô đạo đức. Trên đời này một người vô đạo đức là một con thú vật, chứ không phải là con người nữa.

Người biết xấu hổ là người biết dừng những hành động ác. Phải không hỡi các bạn? Người không biết xấu hổ với khẩu ác hạnh của mình là người càng làm ác hơn. Càng làm ác

thì tội khổ càng nhiều hơn. Cho nên, xấu hổ là pháp môn ngăn ác và diệt ác pháp tuyệt vời. Vậy các bạn hãy nên tu tập tính biết xấu hổ từng hành động, việc làm của các bạn thì các bạn sẽ tìm thấy được chân hạnh phúc.

Ăn những chất độc vào thân, uống rượu, hút thuốc lá, thuốc lào, thuốc phiện, v.v.. Những hành động ăn, uống, hút này tự làm khổ thân mình mà không biết. Nhưng khi đã biết đó là khẩu ác hạnh thì phải tự biết xấu hổ, nếu không biết xấu hổ là không phải con người. Người biết xấu hổ mới chính là con người như trên đã nói. Có phải vậy không các bạn?

Pháp môn thứ ba là phải tu tập tính sợ hãi tội lỗi do thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh của mình. Chính ba hành động ác này mang đến cho chúng ta một đời sống khổ đau và đầy phiền não. Vì có sợ hãi những lỗi nhỏ nhặt do thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh thì chúng ta mới ngăn chặn và diệt chúng. Vì thế, chúng ta sẽ không phạm vào những lỗi lầm lớn. Xét thấy tính sợ hãi các lỗi lầm nhỏ nhặt là một điều lợi ích rất lớn cho cuộc sống của mỗi người. Nó có tầm quan trọng như vậy, nên đức Phật dạy pháp thứ ba cần

phải tu tập đức sợ hãi những tính xấu của mình: ***“Vị này có lòng quý, tự sợ hãi vì thân ác hạnh, khẩu ác hạnh, ý ác hạnh, tự sợ hãi vì thành tựu ác, bất thiện pháp”***.

Thưa các bạn! Tính sợ hãi các lỗi lầm của mình không phải là tính nhút nhát sợ ma, sợ bóng tối, sợ rắn, sợ chuột, sợ sâu, bọ, đĩa, sợ cô đơn, sợ sống nơi thanh vắng một mình, sống nơi nhà mồ, nghĩa địa, v.v.. Tính nhút nhát là một tính xấu cần phải được khắc phục bằng tính gan dạ, can đảm, dũng cảm, không hề sợ hãi trước cảnh vắng vẻ cô đơn nơi rừng sâu núi thẳm, trước mọi loài vật, mọi người hung ác, trước mọi gian nan thử thách. Nhưng tính sợ hãi các lỗi lầm của mình là một đức hạnh tốt. Một đức hạnh cần phải được rèn luyện và tu tập để ngày ngày được phát triển đức sợ hãi những lỗi lầm của mình càng to lớn hơn. Nhờ học tập và tu dưỡng đức sợ hãi những lỗi lầm của mình mà mình sẽ trở thành những người thật là con người. Những con người sau này sẽ trở thành những bậc Thánh nhân, bởi vì ngoài con người mà đi tìm Thánh nhân thì không bao giờ có. Con người có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh

là Thánh nhân các bạn ạ! Các bạn có nhận ra điều này không?

Từ khi đặt trọn lòng tin nơi Thánh Đức Minh Hạnh của đức Phật, chúng ta tận lực rèn luyện mình trong hai đức hạnh đầu tiên như trên Phật đã nói: **“Đức biết xấu hổ và Đức biết sợ hãi những lỗi lầm của mình”**. Nhưng trong cuộc sống, phần nhiều chúng ta còn đang sống trong vô minh, trí tuệ của chúng ta còn u tối, mê mờ, vì thế làm sao thấy được những lỗi lầm của mình từ trong thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Cho nên, bài pháp thứ tư đức Phật dạy: chúng ta phải học nhiều, nghe nhiều, phải tích tụ những điều thiện đã học và đã nghe được như đoạn kinh dưới đây: **“Vị này là vị đa văn, nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe. Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện, có văn nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh, những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập”**.

Đọc đoạn kinh trên đây, chúng ta thấy rõ ràng những gì cần phải học là chúng ta phải học cho thấu suốt. Vậy muốn cho thấu suốt thì

chúng ta phải hiểu nghĩa của đoạn kinh này một cách tường tận. Ngay như câu đầu đức Phật dạy: **“Vị này là vị đa văn”**. Thưa các bạn, đa văn nghĩa là gì?

Đa văn có nghĩa là trình độ hiểu biết (kiến thức). Trình độ hiểu biết ở đây không phải là trình độ học thức thế gian, học thức kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông, mà là trí thông minh, nghe, hiểu và tiếp nhận nghĩa lý thiện pháp cụ thể rõ ràng. Người có trí tuệ hiểu biết thiện pháp như vậy mới được gọi là Đa Văn.

Khi đã có trí tuệ như vậy thì luôn luôn phải nhớ nghĩ những điều thiện đã được nghe; thường lặp đi lặp lại rất nhiều lần trong đầu những điều nghe, thấy, hiểu về thiện pháp. Nhờ đó, chúng ta mới tích tụ được những điều đã học mà không bao giờ quên. Vì thế, đức Phật dạy chúng ta: **“nhớ nghĩ những điều đã nghe, tích tụ những điều đã nghe”**. Có học hỏi có tích tụ được như vậy thì chúng ta mới thông suốt **“Những pháp nào sơ thiện, trung thiện, hậu thiện”**. Pháp sơ thiện, trung thiện, hậu thiện là như thế nào? Xin các bạn hãy đọc bộ sách Đạo Đức Làm Người, Mười Giới Đức Thánh Sa Di, Một Trăm Giới Đức

Làm Người và bộ Giới Đức Thánh Tăng, Ni do tu viện Chơn Như biên soạn thì lúc bấy giờ các bạn sẽ rõ Sơ thiện, Trung thiện và Hậu thiện. Có hiểu biết những thiện pháp như vậy thì chúng ta sẽ biết rõ thân ác hạnh, khẩu ác hạnh và ý ác hạnh. Nhờ biết rõ ba hành động ác của thân, khẩu, ý thì chúng ta ngăn và diệt chúng mới dễ dàng nên Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh. Phạm hạnh hoàn toàn thanh tịnh thì đó là hạnh phúc nhất trần gian, cho nên câu kinh dạy: ***“Có văn nói lên Phạm hạnh hoàn toàn đầy đủ thanh tịnh”***.

Có sự hiểu biết, thấu suốt tất cả thiện pháp như vậy và biết xấu hổ, sợ hãi trước những lỗi lầm do những ác hạnh của mình thì bảo đảm chúng ta sẽ sống một đời sống an vui và hạnh phúc tuyệt vời. Cho nên, ở đây đức Phật khuyên chúng ta nên: ***“Những pháp như vậy, vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập”***.

Các bạn nên lưu ý cụm từ này: ***“Những pháp như vậy”***. Những pháp như vậy là những pháp gì? Đó là pháp Sơ thiện, Trung thiện, Hậu thiện. Khi rõ những pháp Sơ thiện, Trung thiện, Hậu thiện rồi thì phải làm gì

nữa? Ở đây đức Phật dạy: **“vị ấy nghe nhiều, thọ trì đọc tụng bằng lời, được trí suy tư, được chánh kiến thể nhập”**. Lời dạy bảo của đức Phật: **“Phải nghe cho thật nhiều những pháp thiện này”**. Khi nghe rồi thì **“phải thọ trì đọc tụng”** có nghĩa là hằng ngày phải luôn luôn đọc đi đọc lại nhiều lần những pháp thiện này như các thầy Đại Thừa tụng kinh, niệm Phật vậy. Mỗi câu mỗi lời dạy đều phải được **“Trí suy tư”** nhiều lần cho thâm nhập được đầy đủ ý nghĩa thiện pháp này, cho đến khi nào gặp các ác pháp đều được **“chánh kiến thể nhập”**, thì lúc bấy giờ tâm chúng ta mới bất động trước các ác pháp, bất thiện pháp.

Khi đã chánh tri kiến thể nhập vào thiện pháp thì chúng ta phải siêng năng tinh cần hằng ngày trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp. Khi thành tựu các thiện pháp cũng giống như chúng ta đuổi giặc ra khỏi biên cương. Nhưng muốn giữ gìn đất nước thì phải xây dựng và phát triển nền kinh tế cho giàu mạnh thì đất nước mới thịnh vượng và nhân dân mới an cư lạc nghiệp. Cũng vậy, người tu theo pháp thiện của Phật thì phải siêng năng tinh cần loại trừ các pháp bất thiện. Khi loại trừ các pháp bất thiện thì phải

giữ gìn thiện pháp. Muốn giữ gìn thiện pháp thì phải nỗ lực kiên trì không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp. Vì thế, câu này đức Phật dạy rất hay: ***“Không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp”***. Chúng tôi xin nêu ra một vài ví dụ để các bạn dễ hiểu nghĩa không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp.

Ví dụ 1: Ăn uống ngày một bữa mà từ năm này đến năm khác không bao giờ ăn uống phi thời. Đó là không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Ví dụ 2: Không ăn thịt chúng sanh tức là ăn trường chay, dù có bệnh đau đến chết, dù có sự bất buộc nào, dù có hoàn cảnh như thế nào nhất định không bao giờ ăn thịt chúng sanh, thì đó là không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Ví dụ 3: Người không ngủ nghỉ phi thời dù cho hoàn cảnh nào cũng nhất định không ngủ nghỉ phi thời; bằng mọi cách cố gắng nỗ lực kiên trì phá vỡ hôn trầm, thù miên vô ký. Đó là người không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Ví dụ 4: Một người nghiện ngập thuốc lá, rượu, thuốc lào, thuốc phiện, v.v., họ cố gắng

kiên trì nỗ lực để cai nghiện những loại độc dược này và suốt đời không còn uống rượu, hút thuốc lá, thuốc lào, thuốc phiện nữa. Đó là những người không từ bỏ gánh nặng đối với thiện pháp.

Cho nên, lời dạy này có một giá trị rất lớn đối với những người tu theo Phật giáo, chúng ta phải nhớ lời dạy này mãi mãi: ***“Vị ấy sống tinh cần, tinh tấn, trừ bỏ các pháp bất thiện, thành tựu các thiện pháp, nỗ lực, kiên trì, không từ bỏ gánh nặng đối với các thiện pháp”***. Chúng ta khẳng định câu này có một giá trị rất lớn đối với những ai đi tìm con đường thoát khổ. Xét qua lời dạy này, chúng ta nhìn lại chúng trong tu viện Chơn Như thì thấy rất rõ ràng. Trong những ngày đầu, mới tới ở trong tu viện Chơn Như thì còn giữ được thiện pháp, nhưng dần dần về sau họ đã từ bỏ gánh nặng thiện pháp ăn ngủ phi thời, lại thêm phá hạnh độc cư, làm những việc thâm lén tội lỗi mà không thấy. Bởi vậy, tu như họ làm sao đạt được cứu cánh rốt ráo. Tu để mà có tu, chứ gánh nặng thiện pháp họ đã từ bỏ rồi.

Thưa các bạn! Gánh nặng thiện pháp mà đức Phật dùng ở đây có ý nghĩa rất là tuyệt

ười. Phải không hỏi các bạn? Chỉ có bốn từ **“Gánh Nặng Thiện Pháp”**, vậy mà không có ai gánh nổi thật là đau lòng cho thời đại mặt pháp này, tâm đời thì không muốn bỏ mà lại muốn thêm tâm đạo, thật là tham lam vô độ. Như vậy, muốn chấn chỉnh lại Phật Pháp chúng tôi còn biết trông cậy vào ai!!!

Trong thời đại của chúng ta, ai là người không bỏ gánh nặng thiện pháp? Thật khó mà tìm những bậc này. Nói thiện pháp thì dễ, bỏ gánh thiện pháp thì dễ, nhưng làm được, gánh được thiện pháp thì không phải là chuyện dễ. Cho nên, ai làm được, gánh được thiện pháp đều là những bậc Thánh nhân, dù bất cứ ở thời gian nào quá khứ, vị lai và hiện tại.

Thưa các bạn! Pháp của Phật chỉ là thiện pháp, không có pháp gì huyền bí cao siêu cả, không có thần thông phép thuật gì cả, chỉ có đạo đức không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh mà thôi. Không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh là giải thoát các bạn ạ! Chúng đạo là ngay ở chỗ đó, chứ đâu cần tìm ở đâu xa. Cự Lạc, Thiên Đàng, Niết Bàn, Phạm thể cũng từ nơi đó. Đây các bạn hãy nghe lời nói này của đức Phật dạy: **“Vị ấy không tự hành khổ mình, không**

hành khổ người, ngay trong hiện tại không tham dục, tịch tịnh, cảm thấy mát lạnh, cảm thấy lạc thọ, tự ngã trú vào Phạm thể”.

Khi chúng ta không bỏ gánh nặng thiện pháp thì lúc bây giờ tâm chúng ta có niệm không phóng dật, bởi vì niệm không phóng dật là niệm toàn thiện. Vì thế, đức Phật dạy: ***“Vị ấy có niệm”***. Chữ niệm ở đây cô đọng quá, nếu không phải là hành giả tu xong thì không bao giờ hiểu được chữ niệm này. Niệm tức là niệm không phóng dật như trên chúng tôi đã nói. Khi tâm có niệm không phóng dật, thì ngay lúc bấy giờ chúng ta thành tựu niệm tuệ tối thắng tức là trí nhớ vô cùng tận, không có một điều gì ở quá khứ mà không nhớ, nên đức Phật dạy: ***“Thành tựu niệm tuệ tối thắng, nhớ lại, nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu”***.

Khi tu tập đến đây niệm tuệ tối thắng xuất hiện thì mới bắt đầu có trí tuệ. Ở đây xin các bạn lưu ý: Niệm tuệ tối thắng chưa phải là trí tuệ, khi chúng ta tu tập nó sẽ tiếp tục nhớ lại nhiều lần những gì đã làm từ lâu, đã nói từ lâu. Từ sự tu tập đó ta mới có trí tuệ, nên đức Phật dạy: ***“Vị ấy có trí tuệ”***. Khi có trí tuệ ta

tiếp tục tu tập rèn luyện để thành tựu trí tuệ về sanh diệt, trí tuệ thành tựu nhập Thánh thể tức là Niết Bàn, đưa đến đoạn tận khổ đau. Ở đoạn kinh này khiến cho các nhà học giả không thể hiểu được và cũng không thể nào kiến giải và tưởng giải được. Khi giảng đến đoạn kinh này họ chỉ lý luận loanh quanh. Xin các bạn vui lòng đọc lại đoạn kinh này, rồi chúng tôi sẽ hướng dẫn các bạn tu tập thì các bạn sẽ hiểu rõ hơn: ***“Thành tựu trí tuệ về sanh diệt, thành tựu Thánh thể nhập đưa đến đoạn tận khổ đau”***.

Thành tựu trí tuệ về sanh diệt, câu này nghĩa là gì? Câu này chỉ là một lời nói nhắc nhở chúng ta tu tập có trí tuệ thì phải thành tựu trí tuệ về sống chết tức là trí tuệ Lậu Tận Minh, chứ không phải có trí tuệ nhớ lại nhiều đời nhiều kiếp mà thôi. Muốn thành tựu trí tuệ về sự sống chết thì phải dùng năng lực Trạch Pháp Giác Chi mà dẫn trí tuệ về sanh tử, về Bát Thánh Đạo, về nhân quả. Khi thành tựu trí tuệ về sanh tử xong thì tiếp tục dùng Trạch Pháp Giác Chi dẫn trí tuệ nhập vào Thánh thể (Niết Bàn) để hoàn toàn đoạn tận khổ đau.

Trên đây là phương pháp tu tập để thực hiện trí tuệ Tam Minh. Và đây là phương pháp

cuối cùng trong bảy pháp tu tập trong Đạo Phật. Cho nên đức Phật kết luận bài pháp này bằng câu: ***“Này Mahanama, như vậy, vị Thánh đệ tử thành tựu bảy diệu pháp”***.

Tóm lại, bảy pháp trên đây, nếu chúng ta biết cách tu tập cho đúng, thì con đường giải thoát của Phật giáo không còn bí ẩn và không còn khó khăn nữa. Phải không hỡi các bạn?



HẠNH ĐỨC VÀ TRÍ ĐỨC

LỜI PHẬT DẠY

HẠNH ĐỨC

“Này Mahanama!

1- Vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

2- Vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

3- Vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

4- Vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

5- Vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy diệu pháp, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

6- Vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí

sức, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy.

TRÍ ĐỨC

7- Vị Thánh đệ tử nào nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời... cùng với các nét đại cương và các chi tiết, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy.

8- Vị Thánh đệ tử nào với thiên nhãn thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy.

9- Vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy. Như vậy này Mahanama, vị Thánh đệ tử được gọi là Minh cụ túc, Hạnh cụ túc, Minh Hạnh Cụ Túc”.

(Kinh Trung Bộ, tập 2, trang 47, 48)

CHÚ GIẢI:

Lúc bấy giờ đức Phật chia pháp môn của mình ra làm hai phần:

- Phần thứ nhất là Hạnh Đức.

- Phần thứ hai là Trí Đức.

Vậy Hạnh Đức nghĩa là gì? Hạnh Đức là những hành động thân, miệng không làm khổ mình, khổ người, gồm có những pháp sau đây:

HẠNH ĐỨC

1- Giới hạnh: Người tu sĩ và người cư sĩ nào tìm về tu viện Chơn Như tu tập và giữ gìn giới hạnh nghiêm chỉnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào. Đó là vị ấy đã thể hiện Hạnh Đức của mình, như lời đức Phật đã dạy: **“Vị Thánh đệ tử nào thành tựu giới hạnh, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”**. Như vậy giới luật là **“Hạnh Đức”** của người tu sĩ và người cư sĩ. Xin các bạn nên ghi nhớ: Người tu sĩ và người cư sĩ nào phạm giới, phá giới là những người không có Hạnh Đức.

2- Hộ trì các căn: Người tu sĩ và người cư sĩ nào tìm về tu viện Chơn Như tu tập và biết hộ trì các căn: mắt, tai, mũi, miệng, thân,

ý, làm cho nó không dính mắc sáu trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp tức là sống độc cư trọn vẹn, không hề phá hạnh độc cư thì người ấy đang thể hiện Hạnh Đức của mình như đức Phật đã dạy: **“Vị Thánh đệ tử nào hộ trì các căn, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”**. Ở đây, phần đông tu sĩ và cư sĩ về Chơn Như tu tập, đều phá hạnh độc cư, thích đi nói chuyện. Cho nên, những người tu sĩ và cư sĩ này không có hạnh đức, vì thế họ tu hành chẳng tới đâu, chỉ tu hành cho có hình thức.

3- Tiết độ trong ăn uống: Người tu sĩ và người cư sĩ nào đã tìm về tu viện Chơn Như tu tập mà biết tiết độ trong ăn uống, có nghĩa là không ăn uống phi thời, chỉ ăn ngày một bữa. Đó là người đang thể hiện Hạnh Đức của mình như đức Phật đã dạy: **“Vị Thánh đệ tử nào có tiết độ trong ăn uống, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”**. Ăn ngày một bữa tuy vậy cũng không phải dễ các bạn ạ! Cho nên, họ vừa ra khỏi cổng chùa là đã ăn uống phi thời. Cho nên, Hạnh Đức về ăn uống không phải dễ, đối với những người còn mang đầy áp thân kiến, sợ thân bệnh, sợ thân chết, v.v.. Xin các bạn lưu ý: Muốn tìm sự tu tập để được giải thoát thì ăn uống là Hạnh Đức rất cần thiết cho các bạn. Các bạn ăn uống phi thời thì

công phu tu tập của các bạn chỉ hoài công vô ích.

4- Chú tâm cảnh giác: Người tu sĩ và cư sĩ nào biết chú tâm cảnh giác từng tâm niệm, từng đối tượng của mình để ngăn và diệt các pháp ác, đó là người đang thể hiện Hạnh Đức của mình như đức Phật đã dạy: ***“Vị Thánh đệ tử nào chú tâm cảnh giác, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”***.

Thưa các bạn! Chú tâm cảnh giác là một pháp môn tuyệt vời, nhưng các bạn có biết nó là pháp môn gì không? Đó là Định Vô Lậu trên Tứ Niệm Xứ. Định Vô Lậu trên Tứ Niệm Xứ là Hạnh Đức của vị tu sĩ và của vị cư sĩ, vì vậy nó là một Hạnh Đức rất quan trọng trong sự tu tập đi đến cứu cánh hoàn toàn.

5- Đầy đủ bảy diệu pháp: Người tu sĩ và cư sĩ nào đã tu tập đầy đủ bảy diệu pháp, như bảy diệu pháp mà chúng tôi đã giảng ở một bài trước, trong tập sách này (xin các bạn vui lòng đọc lại), thì người ấy đang thể hiện Hạnh Đức của mình như đức Phật đã dạy: ***“Vị Thánh đệ tử nào đầy đủ bảy diệu pháp, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”***. Bảy diệu pháp là bảy phương pháp tu tập để thực hiện Hạnh Đức của một tu sĩ và của một

cư sĩ Phật giáo xứng đáng là đệ tử của đức Phật. Xin các lưu ý cho.

6- Hiện tại lạc trú Bốn thiên: Người tu sĩ và người cư sĩ nào đã tu tập đầy đủ thiện pháp thì nhập Hiện Tại Lạc Trú Bốn Thiên không có khó khăn và mệt nhọc, là người ấy đang thể hiện **“Hạnh Đức”** của mình, như đức Phật đã dạy: **“Vị Thánh đệ tử nào hiện tại lạc trú bốn thiên, thuộc tầng thượng tâm, chứng đắc không khó khăn, chứng đắc không mệt nhọc, chứng đắc không phí sức, như vậy thuộc về Hạnh Đức của vị ấy”**. Hiện tại lạc trú Bốn Thiên là phương pháp tu tập để thực hiện Hạnh Đức của người tu sĩ và của người cư sĩ Phật giáo. Nhờ có hạnh đức này mới xứng đáng là đệ tử của đức Phật. Xin các lưu ý cho.

TRÍ ĐỨC

Vậy Trí Đức nghĩa là gì? Trí Đức là những hành động tâm ý thức không làm khổ mình, khổ người, gồm có những pháp sau đây:

7- Nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời và nhiều đời... Người tu sĩ và người cư sĩ nào thể hiện được tâm thức (thức uẩn) nhớ đến nhiều đời, nhiều kiếp của mình trong quá khứ, là người ấy đang

thể hiện **“Trí Hạnh²”** Túc Mạng Minh của mình, như đức Phật đã dạy: **“Vị Thánh đệ tử nào nhớ đến các đời sống quá khứ sai biệt, như một đời, hai đời ... cùng với các nét đại cương và các chi tiết, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy”**. Ở đây, chúng ta cần phải phân biệt cho rõ ràng. Trong thân chúng ta có ba thức để hiểu biết, suy tư và ghi nhớ nghĩ:

1. **Ý thức** thuộc về sắc uẩn, có sự ghi nhớ, nhớ lại, suy tư và hiểu biết, nhưng bị hạn cuộc trong không gian và thời gian.

2. **Tưởng thức** thuộc về tướng uẩn có sự tưởng nghĩ, ghi nhớ, nhớ lại không bị không gian và thời gian hạn cuộc, nhưng không được vô tận.

3. **Tâm thức** thuộc về thức uẩn có sự ghi nhớ, nhớ lại vô cùng tận không bị không gian và thời gian hạn cuộc. Trí Đức thứ nhất là Túc

² -Trí Hạnh là hành động của Trí Đức, nên ở đây là chỉ cho hành động Túc Mạng Minh, chứ không phải là Tam Minh, nhưng phải hiểu Trí Hạnh là một hành động trong Trí Đức, không thể gọi Trí Đức là Túc Mạng Minh được, mà phải gọi Trí Đức là Tam minh thì mới đúng nghĩa.

Mạng Minh do tâm thức ghi nhớ lại nhiều đời nhiều kiếp của mình.

Người tu sĩ và người cư sĩ nào thể hiện thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt, kẻ cao sang, người đẹp đẽ, kẻ thô xấu, người may mắn, kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của chúng, là người ấy đang thể hiện **“Trí Hạnh”** Thiên Nhân Minh của mình. Như đức Phật đã dạy: **“Vị Thánh đệ tử nào với thiên nhân thuần tịnh, siêu nhân, thấy sự sống chết của chúng sanh. Vị ấy biết rõ rằng chúng sanh người hạ liệt kẻ cao sang, người đẹp đẽ kẻ thô xấu, người may mắn kẻ bất hạnh... đều do hạnh nghiệp của chúng, như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy”**.

Người tu sĩ và người cư sĩ nào thể hiện với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát là người ấy đang thể hiện **“Trí Hạnh”** Lậu Tận Minh của mình. Như Đức đã dạy: **“Vị Thánh đệ tử nào với sự đoạn tận các lậu hoặc, tự mình ngay trong hiện tại với thắng trí chứng ngộ, chứng đạt và an trú vô lậu**

tâm giải thoát, tuệ giải thoát như vậy thuộc về Trí Đức của vị ấy”.

Tóm lại, đoạn kinh này đức Phật đã xác định cho chúng ta thấy rằng Phật giáo chỉ là một con đường đạo đức dạy làm Người, làm Thánh chứ không có gì là thiên định huyền bí, cao siêu, vi diệu, thần thông, pháp thuật siêu việt như mọi người nghĩ tưởng. Đạo Phật cũng không chấp nhận và cũng không nương tựa vào Thần, Thánh, Tiên, Phật hoặc Bồ Tát, tà ma, quỷ quái để cầu cạnh, van xin, cúng bái, tế lễ, v.v.. mà chỉ là những Đức Hạnh, Trí Hạnh sống hằng ngày của mỗi con người, ai cũng có thể tu tập được, rất thực tế và cụ thể. Những Đức Hạnh, Trí Hạnh ấy giúp cho loài người có một đời sống an vui và hạnh phúc. Những Đức Hạnh và Trí Hạnh đó được gọi bằng những danh từ rất tuyệt hảo: ***“Minh Cụ Túc, Hạnh Cụ Túc, Minh Hạnh Cụ Túc”***.

Để kết thúc đoạn kinh này, đức Phật đã chỉ thẳng giáo pháp của Ngài là nền đạo đức bằng trí tuệ của loài người: ***“Như vậy này Mahanama, vị Thánh đệ tử được gọi là Minh Cụ Túc, Hạnh Cụ Túc, Minh Hạnh Cụ Túc”***.



KINH BÁT THÀNH

LỜI PHÁT DẠY

“Bạch Tôn Giả Ananda, có pháp độc nhất gì do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố, nếu có Tỳ Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược, chưa được chứng đạt được chứng đạt?”.

CHÚ GIẢI:

Đoạn kinh trên đây do gia chủ Dasama hỏi Tôn Giả Ananda có một pháp gì độc nhất của đức Phật được tu tập để đi đến kết quả giải thoát hoàn toàn chấm dứt tái sinh luân hồi không?

Như các bạn đã biết, pháp của Phật có rất nhiều, có đến ba mươi bảy pháp môn tu tập từ thấp đến cao. Thế mà, gia chủ Dasama lại hỏi có một pháp độc nhất nào chỉ tu tập pháp này sẽ đi đến cứu cánh, thì biết trả lời làm sao các bạn nhỉ? Nhưng ông Ananda đã thay đức Phật trả lời câu hỏi này: **“Không phải chỉ có một pháp độc nhất mà có đến cả tám pháp độc nhất, pháp nào cũng tu tập đi đến kết quả giải thoát rốt ráo”**. Cho nên, bài kinh này được lấy tên là Kinh Bát Thành trong Trung Bộ Kinh, tập II, trang 30.

Nhưng kinh Bát Thành này đã bị người sau thêm vào Bốn Định Vô Sắc. Bốn Định Vô Sắc là bốn loại định tưởng. Bốn loại định tưởng thì không thể nào tu tập đi đến rốt ráo được, vì chính đức Phật đã nhập các loại định tưởng này còn phải bỏ mà trở về tu tập Bốn Định Hữu Sắc mới thấy được sự giải thoát làm chủ sanh, tử chấm dứt luân hồi.

Bốn loại định vô sắc này được cộng chung lại với tám pháp đầu tiên là 12 pháp, như vậy bài kinh này đúng ra phải có tên là **“Thập Nhị Thành”** chứ đâu gọi là **“Bát Thành”** được. Đó là cái sai thứ nhất trong bài kinh này, do các vị Tổ Sư kết tập kinh.

Cái sai thứ hai là đoạn kết của bài kinh này: ***“Bạch Tôn Giả Ananda, như người tìm một kho tàng cất giấu, trong lúc tìm được 11 kho tàng cất giấu. Cũng vậy bạch Tôn Giả, như ngôi nhà người ta có đến 11 cửa, khi ngôi nhà bị cháy, thì chỉ do một cửa người ta cũng có thể thoát ra một cách an toàn. Cũng vậy, bạch Tôn Giả, chỉ với một cửa bất tử trong 11 cửa bất tử này, con có thể đạt được sự an toàn cho con”***.

Tựa kinh đề là “Bát Thành” mà kết luận là “Thập Nhất Thành”, còn trong bài kinh này thì nêu ra 12 pháp tu tập. Kinh viết như vậy có nhất quán không? Các bạn nghĩ sao về những việc làm của các bậc tôn túc ngày xưa? Họ có thấy khi kết tập kinh sách Phật là một trách nhiệm với Đạo Phật và con người đời sau không?

Trong một bài kinh Nguyên Thủy mà còn thêm bớt, làm sai lệch như thế này thì cả tạng kinh Nguyên Thủy hiện có hẳn phải còn sai biết bao nhiêu lần trong ấy. Như thế, kinh sách Đại Thừa là kinh phát triển làm sao chúng ta tin được. Phải không hở các bạn? Cho nên, đức Phật bảo: ***“Đừng có tin kinh***

tạng...”. Vậy mà các bạn cứ gặp bài kinh nào nói Phật thuyết là các bạn tin ngay, tin một cách mù quáng, mê mờ, bị lừa đảo mà không biết. Thật đáng thương cho các bạn.

Qua kinh nghiệm tu hành, chúng tôi xét thấy trong bài kinh này có nêu ra tám pháp môn độc nhất tu tập đi đến cứu cánh hoàn toàn là đúng lời dạy của đức Phật. Tám pháp này gồm có:



THỨ NHẤT: SƠ THIÊN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

SƠ THIÊN

“Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Đây là pháp độc nhất thứ nhất trong tám pháp, các bạn nên lưu ý đó là Sơ Thiền. Cho nên, chỉ cần nhắm vào Thiền thứ nhất mà tu tập để tâm bạn hoàn toàn ly dục ly ác pháp. Các bạn không cần phải thay đổi pháp môn nào khác, vì nó là pháp độc nhất đi đến cứu cánh. Nhớ lại năm xưa, chúng tôi cũng từ pháp môn này mà đi đến rốt ráo. Vì lúc bấy giờ, chúng tôi không được ai hướng dẫn, nên chỉ biết như lý tác ý ly dục ly ác pháp và cuối cùng, chúng tôi viên mãn công đức tu hành với pháp độc nhất Sơ Thiền này.



THỨ HAI: NHI THIÊN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

NHI THIÊN

“Thiên thứ hai này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Khi Sơ Thiền đã nhập được thì Nhị Thiền không còn có khó khăn nữa. Ở đây, chúng ta phải hiểu pháp môn Nhị Thiền mà đức Phật gọi là pháp môn độc nhất. Độc nhất ở đây không có nghĩa là duy nhất có một pháp này tu từ đầu đến cuối mà thành tựu đạo giải thoát. Nếu giới luật chưa nghiêm chỉnh thì các bạn phải biết mình còn phải tu bao nhiêu pháp nữa thì giới luật mới được nghiêm chỉnh. Khi giới luật được nghiêm chỉnh, lúc bấy giờ các bạn mới ôm một pháp độc nhất này. Cho nên, độc nhất ở đây là một trạng thái thân tâm thanh tịnh trong giới luật. Các bạn có hiểu chưa? Vì tâm có nghiêm chỉnh trong giới luật thì pháp Như Lý Tác Ý mới có hiệu quả.



THỨ BA: TAM THIÊN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

TAM THIÊN

“Tam Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Ở đây, các bạn nên lưu ý đoạn kinh này:
“Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc”. Vững trú có nghĩa là giữ gìn tâm ở trong trạng thái Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, v.v.. Bất cứ các bạn ở một trong tám trạng thái này, tiếp tục đoạn trừ các lậu hoặc, nếu đoạn trừ xong thì các bạn liền chứng quả A La Hán, chứ không phải còn tu tập pháp môn nào nữa.



THỨ TƯ: TỨ THIÊN LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

TỨ THIÊN

“Tứ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ, như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Ở đây, các bạn nên lưu ý ở đoạn kinh này: ***“Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này”***. Do tham luyến và hoan hỷ trạng thái pháp này nên lậu hoặc chưa đoạn trừ được. Trong trạng thái Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, v.v.. đều có trạng thái hỷ lạc, khinh an khiến cho hành giả thích thú quên ăn, quên ngủ, quên tất cả. Do tâm còn ham thích nên lậu hoặc diệt không sạch mặc dù trạng thái khinh an, hỷ lạc đó do ly dục và định sanh. Pháp ly dục và định là pháp hữu vi nên các pháp đó đều vô thường chịu sự đoạn diệt. Các bạn hãy đọc lại đoạn kinh này thì rõ: ***“Tứ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”***.

Cho nên, các bạn còn ham thích trạng thái của pháp ấy nên lậu hoặc không thể đoạn trừ được. Chính thích thú trạng thái ấy là lậu hoặc. Khi gặp bất cứ một trạng thái nào dù đúng hay sai các bạn cũng nên xả bỏ thì lậu hoặc mới đoạn trừ tận gốc.



THỨ NĂM: TỪ TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

TỪ TÂM

“Từ tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Nói đến Từ, Bi, Hỷ, Xả là người ta nghĩ ngay Tứ Vô Lượng Tâm, cho Tứ Vô Lượng Tâm là một pháp môn, nhưng không ngờ Tứ Vô Lượng Tâm là một cái tên chỉ chung cho bốn pháp môn độc nhất của Đạo Phật, từ pháp môn đó tu tập đi đến cứu cánh mà không cần phải tu tập những thiền định nào cả. Khi pháp môn đó tu tập thành tựu tâm vô lậu là có đủ Bốn Thiền và Tam Minh. Cho nên, em trai ông Cấp Cô Độc chỉ do tu một pháp độc nhất **“Từ Tâm”** mà chứng quả A La Hán.

Khi chúng ta dùng pháp như lý tác ý tu tập tâm từ, từ tâm được hiện bày thì có một trạng thái thanh tịnh, an lạc, thương yêu hòa mình trong sự sống của muôn loài hiện ra, do đó mà ngũ triền cái và thất kiết sử bị đoạn diệt.

Ở đây, các bạn nên lưu ý bốn pháp độc nhất này không phải như bốn thiền ở trên khi nhập phải dùng bảy năng lực Giác Chi. Pháp Tứ Vô Lượng Tâm chỉ có dùng pháp như lý tác ý đánh thức tình cảm yêu thương sâu kín tận trong tâm của con người. Nó gồm có: 1- Từ tâm; 2- Bi tâm; 3- Hỷ tâm; 4- Xả tâm. Tùy

theo đặc tướng của các bạn mà chọn lấy một trong bốn pháp này tu tập.

Các bạn đâu có ngờ rằng bốn pháp Tứ Vô Lượng Tâm này là bốn Pháp tuyệt vời trong Phật giáo, nó giúp các bạn trở thành những bậc Thánh một cách dễ dàng không có khó khăn các bạn ạ!



THỨ SÁU: BI TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

BI TÂM

“Bi tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phân kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Bi tâm là một pháp tu tập lòng thương xót trước cảnh thương tâm, bất hạnh của chúng sanh. Nếu một người tu tập rèn luyện được lòng thương xót tất cả chúng sanh, khi lòng thương xót ấy hiện tiền thì tất cả ác pháp như tham, sân, si, mạn, nghi đều vô tác dụng vào tâm mình. Do đó, tâm vô lậu hoàn toàn và chứng quả A La Hán ngay liền. Người chứng quả A La Hán đều có đầy đủ thiền định và Tam Minh.

Các bạn đừng hiểu lầm là khi tu tập Bi Tâm rồi còn phải tu tập bốn Thiền và Tam Minh nữa. Hiểu như vậy là sai các bạn ạ! Vì trạng thái Bi Tâm đã có đầy đủ thiền định và Tam Minh, mặc dù bạn chưa bao giờ có một phút tu tập Thiền định.



THỨ BẢY: HỖ TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

HỖ TÂM

“Hỗ tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phạm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỗ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Nay Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Nếu bạn chọn Hỗ tâm tu tập rèn luyện, khi Hỗ tâm thành tựu thì tâm tham,

sân, si, mạn, nghi không còn nữa, do lòng hoan hỷ của bạn đã đoạn trừ các ác pháp. Nhờ đó, tâm bạn vô lậu hoàn toàn, chứng quả A La Hán. Khi chứng quả A La Hán với tâm hỷ thì bạn không cần phải tu tập thiền định và Tam Minh gì cả, vì chính trong tâm hỷ của bạn đã đầy đủ Bốn Thiền và Tam Minh, bạn có thể thực hiện giờ nào cũng được, không có khó khăn, không có mệt nhọc.



THỨ TÁM: XẢ TÂM LÀ PHÁP ĐỘC NHẤT TRONG KINH BÁT THÀNH

XẢ TÂM

“Xả tâm này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phân kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này.

Này Gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bậc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.

CHÚ GIẢI:

Nếu bạn chọn lấy pháp Xả tâm mà tu tập và rèn luyện tâm mình, khi tâm xả thành tựu thì bảy năng lực Giác Chi xuất hiện, lúc bấy giờ các bạn muốn nhập thiền nào thì các bạn sẽ tác ý theo trạch Pháp Giác Chi thì nhập ngay thiền ấy và thực hiện Tam Minh không có khó khăn không có mệt nhọc. Bởi vì xả vô lượng tâm ác thì tất cả lậu hoặc sẽ được đoạn trừ. Khi lậu hoặc đã trừ diệt xong thì các bạn chứng quả A La Hán, không cần phải tu tập pháp môn nào khác nữa.

Trên đây là tám pháp độc nhất mà các bạn tự lựa chọn cho mình một pháp phù hợp với đặc tướng, để tiện việc tu tập cho đến nơi đến chốn.

Thưa các bạn! Các bạn nên nhớ kỹ và hãy xét lại thân tâm của các bạn trong giai đoạn ôm một pháp độc nhất này tu tập. Nếu các bạn cảm thấy mình có đủ khả năng để ôm một pháp độc nhất thì nên tu tập, còn nếu thấy khả năng chưa đủ thì đừng nên. Nếu các bạn miễn cưỡng tu tập sẽ bị ức chế tâm, và tu như vậy dễ thành bệnh hơn là thành đạo. Một người mới vào tu theo Phật giáo thì không được phép tu tập một pháp độc nhất mà phải

tu tập nhiều pháp, vì tu tập nhiều pháp nên không bị ức chế tâm. Tu ức chế tâm có hai điều nguy hiểm:

1. Căng đầu, căng mặt, căng thân kinh thành bệnh.

2. Rơi vào tướng định, tướng tuệ phát triển, kiến giải tướng giải lung tung. Con đường tu giải thoát bế tắc, biến người tu sĩ Phật giáo trở thành những vị thầy phù thủy, thầy cúng, thầy bùa, thầy thuốc trị bệnh, trừ tà yểm quỷ, v.v..

Kinh Bát Thành chỉ dành riêng cho những bậc giới luật nghiêm túc, tâm không phóng dật, như trên đã nói, chứ không phải để cho những người phá giới, phạm giới, tâm còn phóng dật. Các bạn nhớ kỹ, như kinh đã dạy: **“Nếu có Tỳ Kheo nào tâm không phóng dật”**. Xưa đức Phật sáu năm tu tập khổ hạnh trong rừng già, Ngài đã sống một đời sống Phạm hạnh chưa từng có một tu sĩ nào sống được như vậy. Vì thế, thân tâm Ngài quá thanh tịnh, giới luật quá nghiêm túc. Do đó, Ngài trở về với pháp Sơ Thiền độc nhất ly dục ly bất thiện pháp, Ngài thành tựu giải thoát nơi chính pháp môn này. Xin các bạn đọc lại bài Đại Kinh Saccaka thì rõ.

Bây giờ xin các bạn vui lòng đọc lại đoạn kinh Bát Thành trên đây thì hiểu rõ ràng: **“Nếu có Tỳ Kheo nào không phóng dật, nhiệt tâm tinh cần sống hành trì pháp ấy, thời tâm chưa giải thoát của vị ấy được giải thoát, hay các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, đi đến đoạn trừ, hay pháp an ổn khỏi các ách phược, chưa được chứng đạt được chứng đạt”**. Đọc hết đoạn kinh này, chúng tôi xin nhắc lại, các bạn cần phải lưu ý câu duy nhất: **“Nếu có Tỳ Kheo nào tâm không phóng dật”**. Bốn chữ **“Tâm không phóng dật”** các bạn nên biết đó là một giai đoạn tu tập sống chết với tâm tham, sân, si của bạn bằng nhiều pháp môn cho đến khi nào tâm thuần phục, không phóng dật thì bạn mới dám ôm một pháp độc nhất. Các bạn có hiểu chưa?

Chúng tôi đưa bài kinh Bát Thành này ra đây có ba điều rất quan trọng để các bạn cần phải lưu ý:

- Thứ nhất: Không nên tin trọn vẹn vào kinh sách, vì kinh sách được kết tập là do các Tổ, nhưng các Tổ thêm vào và pha trộn các pháp môn của ngoại đạo, làm cho kinh sách

Phật mất hết giá trị giải thoát chân thật của nó.

- Thứ hai: Phải biết khả năng và đặc tướng của các bạn khi chọn tu tập một pháp môn độc nhất nào hay phải tu tập nhiều pháp môn. Nếu chưa nắm vững được điều này thì nên tập sống đúng đời sống Phạm hạnh, giới luật nghiêm trì, chứ đừng nên tu tập pháp môn nào khác cả, vì nếu có tu tập bất cứ một pháp môn cũng chỉ là ức chế tâm mà thôi. Ngày xưa, các Tổ không có người tu chứng hướng dẫn nên các Ngài tuy tu tập theo pháp môn của Phật, nhưng đã biến pháp môn của Phật thành pháp môn ức chế tâm của ngoại đạo. Đó là một lỗi lầm rất lớn của các Tổ, làm cho người đời sau mất đường lối tu tập theo đúng Chánh Phật pháp.

- Thứ ba: Pháp môn độc nhất của Phật ở đây đã khiến cho những nhà học giả điên đầu, không thể hiểu được, nhất là lời dạy này: ***“Vị ấy đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, được hoá sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui lại đời này nữa”***. Nếu đoạn kinh này không được giải thích rõ ràng thì mọi người sẽ nghĩ rằng Đạo Phật có thể giới siêu hình. Nếu dựa vào kiến giải của

những nhà học giả cho rằng Đạo Phật có thể giới siêu hình thì rất oan uổng cho Phật giáo, khiến cho Phật giáo tự mâu thuẫn lại với nó.

Phật giáo cho rằng không có thể giới siêu hình là vì chủ trương tự lực vượt thoát khổ đau, không nhờ tha lực: ***“Tự thấp đức lên mà đi”***. Bởi vì, nếu có thể giới siêu hình thì phải có tha lực, mà có tha lực thì sẽ có sự bất công. Có sự bất công thì trong cuộc đời này đau khổ sẽ không bao giờ hết và như vậy bốn chân lý loài người của Phật giáo không còn là chân lý nữa. Và thế gian này sẽ không còn có công bằng và công lý, chỉ còn là một cuộc sống bất công. Tôn Giáo chỉ là một mảnh khoé lừa đảo bằng hình thức cầu khẩn, cúng tế, bái lạy, v.v.. Các đấng thiêng liêng ảo tưởng của các tôn giáo gia hộ tai qua, nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ, chỉ là những trò bịp bợm, chứ thế gian này khổ cũng không bao giờ hết khổ. Và cũng vì vậy, mà nền đạo đức nhân bản – nhân quả của con người không bao giờ có được.

Muốn biết rõ Phật giáo không có thể giới siêu hình qua đoạn kinh Bát Thành này, thì chúng tôi xin rút ra và giải thích một pháp trong tám pháp của kinh Bát Thành, chẳng hạn như bài pháp thứ nhất là pháp Sơ Thiên.

Xin các bạn vui lòng đọc lại đoạn kinh này: “**Ở đây này gia chủ, Tỳ kheo ly dục ly bất thiện pháp chứng và trú thiên thứ nhất, một trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh, có tâm, có tứ. Vị ấy suy tư và được biết: “Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt”. Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc. Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyến pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này. Đây gia chủ như vậy là pháp độc nhất, do Thế Tôn, bậc Trí Giả, Kiến Giả, Bạc A La Hán, Chánh Đẳng Giác tuyên bố ...”.**

Qua đoạn kinh này chúng ta cần lưu ý đoạn: “**Sơ Thiên này là pháp hữu vi, do suy tư tác thành. Phàm sự vật gì là pháp hữu vi, do suy tư tác thành, thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt**”.

Bốn Thánh Định là Thiên Hữu Sắc, Thiên Hữu Sắc là pháp hữu vi do ý thức tu tập làm nên (do suy tư tác thành), và như vậy bốn

Thiền là pháp vô thường, mà pháp vô thường là phải chịu sự hoại diệt (thời sự vật ấy là vô thường chịu sự đoạn diệt).

Đoạn kinh trên đã xác định cho các bạn thấy rất rõ trạng thái Sơ Thiền trong tâm các bạn không phải là trạng thái vĩnh hằng mà chỉ là một trạng thái thọ hưởng phước thiện trong một thời gian nhất định. Khi thọ hưởng phước thiện do diệt năm hạ phần kiết sử hết thời gian nhất định thì trạng thái ấy bị hoại diệt vì nó là pháp hữu vi vô thường.

Thưa các bạn! Trạng thái ấy không phải là cảnh giới siêu hình như các bạn tưởng. Khi nào các bạn nhập Sơ Thiền là bạn cảm nhận trạng thái hỷ lạc do ly dục sanh có tầm, có tứ, có hỷ, có lạc, có nhất tâm, do ý thức bạn biết rất rõ như vậy làm sao là cảnh giới siêu hình được. Ngoài ý thức, thân và tâm của bạn thì không có cái biết và cái cảm nhận trạng thái Sơ Thiền đó. Khi thân tâm bạn hoại diệt mất thì trạng thái hỷ lạc của Sơ Thiền cũng không còn. Trạng thái hỷ lạc của Sơ Thiền không còn thì làm sao bảo rằng có cảnh giới Sơ Thiền Thiên được. Không có cảnh giới Sơ Thiền Thiên thì làm sao bảo rằng có thể giới siêu hình được. Phải không hỡi các bạn? Các bạn cứ

suy ngẫm lại rồi mới tin lời chúng tôi nói. Nếu các bạn nhập định và có Tam Minh thì khỏi cần chúng tôi phải giải thích, vì các bạn cũng thấy rõ như chúng tôi.

Điều đặc biệt ở đoạn kinh này là nhập vào cho được trạng thái Sơ Thiền và an trú trong trạng thái đó, đừng lìa khỏi trạng thái đó, dù bất cứ có những pháp ác nào tác động vào thân tâm bạn, bạn cũng đừng rời bỏ trạng thái này, như đoạn kinh đã dạy: **“Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc”**. Các bạn nên lưu ý bốn chữ: **“vững trú ở đây”**. Nếu các bạn có được cơ thể còn khỏe mạnh không bị chết một cách đột ngột và cứ luôn luôn an trú nơi trạng thái này thì các bạn sẽ đoạn trừ được tất cả các lậu hoặc và chứng quả vô lậu A La Hán. Còn nếu các bạn có cơ thể suy yếu hay bệnh tật, chết thành linh, lậu hoặc chưa đoạn trừ thì các bạn nên vững trú nơi trạng thái Sơ Thiền này, vì trong trạng thái Sơ Thiền là các bạn đã đoạn trừ năm hạ phần kiết sử, như kinh đã dạy: **“Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này (Sơ Thiền), do hoan hỷ pháp này (Sơ Thiền), vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử”**.

Khi đã đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử tức là nhập Sơ Thiên, lúc bấy giờ cơ thể không may bị bệnh chết thì trạng thái Sơ Thiên này được tướng thức tu tập tiếp để đoạn diệt lậu hoặc. Khi lậu hoặc được đoạn diệt sạch thì trạng thái Sơ Thiên này liền mất và thay thế vào trạng thái Niết Bàn. Khi ở trạng thái Niết Bàn thì không còn tương ứng với chúng sanh nữa, nên không còn tái sanh làm người, như trong kinh đã dạy: **“được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này”**. Ở đoạn kinh này, có nhiều người đã hiểu lầm hai chữ **“hoá sanh”** vì cho rằng có hóa sanh là phải có một thế giới siêu hình. Họ hiểu rằng: Hóa sanh là biến hóa sanh ra cũng giống như người thị hiện thân thông một thân biến ra nhiều thân. Thật ra, chữ hoá sanh ở đây phải hiểu nghĩa là tướng uẩn. Khi thân tứ đại này mất là sắc uẩn diệt; sắc uẩn diệt thì bốn uẩn kia cũng đều diệt theo, chỉ còn nghiệp tiếp tục luân hồi tái sanh. Nhờ tu tập nhập được Sơ Thiên nên năm hạ phần kiết sử đoạn diệt nên nghiệp thế gian đã bị muội lược, không còn tương ứng với nghiệp chúng sanh, do đó không thể tái sanh luân hồi. Con người vốn do năm uẩn duyên hợp tạo thành nên không có một linh hồn thường còn bất biến. Vì

thế, khi sắc uẩn diệt mà nghiệp không tương ứng với nghiệp chúng sanh thì không tái sanh được, tại vì hành giả đã đoạn dứt năm hạ phần kiết sử. Khi đoạn trừ năm hạ phần kiết sử thì từ trường thiện do sự đoạn trừ năm hạ phần kiết sử phóng xuất ra và bảo vệ sắc uẩn làm cho sắc uẩn không bị hư hoại, giống như một người đang ngủ nằm mộng. Khi một người tu hành thân tứ đại chết thì không nên đem thiêu đốt, chỉ nên đem chôn cất nơi khô ráo để giúp cho người ấy tiếp tục tu tập bằng tướng uẩn. Tu tập bằng tướng uẩn giống như trong chiêm bao thấy tu tập vậy, nhưng lúc bây giờ sắc uẩn phải không bị hư hoại; nếu sắc uẩn hư hoại do một nhân duyên gì thì người ấy không còn tu tập được và như vậy duyên người ấy đã thọ hết phước báo đoạn diệt năm hạ phần kiết sử.

Mọi người đều dễ hiểu lầm chỗ hóa sanh trong bài kinh này. Trong kinh Nikaya, có nhiều bài kinh nhắc đến chỗ hóa sanh này, nếu không phải là một người tu chứng thì không thể hiểu được. Cho nên, sự hiểu biết của các nhà học giả đã biến Phật giáo thành một tôn giáo có thể giới siêu hình: có linh hồn, thần thức hay Phật tánh giống như tất cả các tôn giáo khác. Hiểu như vậy, thì Phật giáo sẽ

tự mâu thuẫn lại nó, lúc thì nói 33 cõi Trời là cõi tưởng, lúc thì nói hóa sanh vào cõi Trời Sơ Thiên, Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên, v.v.. Khi người ta không hiểu hai chữ “**hóa sanh**” thì nghĩ tưởng rằng phải có cõi siêu hình mới có hóa sanh. Thật ra, hai chữ hóa sanh còn nằm trong bốn loại sanh của loài thực vật và động vật trên hành tinh này. Bốn loại sanh này gồm có:

1. Thấp sanh như loài rong rêu, cỏ cây, loài động vật sanh nơi ẩm thấp.

2. Noãn sanh như loài thảo mộc (hạt giống), loài động vật như chim, thú sanh trong trứng.

3. Thai sanh như loài người, loài thú sanh ra con.

4. Hoá sanh không phải là những Thần, Tiên biến hoá như trong truyện Tàu, như các phù thủy trong truyện cổ tích Tây Phương. Hoá sanh là một sự hợp duyên của qui luật nhân quả tạo thành vạn vật trong vũ trụ; hóa sanh là một sự hợp các gen tạo thành người, vật như các nhà khoa học. Các nhà tu theo Phật giáo có đủ bảy năng lực Giác Chi dùng thực hiện sự hóa sanh nghĩa là phối hợp các gen tạo thành người, vật và vật dụng theo ý muốn của mình,

giống như chúng ta hợp các duyên tạo thành nhà cửa, đồ vật dụng như: bàn, ghế, tủ, giường, chông, v.v.. Cho nên, đừng hiểu hóa sanh là khi chết linh hồn biến hoá vào cảnh giới siêu hình.

Chữ hóa sanh ở đây có nghĩa là tâm bám chặt ở trạng thái Sơ Thiên hoặc luôn luôn giữ tâm sống trong trạng thái ấy thì các lậu hoặc lần lượt cũng sẽ được đoạn trừ, như kinh dạy: **“Vị ấy vững trú ở đây đoạn trừ được các lậu hoặc”**. Và nếu chưa đoạn trừ được các lậu hoặc mà lỡ mất thân (chết) thì tiếp tục tu tập bằng tướng thức như trên đã nói. Tu tập bằng tướng thức được là nhờ nhập được Sơ Thiên; nhờ Sơ Thiên mà diệt được năm hạ phần kiết sử; nhờ diệt được năm hạ phần kiết sử nên phát sinh từ trường bảo vệ thân tứ đại không bị hư hoại, nhờ đó mà tướng thức thay thế ý thức tu tập cho đến khi lậu hoặc diệt sạch, như kinh dạy: **“Và nếu các lậu hoặc chưa được đoạn trừ, do tham luyện pháp này, do hoan hỷ pháp này, vị ấy đoạn trừ được năm hạ phần kiết sử, được hóa sanh, nhập Niết Bàn tại cảnh giới ấy, khỏi phải trở lui đời này”**. Như vậy, chỉ cần được nhập

Sơ Thiên thì chúng ta cũng vào được Niết Bàn, tức là cũng đã đi đến nơi đến chốn.

Bài kinh này dạy tám pháp độc nhất, chỉ cần tu một pháp là đã đi đến cứu cánh giải thoát hoàn toàn, không cần phải tu cả tám pháp. Nhưng ở đây, chúng tôi xin các bạn lưu ý, các bạn nên nhớ tùy theo khả năng của mình có đủ sức kham nhẫn một pháp này hay không? Nếu không đủ sức thì các bạn tu tập cũng chỉ hoài công mà thôi.



NIỆM PHẬT

LỜI PHẬT DẠY

“Ở đây, này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Như Lai. Và này Mahànàma, một vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, liền được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp. Người ấy có hân hoan nên hỷ sanh.

Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, người ấy có cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”.

“Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người não hại, vị ấy không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật là vậy”.

(Kinh Tăng Chi tập 3 trang 16)

CHÚ GIẢI:

Muốn tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì phải tu Định Vô Lậu, tu Định Vô Lậu tức là thể hiện pháp môn Tứ Niệm Xứ, thể hiện Tứ Niệm Xứ tức là trên thân, thọ tâm và pháp mà tu tập, sống và làm việc giống như thân, thọ, tâm, pháp của đức Phật; nhưng muốn tu tập cho được tốt thì các bạn phải tùy theo đặc tướng thân, thọ, tâm và pháp của các bạn mà niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới được triển khai mạnh, quét sạch tất cả các lậu hoặc, diệt ngã, xả tâm, ly dục, ly ác pháp.

Tu như vậy gọi là tu Định Vô Lậu câu hữu (kết hợp) với pháp Tứ Bất Hoại Tịnh, tức là tu Định Vô Lậu thân, thọ, tâm và pháp để sống và làm đúng như đức Phật đang sống và đang hành. Đúng như pháp mà đức Phật đã dạy không được làm sai lời dạy của pháp. Đúng như đời sống chúng Thánh Tăng đang sống đang hành và đúng như giới luật đã dạy không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào cả.

Tứ Bất Hoại Tịnh là bốn pháp hay là bốn đối tượng gương hạnh thanh tịnh của Đạo Phật, để làm bốn chỗ chúng ta lấy thân, thọ, tâm và pháp của mình nương theo đó giữ gìn

tu tập sống đúng đời sống giải thoát của bốn chỗ này, khiến cho thân tâm chúng ta thanh tịnh, nên đức Phật gọi pháp môn này là Tứ Bất Hoại Tịnh.

Tứ Bất Hoại Tịnh có nghĩa là bốn pháp tu tập giúp cho thân tâm thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh tức là sự giải thoát của Đạo Phật, sự giải thoát của Đạo Phật có nghĩa là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp có nghĩa là không làm khổ mình, khổ người, không làm khổ mình, khổ người là một đạo đức nhân bản của Đạo Phật, một đạo đức tuyệt vời biến cảnh thế gian này thành cảnh Cực Lạc, Thiên Đàng.

Trong kinh sách Nguyên Thủy đức Phật dạy tu Tứ Bất Hoại Tịnh là có bốn cách niệm:

- Cách thứ nhất: Niệm Phật.
- Cách thứ hai: Niệm Pháp.
- Cách thứ ba: Niệm Tăng.
- Cách thứ tư: Niệm Giới.

1- NIỆM PHẬT:

a) Niệm Phật như thế nào?

Các kinh sách Đại Thừa và các nhà học giả Phật giáo dạy niệm Phật là niệm danh hiệu Phật như:

- Nam Mô Phật Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni hay Nam Mô Ứng Cúng Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

b) Niệm Pháp như thế nào?

Kinh sách Đại thừa dạy niệm Pháp là tụng kinh, tụng chú, v.v..

c) Niệm Tăng như thế nào?

Kinh sách Đại thừa dạy niệm Tăng là cúng dường trai tăng y áo, thực phẩm, tiền bạc và tứ sự.

d) Niệm Giới như thế nào?

Kinh sách Đại Thừa dạy niệm Giới là mỗi tháng tụng giới hai ngày vào ngày 14 và ngày 30.

Cho nên, hiện giờ trong các chùa theo tượng giả của các nhà học giả Phật giáo Đại Thừa dạy Tăng Ni và các cư sĩ niệm Phật rất ồn náo, niệm tất cả những danh hiệu của chư Phật mà các nhà học giả tưởng tượng ra vô số tên Phật. Thậm chí, như bộ Tây Du Ký của Ngô Thừa Ân tưởng tượng viết theo kiểu tiểu thuyết bốn thầy trò Tam Tạng thỉnh kinh Đông Độ, đó là những nhân vật giả tưởng,

không có thật, thế mà bộ kinh Hồng Danh sám hối lại ghi những nhân vật đó vào để chư Tăng, những ngày 14 và ngày 30 mỗi tháng đều niệm và lạy hồng danh chư Phật đó, để xin sám hối cho tiêu tội. Trong kinh sám hối Hồng Danh có cái tên Đấu Chiến Thắng Phật. Đấu Chiến Thắng Phật tức là Tôn Hành Giả, Tôn Hành Giả còn có tên là Tề Thiên Đại Thánh. Tề Thiên Đại Thánh là một loài khỉ đột, nhà tiểu thuyết tưởng tượng ra chứ không có thật, thế mà các Tổ Sư Đại Thừa xem đó là có thật nên biên soạn kinh Sám Hối Hồng Danh ghi tên thầy trò Đường Tăng vào để bắt Tăng, Ni và nam nữ cư sĩ niệm Hồng danh các vị ấy và lạy mồn đầu gối. Thật là buồn cười cho quý Tăng, Ni và cư sĩ u mê ngu si bị lừa đảo mà không hay biết bị lừa đảo.

Niệm Phật như kiểu này dù có niệm muôn ngàn kiếp thì thân tâm cũng không bao giờ thanh tịnh, một bằng chứng hiển nhiên mà ai cũng thấy, quý thầy và quý Phật tử trong các chùa quanh năm suốt tháng không có ngày nào mà không tụng kinh niệm Phật, nhưng chúng ta xét lại xem số tu sĩ và cư sĩ hiện giờ tụng kinh niệm Phật thân tâm có thanh tịnh hay không? Hay tâm còn tham, sân, si như các

người khác. Như vậy, gọi là niệm Phật thân tâm được thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh chỗ nào? Đó là tướng giải của các nhà học giả dạy sai ý Phật, nên người đời sau tu mà không có kết quả, biến cảnh chùa nơi tu hành thanh tịnh thành chỗ cúng tế, niệm danh hiệu Phật. Khi tụng kinh niệm Phật thì chuông, trống, mõ làm inh ỏi ồn náo, tụng kinh như ca hát ý ê, ý à ... giọng ca giọng thấp, trầm bổng nghe như hát bộ. Kinh sách Đại Thừa biến dần Tứ Bất Hoại Tịnh thành pháp môn tụng niệm, nói cách khác là biến thành ca nhạc Phật giáo, để ru hồn tín đồ vào thế giới siêu hình mê tín, gây tinh thần tiêu cực, tựa nương vào thế giới tưởng, khiến cho Phật giáo mất hết ý nghĩa tự lực giải thoát, cho nên tín đồ hiện giờ nghe vị Thầy nào tụng niệm ê a giọng cao, giọng thấp thì rất thích, nghe như nghe âm nhạc thế gian và còn thích hơn vì thỏa mãn được tình cảm thân thương của mình đối với những người thân đã khuất.

Từ cái hiểu sai, dẫn đến sự tu sai, khiến cho Phật giáo suy thoái không còn người tu chứng đạo, chỉ còn là vọng ngữ huyền thoại nói láo chuyên nhau.

Niệm người ta hiểu nghĩa của nó là lập đi lập lại một câu kinh, một danh hiệu Phật bằng ý không lời hoặc phát ra lời nói, họ còn hiểu sai hơn nữa là nhờ câu niệm Phật để ức chế tâm không vọng tưởng như trong kinh Di Đà dạy: “...*Thất nhứt nhất tâm bất loạn chuyên trì danh hiệu A Di Đà Phật, dữ chư Thánh chúng hiện tại kỳ tiền*”, có nghĩa là niệm Phật A Di Đà từ một ngày cho đến bảy ngày, tâm không loạn tức là không có vọng tưởng thì thấy Phật Di Đà và Thánh Chúng hiện ra trước mặt, báo cho biết trước khi lâm chung, đức Phật và Thánh Chúng sẽ phóng hào quang rước về cõi Cực Lạc Tây Phương. Hiểu như vậy, nên Thầy Tổ nào cũng có một xâu chuỗi, lúc nào cũng lần chuỗi niệm Phật.

Từ chỗ hiểu sai Tứ Bất Hoại Tịnh các nhà học giả Đại Thừa và Thiên Đông Độ đã biến thành một pháp môn ức chế tâm, pháp môn ức chế tâm chẳng giúp cho người tu giải quyết được gì cả mà còn thêm bệnh.

Niệm trong Tứ Bất Hoại Tịnh có nghĩa là tư duy, quán xét, suy ngẫm về thân, thọ, tâm và pháp của đức Phật, sống như thế nào mà tâm hồn thanh thản an lạc giải thoát, cho nên niệm có nghĩa là tâm tâm niệm niệm về đời

sống của đức Phật, Ngài sống như thế nào mà tâm không phóng dật? Ngài sống như thế nào mà không làm khổ mình, khổ người?

Khi mà tâm niệm của chúng ta như vậy khiến cho tâm chúng ta đặt lòng tin trọn vẹn ở đức Phật, do đó, đức Phật sống như thế nào thì chúng ta sẽ cố gắng sống như thế nấy, đức Phật làm như thế nào thì chúng ta sẽ cố gắng làm như thế nấy. Sống và làm đúng như Phật thì tâm chúng ta thanh tịnh, không còn phóng dật tức là tâm ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp tức là tâm giải thoát hay nói một cách khác hơn là làm chủ cuộc sống, tâm bất động trước các pháp, như vậy, mới gọi là niệm Phật thân tâm bất hoại tịnh.

Đây là một bài kinh dạy cách thức niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới rõ ràng, chỉ vì các nhà Đại Thừa chẳng chịu nghiên cứu kinh sách Nguyên Thủy, tự kiến giải rồi dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới theo tưởng giải, khiến cho người tu tập ức chế tâm thành bệnh. Niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc đâu không thấy mà chỉ thấy bệnh đau quá hiểm nghèo. Hòa Thượng Thiền Tâm là người xương minh pháp môn Tịnh Độ chuyên rờn niệm Phật, không biết

Ngài niệm Phật ức chế tâm như thế nào mà trước khi chết Ngài đã ói ra máu, chúng tôi cũng có một người đệ tử cũng tu ức chế tâm để tịnh chỉ hơi thở cũng khạc ra máu đống đống. Muốn niệm Phật cho đúng thì chúng ta nên lắng nghe đức Phật dạy niệm Phật: ***“Ở đây, này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Như Lai, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, tâm không bị sân chi phối, tâm không bị si chi phối; trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Như Lai”***. Đoạn kinh trên đây, đức Phật đã xác định cách thức niệm Phật rất rõ ràng ***“Tùy niệm Như Lai”*** có nghĩa là tâm Như Lai không tham, không sân, không si thì người sống (niệm Phật) như Phật không nên để tham, sân, si chi phối. Khi tâm không bị tham, sân, si chi phối thì tâm được chánh trực. Danh từ ***“chánh trực”*** ở đây, chúng ta phải hiểu nghĩa cho rõ ràng. Chánh trực có nghĩa là tâm ngay thẳng, tâm ngay thẳng tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự là Tâm không phóng dật.

Chúng ta hãy lắng tai nghe tiếp đức Phật dạy: ***“Và này Mahànàma, một vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, liền được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan***

liên hệ đến pháp. Người ấy có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, người ấy có cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”.

Đoạn kinh trên đây, đã xác định cho chúng ta thấy kết quả cách thức sống như Phật sẽ hiện ra những trạng thái gì?

Khi sống như Phật, tâm được thanh thản, an lạc và vô sự thì liền có một niềm tin nơi đức Phật khởi lên trong ta, vì thế kinh xác định trạng thái đó bằng những danh từ ngắn gọn: ***“liên được nghĩa tín thọ”*** nhưng rất đầy đủ ý nghĩa cho những ai thực hiện đúng lời dạy này, còn những người sống không đúng như Phật thì chẳng hưởng được những kết quả này. Vì thế, Phật dạy: ***“Pháp ta không có thời gian đến để mà thấy”.***

Khi trong ta có trạng thái lòng tin Phật khởi lên, nếu ai có thực hiện được mới biết trạng thái này, một trạng thái tuyệt vời của người có lòng tin như thật. Còn bây giờ, chúng ta chưa có trạng thái này, nói tin Phật chứ chúng ta chưa có tin như thật. Khi nhận được cảm thọ lòng tin này thì ngay đó tâm hân hoan thích thú pháp niệm Phật. Vậy hân hoan

thích thú pháp niệm Phật là gì? Nghĩa là chúng ta luôn luôn thích sống như Phật, có nghĩa là tâm không còn ham muốn một vật gì hết, ngay cả chuyện ăn uống cũng không còn ham muốn ăn uống gì cả. Tâm sân cũng vậy, không còn một pháp ác nào tác động vào thân tâm, làm ta không thể nổi sân được và si cũng vậy lúc bây giờ không còn ham thích lười biếng ưa ngủ nghỉ, có nghĩa là trong trạng thái tin thọ không còn hôn trầm, thùy miên, vô ký nữa mà rất siêng năng sống như Phật. Cho nên, đoạn kinh dạy: **“Được hân hoan liên hệ đến pháp”**. Cụm danh từ này có nghĩa là vui mừng thích thú sống như Phật.

Khi trong tâm có trạng thái thích sống như Phật thì một trạng thái khác hiện lên, đó là trạng thái niềm vui mừng khởi lên trong ta như kinh dạy: **“Người ấy có hân hoan nên hỷ sanh”**. Niềm vui mừng hiện rõ trong ta thì cơ thể ta an lạc và nhẹ nhàng như không còn trọng lượng, bước đi rất thoải mái, thân không còn đau nhức hay mệt mỏi gì cả, một trạng thái của thân an lạc vô cùng, nên kinh dạy: **“Người có hỷ, nên thân được khinh an”**. Đúng vậy, người có niềm vui thì thân được nhẹ nhàng an lạc. Khi thân được nhẹ nhàng an lạc

thì toàn bộ thân tâm có được một cảm giác thọ lạc một cách kỳ lạ mà không thể nói ra được, vì không có danh từ nào để diễn tả, chỉ có người nào tu tập đến những trạng thái này mới cảm nhận được như người uống nước nóng lạnh tự biết, không thể người ngoài cuộc biết được. Đoạn kinh đã xác định rõ ràng: **“Với thân khinh an, người ấy có cảm giác lạc thọ”**. Trong trạng thái lạc thọ này, hành giả mới xác định được tâm định tĩnh. Từ lâu, mọi người ai cũng nói tâm định tĩnh, nhưng chưa ai biết được trạng thái tâm định tĩnh như thế nào? Trải qua bao nhiêu trạng thái mới thấy được tâm định tĩnh. Với tâm định tĩnh này, các bạn sẽ nhập thiền định không có khó khăn, không có mệt nhọc. Tu tập được tâm định tĩnh không phải dễ đâu các bạn ạ!

Sống như Phật, cuối cùng chúng ta mới có được trạng thái tâm định tĩnh như trong kinh dạy: **“Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”**. Nếu tâm bạn chưa có lạc thọ thì không bao giờ bạn có được tâm định tĩnh.

Sau khi được tâm định tĩnh thì các bạn mới có một cuộc sống bình thản trước mọi ác pháp và mọi cảm thọ; chừng đó chúng ta mới không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả

chúng sanh như thật; chừng đó tâm chúng ta mới bất động thật sự trước các ác pháp và các cảm thọ. Chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người não hại, vị ấy không não hại. Nhập được pháp lưu, vị ấy tu tập niệm Phật là vậy”.*** (Kinh Tăng Chi tập 3 trang 16).

Đến đây, các bạn đã thấy rõ phương pháp niệm Phật của Phật giáo Nguyên Thủy không giống phương pháp niệm Phật của kinh sách Đại Thừa. Niệm Phật của kinh sách Đại Thừa là phương pháp niệm Phật ức chế tâm nhằm chế ngự vọng tưởng ***“Thất nhứt nhất tâm bất loạn...”***. Đó là một phương pháp niệm Phật của ngoại đạo, chúng ta tu theo Phật thì hãy ném bỏ nó vì đó là phương pháp tu tập sai. Xin các bạn cần lưu ý để tránh sự lừa đảo của ngoại đạo.

Trên đây là một trong những bài kinh đã xác định đức Phật dạy niệm Phật rõ ràng, ***“Dựa vào Như Lai”*** có nghĩa là sống giống như Như Lai thì đó là niệm Phật đúng nghĩa. ***“Dựa vào Như Lai”*** còn có nghĩa là tất cả oai

nghi đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, ăn, uống, mặc y, mang bát, v.v.. đều có mặt Như Lai đang theo mình từng bước, từng việc làm, từng oai nghi tế hạnh.

Người niệm Phật luôn luôn lúc nào cũng thấy Phật ở bên mình nên cẩn thận phòng hộ sáu căn, giữ gìn nghiêm chỉnh không dám lơ đãng, lúc nào cũng cảnh giác đề phòng. Do tu tập như nên tâm thanh tịnh, tỉnh giác trong chánh niệm. Nhờ đó, mà tâm được định tĩnh. Tâm được định tĩnh thì tâm nhu nhuyễn, dễ sử dụng nên nhập các định không có khó khăn, không có mệt nhọc như trong kinh Phật đã dạy.

2- NIỆM PHÁP:

Niệm Pháp như thế nào?

Niệm Pháp theo kiểu các nhà học giả Đại Thừa dạy: “**Nam Mô Pháp**”, tức là tụng kinh, tụng chú. Trong các chùa hiện nay, ngày bốn thời tụng niệm: Tối tụng kinh cầu an, cầu siêu; khuya công phu tụng chú Thủ Lăng Nghiêm cúng nước; trưa cúng cơm chim đại bàng; Chiều công phu thí thực gạo muối cúng cô hồn tụng kinh Mông Sơn. Niệm Pháp như vậy, dù cho có

niệm đến 1.000 năm, 1.000.000 năm, thân tâm của quý vị cũng không thanh tịnh.

Niệm Pháp theo kinh Nguyên Thủy dạy, có nghĩa là phải tư duy suy nghĩ những pháp mà đức Phật đã dạy như: Tứ Bất Hoại Tịnh, Tứ Chánh Cần, Tứ Niệm Xứ, Tứ Như Ý Túc, v.v.. cách thức sống và tu tập như thế nào rồi theo đó sống và tu tập cho đúng pháp như vậy gọi là niệm Pháp.

Ví dụ: đức Phật dạy: ***“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”***, theo lời dạy này, ngày ngày tâm tâm niệm niệm luôn luôn cảnh giác giữ gìn và ngăn ngừa các pháp ác, nếu lỡ có các pháp ác nào sanh ra thì mau mau tìm cách diệt nó, không được để trong tâm kéo dài sự khổ đau giận hờn phiền toái bất toại nguyện, khiến cho tâm thanh thản an lạc nhẹ nhàng thoải mái yên ổn, đó chính là chúng ta niệm Pháp, niệm Pháp như vậy mới có kết quả giải thoát ngay liền, khiến cho tâm thanh tịnh nên gọi là niệm Pháp thân, tâm bất hoại tịnh.

Pháp của đức Phật có 37 phẩm trợ đạo, chúng ta nên chọn trong 37 phẩm trợ đạo này với một pháp môn nào phù hợp với đặc tướng của mình, rồi lấy đó thực hành áp dụng vào

cuộc sống hằng ngày, để xây dựng cho mình có một đạo đức làm người mà không làm khổ mình, khổ người, đây là niệm pháp bất hoại tịnh.

Đây, chúng ta hãy lắng nghe một đoạn kinh mà đức Phật đã dạy niệm Pháp: ***“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Pháp: “Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến để mà thấy, có khả năng hưởng thượng, được những bậc trí tự mình giác hiểu!”***.

Đoạn kinh trên đây đức Phật khéo nhắc nhở chúng ta phải nghiên cứu kỹ ***“giáo pháp phải thiết thực hiện tại”*** nghĩa là giáo pháp không có mơ hồ trừu tượng, không có ảo tưởng mê tín, không có nói chuyện trên trời dưới đất, thế giới siêu hình, linh hồn ma quỷ thần thánh, không nói chuyện thần thông pháp thuật bày trò lừa đảo, v.v..

“Không có thời gian, đến để mà thấy”, có nghĩa là Pháp của Phật không phải tu nhiều đời nhiều kiếp như kinh sách Đại thừa dạy: ***“Tu phải nhiều đời nhiều kiếp, tu vô lượng kiếp”***. Lời dạy ấy là lời nói sai.

Pháp của Phật là đạo đức làm người, nếu chúng ta không sống như pháp thì không đạo đức. Không đạo đức là sống trong các ác pháp. Sống trong các ác pháp là khổ đau, là không giải thoát. Cho nên, pháp không có thời gian, hề nếu ai sống đúng như pháp thì có giải thoát ngay liền. Cho nên, đức Phật dạy: **“Đến để mà thấy”**.

Pháp của Phật rất thực tế như vậy. Cho nên, ai sống được như pháp là niệm Pháp, chứ không phải niệm pháp là tụng kinh, xin các bạn lưu ý cho. Sống như pháp của Phật sẽ đưa chúng ta từ loài động vật chuyển thành con người, từ con người chuyển thành Thánh nhân **“Có khả năng hưởng thưởng”**.

Thưa các bạn! Khi chúng ta sống đúng như pháp thì tâm tham, sân, si không chi phối được ta, nên hoàn toàn thân tâm ta được giải thoát. Vậy chúng ta hãy lắng nghe Phật dạy niệm Pháp: **“Này Mahànàma, trong khi vị Thánh đệ tử tùy niệm Pháp, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối”**. Đúng vậy, chúng ta sống đúng như pháp đã dạy thì tâm tham, sân, si không còn tác động được nên thân tâm được thanh thản an lạc và vô sự.

Thân tâm được thanh thản, an lạc và vô sự mà trong kinh dạy tâm vị ấy được chánh trực: ***“Trong khi ấy tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Pháp”***.

Khi tâm được thanh thản, an lạc và vô sự thì lòng tin đối với chánh pháp của Phật mới được đầy đủ trọn vẹn: ***“Và này Mahànàma, Thánh đệ tử với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ”***.

Khi lòng tin chánh pháp được hiện tiền thì tâm ta hân hoan rất thích thú ưa pháp muốn tu mãi, muốn không rời pháp. Do đó, đức Phật xác định: ***“Được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến pháp”***.

Khi tinh tấn siêng năng ôm pháp tu tập thì niềm vui trong ta sinh khởi: ***“Người có hân hoan nên hỷ sanh”***.

Khi niềm vui trong ta sinh khởi thì cảm giác toàn thân nhẹ nhàng an lạc, nên đoạn kinh xác định: ***“Người có hỷ nên thân được khinh an”***.

Khi cảm giác toàn thân nhẹ nhàng an lạc thì thân tâm có một trạng thái lạc thọ tuyệt vời, đến đây người nào có tu tập mới cảm nhận

được: **“Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ”**.

Khi chúng ta cảm giác thân tâm lạc thọ đầy đủ thì tâm lúc nào cũng không phóng dật, luôn luôn bất động định tĩnh. Chúng ta nghe Phật dạy: **“Với tâm định tĩnh nhu nhuyễn, dễ sử dụng”**. Đây là tâm định tĩnh mà trên con đường tu tập từng giờ, từng phút mà chúng ta mới thấy được: **“Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”**.

Để kết luận phương pháp niệm pháp chổ tâm bất động chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: **“Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này được nói như sau: “Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm Pháp”**. (Kinh Tăng Chi tập 3 trang 18).

3- NIỆM TĂNG:

Niệm Tăng như thế nào?

Nếu theo kinh sách của các nhà học giả Đại Thừa dạy: **“Nam Mô Tăng”** và cứ như vậy mà niệm thì dù có tu trăm muôn ngàn kiếp thì thân tâm này cũng chẳng thanh tịnh. Nam Mô

Tăng như vậy là một pháp ức chế tâm, khiến cho tâm bị dồn nén tham, sân, si, mạn, nghi, càng tu thì tâm này càng tham, sân, si dữ tợn khi gặp chướng ngại pháp.

Nam mô Tăng theo nghĩa của kinh sách Đại Thừa dạy là trai tăng cúng dường y áo, thực phẩm, thuốc thang, giường nằm, nhà ở, tứ sự, v.v.. nhờ cúng dường như vậy, nên thọ được phước báu hữu lậu vô lượng. Điều này không đúng với đường lối tu tập của Đạo Phật, đó là lối niệm Tăng của Đại Thừa, không đúng chánh pháp của Phật.

Theo kinh sách Nguyên Thủy, muốn tu pháp niệm Tăng cho đúng thì trước tiên phải chọn những vị Tăng nghiêm trì giới luật. Những vị Tăng nghiêm trì Giới luật là những vị sống thiếu dục tri túc, ba y một bát, sống không có chùa to Phật lớn, sống xa lìa những vật chất tiện nghi đầy đủ, sống không có ăn mặc sang đẹp, sống thường đi xin từng miếng mà ăn, sống không cất giữ tiền bạc của cải tài sản, thường lấy gốc cây làm giường nằm, sống ngày một bữa, không có ăn uống phi thời.

Chọn được những vị Tăng như vậy, chúng ta tôn kính những bậc này và xin họ làm Thầy. Từ đây, chúng ta có ngọn đuốc soi

đường, hằng ngày ta quan sát tư duy qua gương Thánh hạnh đạo đức của họ và chúng ta tập sống như họ, để biết nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng, để biết đẩy lui các chương ngại pháp trong tâm, để biết thương yêu hòa hợp với mọi người, để biết chịu phần thiệt về mình, luôn luôn bắt chước các đức hạnh của chúng Tăng, sống theo gương Thánh đức của chúng Tăng. Chính những vị Tăng này là thân giáo đang dạy chúng ta tu tập bằng những bài pháp không lời, họ là những người tu chứng. Ngược lại, những vị Tăng phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới thì chúng ta xem họ như những tu sĩ Bà La Môn không đáng cho chúng ta cung kính và cúng dường.

Tư duy quán xét những đức hạnh sống của chúng Thánh Tăng để lấy đó làm gương sống tu tập ly dục ly ác pháp, đó mới chính là chúng ta niệm Tăng. Niệm Tăng như vậy, có ích lợi cho mình, cho người rất lớn, sẽ không làm khổ mình, khổ người; niệm Tăng như vậy thân tâm mới thanh tịnh; niệm Tăng như vậy mới gọi là niệm Tăng Bất Hoại Tịnh.

Đây là lời đức Phật dạy chúng ta cách thức niệm Tăng: ***“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm Tăng: “Diệu hạnh***

là chúng đệ tử Thế Tôn. Trực hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Ứng lý hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Chánh hạnh là chúng đệ tử của Thế Tôn. Tức là bốn đôi tám vị. Chúng đệ tử Thế Tôn này đáng được cung kính, đáng được tôn trọng, đáng được cúng dường, đáng được chấp tay, là vô thượng phước điền ở đời”.

Đoạn kinh này đức Phật nêu ra rất rõ các hạnh của vị Thánh Tăng để chúng ta lấy đó làm gương mà sống theo cho đúng. **“Diệu hạnh, Trực hạnh, Ứng lý hạnh, Chánh hạnh”**. Muốn biết rõ các hạnh này thì chúng ta nên hiểu từng hạnh một.

a) Diệu Hạnh:

Vậy diệu hạnh nghĩa là gì? Diệu hạnh là những oai nghi tế hạnh của một tu sĩ đều được dạy trong bộ giới luật đức Thánh hạnh của Phật. Xin các bạn hãy đọc bộ sách Văn Hoá Truyền Thống từ tập 1, 2, 3, 4, 5... thì sẽ rõ. Diệu hạnh là những hành động ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp của Tứ Chánh cần; là những hành động từ, bi, hỷ, xả của Tứ vô Lượng Tâm.

b) Trực Hạnh:

Vậy Trục hạnh nghĩa là gì? Trục hạnh là những hành động trực tiếp làm chủ bốn sự đau khổ trên thân, thọ tâm và pháp có nghĩa làm chủ sinh, già, bệnh, chết chấm dứt luân hồi. Trục hạnh chính là những hành động Tứ Thánh Định, Tứ Như Ý Túc và Tam Minh.

c) Ứng Lý Hạnh:

Vậy Ứng lý hạnh nghĩa là gì? Ứng lý hạnh là hành động sống hằng ngày tương ứng đúng lý với hành động của Phật, của Pháp, của chúng Thánh Tăng và của Giới Luật, đó là những hành động sống Tứ Bất Hoại Tịnh.

d) Chánh Hạnh:

Vậy Chánh hạnh nghĩa là gì? Chánh hạnh là những hành động sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh. Chánh hạnh tức là tâm thanh thản, an lạc và vô sự.

Tóm lại, một người tu tập pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh sẽ có đủ bốn hạnh trên đây. Người có đủ bốn hạnh trên là người toàn thiện, là người làm chủ nhân quả, là người vượt ra khỏi không gian vũ trụ, là người không còn bị chi phối bởi qui luật của nhân quả.

Khi chúng ta niệm Tăng đúng pháp như vậy thì tâm không bị tham, sân, si chi phối, do đó tâm được thanh thản, an lạc và vô sự như đức Phật đã dạy: ***“Này Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm chúng Tăng, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối, trong khi ấy tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào tùy niệm chúng Tăng”***.

Khi tâm được thanh thản, an lạc và vô sự thì tất cả những trạng thái tín thọ, vui mừng, hoan hỷ, khinh an, lạc thọ và định tĩnh lần lượt xuất hiện đầy đủ. Khi sống đúng niệm chúng Thánh Tăng như vậy thì sự tu tập giải thoát đâu phải là sự khó khăn. Phải không các bạn?

Chúng ta hãy lắng nghe cho kỹ những lời Phật dạy: ***“Và này Mahànàma, một vị Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan liên hệ đến chúng Tăng. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ tâm được định tĩnh”***.

Khi sống đúng như chúng Thánh Tăng thì tâm chúng ta bất động trước các ác pháp và các cảm thọ tức là tâm chúng ta ly dục ly ác pháp hoàn toàn nhập vào dòng Thánh như kinh dạy: ***“Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm chúng Tăng”.*** (Kinh Tăng Chi tập 3 trang 19).

4- NIỆM GIỚI:

Niệm Giới như thế nào? Các nhà Đại Thừa dạy niệm giới, cứ mỗi nửa tháng một kỳ tụng giới vào ngày 14 hoặc ngày 30. Họ tập trung nhau lại tụng giới. Đó là cách thức của họ niệm giới của Đại Thừa. Niệm giới như vậy, dù họ niệm một triệu kiếp cũng không nghiêm trì được giới luật, cũng không thanh tịnh được thân tâm, chỉ là một hình thức lừa đảo tín đồ, xem như mình có giữ giới.

Họ đâu biết rằng Giới luật là hành động sống đạo đức của một vị Thánh Tăng, nếu họ tụng giới luật suông như vậy thì không có ý

nghĩa và lợi ích gì cả, đó chỉ là hình thức che đậy cho sự phá giới của họ.

Cho nên, hầu hết các thầy Đại Thừa niệm Giới như vậy đều sống phá giới, phạm giới, bẻ vụn giới hết không còn một giới nào là họ không vi phạm.

Các nhà Đại Thừa hiểu không đúng pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh nên thực hành sai, do thực hành sai mà thân tâm ô nhiễm không thanh tịnh, cuối cùng tu Tứ Bất Hoại Tịnh mà thành Tứ Hoại Tịnh, không có giải thoát chút nào. Vậy niệm Giới như thế nào cho đúng?

Muốn niệm Giới cho đúng thì phải học giới luật cho thông suốt. Khi Giới luật đã học thông suốt thì chúng ta quán xét và tư duy những đức hạnh nào của giới dạy về đạo đức làm người và những giới luật nào dạy về giới đức làm Thánh. Chúng ta đã hiểu rõ các đức hạnh của giới xong, thì từ đó hằng ngày chúng ta quyết tâm phải sống cho đúng những đạo đức làm người và làm Thánh, nhờ có quán sát và tư duy theo từng hành động thân miệng ý của mình như vậy, nên sống đúng giới luật nghiêm túc, do sống đúng giới luật nghiêm túc nên thân tâm thanh tịnh ly dục ly ác pháp, từ đó thân tâm không hoại sự thanh tịnh.

Người tư duy quán sát và sống đúng giới luật như vậy nên gọi là niệm Giới Bất Hoại Tịnh, niệm như vậy mới gọi là niệm giới, chứ không phải niệm giới theo kiểu các nhà Đại Thừa tụng một bài giới là xong, niệm Giới như vậy, gọi là niệm giới Đại Thừa, chứ không phải niệm Giới Bất Hoại Tịnh.

Đây chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy niệm Giới: ***“Lại nữa này Mahànàma, Thánh đệ tử tùy niệm các giới của mình: “Giới không bị bẻ vụn, không bị sút mẻ, không bị vết chấm, không bị ướm tấy, đưa đến giải thoát, được người trí tán thán, không bị chấp thủ, đưa đến thiên định”.***

Đoạn kinh này các bạn có nghe lời Phật dạy chẳng? Giới không bị bẻ vụn, không bị sút mẻ, không bị vết chấm, không bị ướm tấy, lời dạy này giúp cho chúng ta xét thấy từng giới một của Phật xem coi có giới nào bị ai bẻ vụn, làm sút mẻ, làm cho có vết chấm, làm cho ướm tấy giới thì chúng ta không chấp nhận những loại giới này.

Ví dụ: giới không ăn phi thời thì các Tổ sau này làm thành vết chấm là ăn ngọ. Bẻ vụn: chư Thiên ăn sáng; Phật ăn giờ ngọ; chúng sanh ăn sau giờ ngọ; ngựa quỷ ăn đêm.

Làm ế tạp sáng ăn, trưa ăn, chiều ăn hoặc không ăn sáng, chiều thì lại uống sữa bột đường, v.v.. Các Nhà Đại Thừa do Giới bị bẻ vụn, bị sút mẻ, bị vết chàm, bị ế tạp nên tâm bị tham, sân, si chi phối, vì vậy nên thích sống trong chùa to Phật lớn, mỗi ngôi chùa cất hàng tỷ bạc, xe hơi tủ lạnh, máy điều hòa không khí, tivi, điện thoại di động, v.v..

Ngược lại, niệm đúng như lời Phật dạy trong kinh Nguyên Thủy thì tâm không tham, sân, si chi phối thì lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự như đoạn kinh dưới đây Phật dạy: ***“Này Mahànàma, trong khi Thánh đệ tử tùy niệm Giới, trong khi ấy, tâm không bị tham chi phối, không bị sân chi phối, không bị si chi phối, trong khi ấy, tâm vị ấy được chánh trực, nhờ dựa vào Giới”***.

Khi niệm giới đúng pháp như giới thì tâm bất động, thanh thản, an lạc vô sự. Tâm bất động, thanh thản, an lạc vô sự thì các trạng thái giải thoát sẽ xuất hiện đầy đủ như: tín thọ, hân hoan, hỷ lạc, khinh an, lạc thọ và định tĩnh. Đây chúng ta hãy lắng nghe đức Phật dạy: ***“Và này Mahànàma, một Thánh đệ tử, với tâm chánh trực, được nghĩa tín thọ, được pháp tín thọ, được hân hoan***

liên hệ đến giới pháp. Người có hân hoan nên hỷ sanh. Người có hỷ, nên thân được khinh an. Với thân khinh an, vị ấy cảm giác lạc thọ. Người có lạc thọ, tâm được định tĩnh”.

Khi tâm định tĩnh nhu nhuyễn, dễ sử dụng thì chúng ta đã nhập vào dòng Thánh không bao giờ còn trở lui về thế tục nữa: ***“Này Mahànàma, về vị Thánh đệ tử này, được nói như sau: “Với mọi người không bình đẳng, vị ấy sống bình đẳng. Với mọi người có não hại, vị ấy sống không não hại. Nhập được pháp lưu, đó là vị ấy tu tập niệm Giới”.*** (Kinh Tăng Chi tập 3 trang 19).

Đây là một trong những bài kinh để xác chứng lời đức Phật dạy như vậy, mà các Tổ dám cả gan dạy sai, khiến cho người đời sau tu tập sai lạc, đó là các Tổ dạy sai pháp của đức Phật, còn những pháp các Tổ bịa đặt ra cũng đều gán cho là đức Phật thuyết. Bởi vậy, từ 25 thế kỷ nay người ta tu theo Đạo Phật chứ kỳ thật là người ta tu theo Đạo của các Tổ, cho nên hàng triệu vạn người tu hành mà chẳng có ai làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Các bạn nên nhớ, nếu các bạn quyết tâm tu hành tìm cầu sự giải thoát của Đạo Phật, thì chỉ cần tu Tứ Bất Hoại Tịnh là các bạn cũng đã thành tựu viên mãn con đường tu tập có nghĩa là các bạn sẽ làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người: sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi, thì cần gì các bạn phải tu các pháp môn khác.

Còn chúng tôi nói tu Tứ Bất Hoại Tịnh câu hữu với Định Vô Lậu là vì các bạn nên tư duy, quán xét, suy ngẫm về Phật, Pháp, Tăng và Giới để các bạn thực hiện sống cho đúng như Phật như Pháp, như chúng Thánh Tăng và như giới luật đã dạy, để không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, đó là cách thức quét sạch lậu hoặc trong các bạn nên mới gọi là câu hữu với Định Vô Lậu, chứ kỳ thực các bạn không có tu Định Vô Lậu mà tu Tứ Bất Hoại Tịnh.

Tóm lại, một người quyết tâm tu hành để tìm cầu sự giải thoát thì chỉ cần tu Tứ Bất Hoại Tịnh thì cũng đủ sự giải thoát rồi, đâu cần gì phải tu nhiều thứ cho mệt.

Ví dụ: mình quyết sống như Phật thì khi gặp chướng ngại pháp trong tâm, chúng ta nhất định không sân, không phiền não, không đau khổ, sống và làm y như Phật thì ngay đó

thân tâm thanh tịnh hay nói cách khác là tâm bất động trước các pháp. Tu hành chỉ có như vậy mà thôi, thế mà chẳng ai làm được cả.

Pháp môn Tứ Bất Hoại Tịnh là một pháp môn tuyệt vời, nếu một người quyết tử tu tập thì sẽ có kết quả ngay liền, không còn phải chờ đợi kéo dài từ năm này đến tháng kia hoặc năm khác. Để kết luận bài pháp này bằng lời dạy của đức Phật: ***“Pháp được Thế Tôn khéo thuyết, thiết thực hiện tại, không có thời gian, đến đở mà thấy, có khả năng hướng thượng, được những bậc trí tự mình giác hiểu!”***



ĐIỀU PHỤC TÂM MÌNH

LỜI PHẬT DẠY

“Dạy người như thế nào?

Hãy dạy mình như vậy

Khéo điều, mới điều người

Khó thay tự điều phục”.

(Kinh Pháp Cú XII: Phẩm Tự Ngã (159))

CHÚ GIẢI:

Thường ở đời người ta hay đem đạo lý này, đạo lý kia ra dạy người khác, nhưng chính bản thân chưa làm đúng những đạo lý ấy. Cho nên, đức Phật dạy:

“Dạy người như thế nào?

Hãy dạy mình như vậy”

Điều tâm là một việc làm rất khó, nếu ai có tu tập thì mới biết. Khó, vô cùng khó là phải điều tâm cho đúng cách, nếu điều tâm không đúng cách thì bị ức chế tâm; ức chế tâm là tự làm khổ mình, con đường tu hành chẳng

đi đến đâu cả. Điều phục được tâm mình tức là làm chủ được tâm. Làm chủ được tâm có nghĩa là tâm ham thích một việc gì thì không làm theo.

Ví dụ 1: Tâm muốn ăn, ngủ phi thời thì không làm theo ăn ngủ phi thời, đó là điều phục tâm.

Ví dụ 2: Tâm tức giận, sân hận một người nào đó, ta không làm theo như vậy, luôn giữ tâm thanh thản, an lạc và vô sự, đó là điều phục tâm.

Ví dụ 3: Khi thân bị bệnh đau nhức ta giữ tâm bất động, không dao động, không hề sợ hãi, không sợ chết, không lo bệnh nặng hay nhẹ, không đi bác sĩ uống thuốc này, thuốc nọ, để trấn áp tinh thần, v.v.. đó là điều phục tâm, chứ không phải điều phục tâm theo kiểu Đại Thừa và Thiền Đông Độ là tập trung tâm cho hết vọng tưởng.

Khi điều phục tâm được như vậy thì tâm được thanh thản, an lạc và vô sự. Khi tâm ta sống được an lạc và vô sự thì ta mới dạy người điều phục, như kinh dạy:

***“Khéo điều, mới điều người
Khó thay tự điều phục”.***

Bài kệ này hàm ý đức Phật dạy các đệ tử của mình, khi tu tập chứng đạo xong thì mới dạy người, còn nếu như tu chưa chứng đạo mà vội dạy người tu tập là dạy sai. Tại sao vậy?

Tại vì tâm mình còn như đồng rác bần, chưa tự điều phục được: ***“Khó thay tự điều phục”***. Vậy mà đi dạy người là dạy làm sao? Nhưng khi biết cách điều phục tâm, tâm không còn ương ngạnh tức là tâm không còn tham, sân, si. Tâm không còn tham sân si tức là tâm bất động; tâm bất động là tâm nhu nhuyễn, dễ sử dụng; tâm nhu nhuyễn, dễ sử dụng là tu đã xong. Chừng ấy, ta mới dạy người đâu có muộn. Phải không các bạn?

“Khéo điều, mới điều người

Khó thay tự điều phục”.

Mục đích tu hành của chúng ta là nhắm vào chỗ cứu mình ra biển khổ, chứ không phải làm thầy dạy người tu. Cho nên, khi tu chưa xong mà dạy người thì làm sao người tu cho được. Phải không các bạn?

Hai câu đầu của bài kệ trên đây xin các bạn lưu ý: Đây là lời nhắc nhở của đức Phật đối với những người tu chưa chứng mà đi giảng

đạo. Phần đông các giảng sư dạy người tu rất hay, nhưng chính ông dạy ông rất dở.

Ví dụ: Các bậc tôn túc thường truyền dạy Phật tử phải giữ gìn năm giới, tám giới hoặc mười giới, nhưng trái lại các ông đều phạm tất cả các giới cấm này, không còn một giới nào mà các ông không phạm. Cho nên, Phật dạy:

“Dạy người như thế nào?”

Hãy dạy mình như vậy”.

Ghi nhớ lời dạy trên đây, các bạn hãy nhìn xem các ông giảng sư thời nay có đúng như lời chúng tôi đã nói không?



HẾT TẬP I

MỤC LỤC

Lời nói đầu.....	5
Trưởng lão	15
Hồ thẹn.....	33
Khó! Khó! Khó!!!	39
Có hai lộ trình	52
Đừng nên dạy đạo khi mình tu chưa xong.....	58
Vượt dòng sanh tử.....	61
Biết rõ sự tái sanh trong tương lai.....	66
Xác định các pháp tu tập.....	75
Kệ lúc thành đạo	87
Tứ chánh cần.....	91
Lòng tin chân chánh.....	96
Thiền xả tâm	108
Pháp hướng tâm	118
Thiền thứ tư.....	121
Không sở hữu.....	124
Bậc chiến thắng.....	135
Bà la môn	140
Chọn bạn.....	146
Thiền định.....	149
Trí ngu.....	159
Hạnh và Minh	164

Bậc hiền trí.....	168
Tâm bất động	174
Niết bàn.....	179
Khi nào ngồi kiết già tu tập.....	184
Bảy diệu pháp	200
Hạnh đức và trí đức.....	219
Kinh bát thành.....	228
Thứ nhất: Sơ Thiền là pháp độc nhất trong kinh bát thành.....	232
Thứ hai: Nhị Thiền là pháp độc nhất trong kinh bát thành.....	234
Thứ ba: Tam Thiền là pháp độc nhất trong kinh bát thành.....	236
Thứ tư: Tứ Thiền là pháp độc nhất trong kinh bát thành	238
Thứ năm: Từ tâm là pháp độc nhất trong kinh bát thành	240
Thứ sáu: Bi tâm là pháp độc nhất trong kinh bát thành	243
Thứ bảy: Hỷ tâm là pháp độc nhất trong kinh bát thành	245
Thứ tám: Xả tâm là pháp độc nhất trong kinh bát thành	247
Niệm phật.....	261
Điều phục tâm mình.....	292

GIỚI THIỆU SÁCH

1. Đường về xứ Phật (Mười tập, bộ mới).
2. Những lời gốc Phật dạy (4 tập, bộ mới - 2011).
3. Văn hóa Phật giáo truyền thống (2 tập, bộ mới - 2011).
4. Đạo đức làm người (Tập I, II...).
5. Cẩm nang tu Phật (Hai tập).
6. Thiền căn bản.
7. Hành thập thiện & Tứ vô lượng tâm.
8. Những chặng đường tu học của người cư sĩ.
9. Thời khóa tu tập trong thời đức Phật.
10. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Hiếu Sinh (Tập I, II, III).
11. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Ly Tham (Tập I...).
12. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đạo Đức Gia Đình (Tập I...).
13. Mười Đức Thánh Sa Di (Tập I, II).
14. Giới đức Thánh Tăng, Thánh Ni.
15. Định niệm hơi thở.
16. Phật giáo có đường lối riêng biệt.
17. Pháp môn niệm Phật tứ bất hoại tịnh

18. Nghi thức thọ trai.
19. Những lời tâm huyết...
20. Mười hai cửa vào đạo (2009).
21. Tạo duyên giáo hóa chúng sinh (mới 2009).
22. Lòng yêu thương (2009).
23. Linh hồn không có (2010 quý I).
24. Muốn chứng đạo phải tu pháp môn nào? (2010)
25. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (2010).
26. Giới đức làm người – 2 tập (bộ mới - 2010).
27. Lịch sử chùa Am (bộ mới - 2010).
28. Linh hồn không có – tái bản lần I (2010 quý IV).
29. Sống một mình như con Tê Ngưu (2010)
30. Thanh qui Tu viện Chơn Như (2010)
31. Lòng yêu thương – tập 2 (2011 quý I)

Các trang web hiện hành có đăng tải sách
của Trưởng lão Thích Thông Lạc:

<http://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.chonlac.org>

<http://www.chonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

...

Ước mong mọi người sống không làm khổ
mình, khổ người và khổ chúng sinh.

PHẬTỬ XIN ẤN TỔNG KINH

“NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY-TẬP I”

- Phật tử Hà Nội
- Phật tử Thái Nguyên, Bắc Giang
- Phật tử Hải Phòng, Hải Dương
- Phật tử Bắc Ninh
- Phật tử Quảng Ninh
- Phật tử Hà Nam, Nam Định, Ninh Bình
- Phật tử Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh
- Phật tử Đồng Hới, Quảng Bình
- Phật tử Phú Yên
- Phật tử Đà Nẵng
- Phật tử Huế Thừa Thiên
- Phật tử Ninh Thuận
- Phật tử Nha Trang, Khánh Hòa
- Phật tử Bình Phước
- Phật tử Lâm Đồng, Đà Lạt
- Phật tử TP Hồ Chí Minh
- Phật tử Đồng Nai
- Phật tử Cần Thơ

- Phật tử Đồng Tháp
- Phật tử Châu Đốc, An Giang
- Phật tử Cái Bè, Cai Lậy
- Phật tử Long An
- Phật tử Tây Ninh
- Phật tử Tiền Giang, Mỹ Tho, Bến Tre
- Phật tử Sóc Trăng, Bạc Liêu
- Phật tử Kiên Giang
- Phật tử Cà Mau, Nam Căn
- Phật tử Bà Rịa - Vũng Tàu
- Phật tử Phước Hải, Long Đất
- Phật tử Hóc Môn, Bà Điểm
- Phật tử Củ Chi, Gia Định
- Phật tử Bình Dương
- Phật tử Gò Dầu, Bến Cầu
- Phật tử Tra Võ, Giang Tân
- Phật tử Cẩm Giang
- Phật tử Phước Hiệp
- Phật tử Gia Bình, Bàu Tre
- Phật tử Bình Lái, Lái Thiêu



NHỮNG LỜI GỐC PHẬT DẠY-TẬP I

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa – Q.Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: **Trần Xuân Lý**

Bìa & Trình bày: **Ngọc Phúc**

Sửa bản in: **Ngọc Phúc**

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: 066.3892911 - 0988094445

Email: chonnhu.info@gmail.com

Số lượng in: 2.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm
In tại **CTY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**
(Tp.HCM. ĐT: 38164415)
Số xuất bản: 1171-2010/CXB/110-248/TG
In xong và nộp lưu chiểu Quý I năm 2011

